

diễn đàn

Số 59 / 1.1.1997

ISSN 1164-2378

F O R U M

*Diễn Đàn kính chúc bạn
đọc một năm mới 1997 sức khoẻ
và hạnh phúc.*

Giáo dục Việt Nam, bài toán không lời giải ?

Hà Dương Tường

mục lục

2 Bạn đọc và Diễn Đàn

Thời sự, những vấn đề

- | | | |
|----|---|----------------|
| 1 | Giáo dục Việt Nam | Hà Dương Tường |
| 5 | Lại viết về báo | Hoà Vân |
| 7 | Tin tức | |
| 12 | Đi tìm nét cộng hoà... | Bùi Mộng Hùng |
| 15 | Hội nghị WTO | Nguyễn Quang |
| 17 | Việt Nam trong bối cảnh
kinh tế thế giới thế kỷ 21 | Vũ Quang Việt |
| 29 | Về tình hình giáo dục | Hoàng Tuy |

Văn hoá, khoa học, nghệ thuật

- | | | |
|----|------------------------|-------------------|
| 15 | Điểm sách | Phan Huy Đường |
| 19 | Lá thư Nantes | Kiến Văn |
| 21 | Thư viện F. Mitterrand | N.T. Xuân Sương |
| 23 | Ngôn ngữ lập thể | Văn Ngọc |
| 27 | Lục bình (truyện ngắn) | Nguyễn Quang Thân |



Picasso, Tête féminine (1908)

Các toà đại sứ, lãnh sự Việt Nam ở nhiều nước gần đây đã nhận được lệnh triệu tập một số nhân sĩ, trí thức Việt kiều trong một buổi họp để đóng góp ý kiến vào việc xây dựng “*định hướng chiến lược giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ Việt Nam từ nay đến năm 2020*”, chủ đề của hội nghị trung ương II. Theo nhiều nguồn tin, những buổi họp chỉ có tính chất hình thức, để chứng minh là nhà nước ta đã quan tâm lắng nghe ý kiến của bà con người Việt ở nước ngoài, khác với “*hội nghị tư vấn chuyên đề về cải tổ giáo dục đại học Việt Nam*” được tổ chức tại thành phố HCM cách đây hơn 2 năm (xem ĐĐ các số 26-29) với một sự chuẩn bị nghiêm túc hơn. Dấu sao bản thân chuyện lắng nghe này vẫn đáng được hoan nghênh, dù thực ra, tình hình xuống cấp liên tục và nghiêm trọng của giáo dục Việt Nam đòi hỏi một sự chấn chỉnh khẩn cấp hơn nhiều. Chấn chỉnh trước chứ không phải sau những bàn cãi về các chiến lược xa xôi !

Bài viết của giáo sư Hoàng Tuy trên báo **Khoa học và Đời sống** các số 41 và 42 (7 và 14.10.1996), mà chúng tôi đăng lại bên đây, là một tiếng chuông báo động, như nhiều tiếng chuông báo động khác từng được gióng lên trên báo chí trong nước, từ các bậc phụ huynh học sinh, các nhà giáo các cấp, các vùng. Bài báo nêu yêu cầu đánh giá nghiêm túc về một số “*vấn đề đặc biệt quan trọng thuộc về nguyên lý cơ bản của giáo dục*”. Dù quan điểm về giáo dục của mỗi người có thể rất khác nhau, người ta khó có thể phản bác yêu cầu đánh giá nói trên, và đi xa hơn, yêu cầu có những biện pháp kiên quyết, cấp bách để thay đổi một số hiện trạng không thể chấp nhận được. Riêng phần chúng tôi thấy cần nhấn mạnh thêm vài ba khía cạnh của những vấn đề nêu trên.

Trước nhất, là **tình trạng thi cử**. Trong một bài viết gần đây (chúng tôi nhận được qua mạng lưới Internet), các giáo sư Ngô Thúc Lanh (nhà giáo nhân dân) và Vũ Tuấn (nhà giáo ưu tú) viết rõ hơn về việc thi theo bộ đề thi như sau :

(xem tiếp trang 31)

MAISON DES ARTS EUROPE ASIE

20 rue Greneta 75002 PARIS Tel/fax 01 42 33 40 30
ouvert du mardi au samedi de 10h30 à 19h30
le dimanche et le lundi de 15h30 à 19h00
Métro : Réaumur-Sébastopol

PROGRAMME DE JANVIER 97 « Mois du Vietnam »

EXPOSITION

ARTS PLASTIQUES : « Parcours Nocturne »,

installation de peintures et de sculptures de

Christine Jean **Truong Tân**

Ly Truc Son **Bruno Tanquerel**

Matthias Gaillagüe **Trần Trọng Vũ**

jusqu'au 31 janvier 97

ARTS ARTISANAUX :

« Objets d'art ou objets du quotidien ? »,

exposition permanente (céramique, bois laqué, bambou...)

CINÉMA

CINÉMA DU DIMANCHE

Tous les dimanches à 17h : cycle de 11 films vietnamiens.
Premier film : *Em bé Hà Nội (Une enfant de Hanoi)* de Hai Ninh (1974). VO, sans traduction : dimanche 26 janvier 97.

LIVRES

Rencontre autour de *DES FANTOMES ET DES HOMMES* et de *LE HEROS QUI PISSAIT DANS SON FROC* (Ed. de l'Aube), avec les traducteurs **Vu Thị Ngân, Phan Thê-Hông, Jannine Gillon** : samedi 7 janvier 97, à 16 h 30.

Centre Culturel Franco-Vietnamien

24, rue des Ecoles, 75005 PARIS, ☎ 43 29 60 89

(ouvert tous les jours, sauf dimanche et lundi)

programme de janvier 1997

EXPOSITION DE PEINTURE

linogravures et toiles

Eric DURANT

du 10 au 31 janvier

vernissage : Vendredi 10 janvier à 18 h

EXPOSITION DE PHOTO

Lieux de culte et Lieux de vie

Dominique de MISCAULT

du 10 au 31 janvier

vernissage : Vendredi 10 janvier à 18 h

RENCONTRE POETIQUE

Le paysage dans la poésie vietnamienne

par Mme **Thanh Tâm LANGLET**

INTERMEDES MUSICAUX DE Quỳnh Hạnh (cithare)

Vendredi 10 janvier à 20 h

CINÉMA

Thương nhớ đồng quê (Nostalgie de la campagne)

film de **Đặng Nhật Minh** (V.O., s/t français)

Vendredi 17 janvier à 20 h, Salle de l'UNESCO, 9 place de Fontenoy, Paris 7

CONFÉRENCE

Le Qigong (Khí công) pour vaincre le stress et la fatigue

par Dr. **Trần Huỳnh Huê**

Samedi 25 janvier à 20h30

Bạn đọc viết cho chúng tôi

Uy tín và... tín phiếu

Tình cờ nói chuyện với mấy người quen, trong đó có ông cựu chủ tịch cộng đồng Việt Nam ở Chicago, tôi ngạc nhiên được biết là họ đọc báo *Diễn Đàn*, và khen *Diễn Đàn* có tin tức mới mẻ, chính xác nhất và cả tiếng Việt của các anh chị cũng rất đáng phục nữa. Mừng các anh chị đã gây được uy tín trong giới trí thức di tản bên Mỹ mà tôi quen biết.

Ngô Quang (New York, Hoa Kỳ)

Nhân anh nói tôi đọc giả Bắc Mỹ, chúng tôi cũng xin có đôi lời "con cá" với bạn đọc ở ngoài nước Pháp : mỗi lần các bạn trả tiền báo bằng ngân phiếu các loại (chèque bancaire, international money order) để số tiền bản địa mà gửi về cho báo, thì chúng tôi được Ngân hàng quốc gia Pháp ngốn từ 4 đến 6 đôla phí khoản hối đoái, và bưu điện lấy thêm hoa hồng mười mấy quan nữa. Do đó mà tiền mua báo một năm (60 USD) của bạn đọc Bắc Mỹ, vào đến quỹ của báo, không còn 50 USD, trong khi cước phí bưu điện gửi báo sang Bắc Mỹ lại quá cao. Thành thử, theo con đường này, thì càng có thêm bạn đọc, quỹ báo càng lỗ.

Vì vậy, chúng tôi thiết tha yêu cầu đọc giả ở Bắc Mỹ, Đức, Thụy Sĩ vui lòng ký ngân phiếu bằng USD, DM hay FS và để tên theo chỉ dẫn ở khung mua báo dài hạn (trang 3).

Trách nhiệm nặng trên đôi vai gầy...

Theo tinh thần của lá thư Cùng bạn đọc ở *Diễn Đàn* số 56 (tháng 10.96), tôi xin được có vài góp ý sau :

1. Lá thư gọn và rõ đó đã nêu các vấn đề cần thiết. Mười năm qua rõ ràng đời sống chính trị kinh tế văn hoá và xã hội của Việt Nam đã sang trang mới, bất chấp mong tưởng của nhiều người rằng nó sẽ được vở mới.

Do vị trí (lịch sử !) của mình — mà điều này cũng rất logic — *Diễn Đàn* đã có nhiều cái dấu mốc trùng khít với các mốc dấu của đất nước. Cho nên, trách nhiệm, hay nói nhẹ hơn là vai trò, của tờ *Diễn Đàn* và của các anh chị là đáng kể. Điều này là không thể phủ nhận (từ phía bên ngoài) và không thể khước từ (từ phía ĐĐ và các anh chị).

N.Q.T. OPTIQUE

Melle NGUYEN QUANG

opticien diplômé

SPECIALISTE VARILUX

Remise 20 % : verres Essilor, lentilles jetables, montures & solaires de grandes marques, loupes jumelles thermomètres
Montures en promotion jusqu'à 50 % et autres remises non cumulables.

Heures d'ouverture : matin 9 h 30 à 13 h

après-midi 14 h 30 à 19 h 00

(fermé samedi après-midi & lundi matin)

137 Boulevard de Grenelle, 75015 PARIS, Tél : 01 45 66 93 27
Métro : Cambronne ou La Motte Picquet Grenelle ; Bus : 49, 80.

2. Tính từ 5 năm qua : với sự có mặt của tờ DD, so với mục tiêu là một tờ báo trung thực và một diễn đàn độc lập đóng góp cho công cuộc dân chủ hoá và phát triển đất nước, trong hiểu biết của tôi, DD đã thực hiện được mục tiêu đó.

Nói rõ hơn, thì mặc dầu thực hiện tốt, các tính từ trung thực và độc lập song DD vẫn chưa có đóng góp tốt như có thể cho công cuộc dân chủ hoá và phát triển đất nước.

Vì rằng các từ trung thực và độc lập có nghĩa tốt chỉ về mặt báo chí nhưng thực ra nó chứng tỏ (một phần) sự... khiếm tốn về chính trị — nói phũ phàng hơn, là sự không tương minh mà (có) bạn đọc DD đề cập tới cách đây hai, ba năm. Thiển nghĩ, trong chính trị (thực sự) không có sự trung thực thực sự và sự độc lập thực sự. Có một vấn đề không mới và đặt ra cho mọi tờ báo, chứ không riêng gì DD : đó là cần có (cho dù không bạch hoá nó) sự xác quyết ngay từ đầu rằng : làm báo chí hay làm chính trị ? làm chính trị bằng báo chí hay là làm cả hai ?

Cái đóng góp của sự độc lập và trung thực (mà thực ra một tờ báo tốt nào cũng muốn có) là ở chỗ trả lời được các câu hỏi đó. Các quyết định cụ thể về phương hướng và phương thức, tôi thiết nghĩ, cũng tùy thuộc ở sự trả lời hay không trả lời các câu hỏi đó.

Tôi rất đặc ý với hai từ có chữ *dứt* trong lá thư ấy : *dứt khoát* (hồi 1986) và *dứt điểm* vào cuối năm 1996 này.

Rất nhiều bạn đọc của DD và bạn hữu của các anh chị theo dõi và chờ đợi các điều đó, ở ngoài và, nhất là, trong nước.

3. Nói về 5 năm tới :

a) Dù rằng rất có thể là *sân khấu* Việt Nam vẫn chưa có được *kịch bản* mới nhưng — sẽ là chắc chắn — phải qua *trang mới*, và sẽ mới hơn *trang 5* năm qua (một lý do là luật trời đất không cho phép nhiều người già quá 80 tuổi mà đa số

Tin buồn

Chúng tôi được tin

Cụ Huỳnh Hữu Hiền

đã từ trần tại Huế, thọ 93 tuổi.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn cùng hai bạn Huỳnh Hữu Tuệ, Huỳnh Hữu Uỷ và toàn thể tang quyến.

DIỄN ĐÀN FORUM

Chủ nhiệm : Nguyễn Quang Đổ

Tổng biên tập : Hà Dương Tường

Ban chủ biên : Hà Dương Tường, Lê Văn Cường, Nguyễn Ngọc Giao, Trần Hải Hạc, Bùi Mộng Hùng.

Ban biên tập, kỹ thuật, quản lý:

Vũ An, Trần Đạo, Nguyễn Lộc, Hoàng Lê,
Tuấn Linh, Nguyễn Trọng Nghĩa, Văn Ngọc,
Thoại Phong, Nguyễn Quang, Phong Quang, Bảo Tâm,
Thanh Thanh, Vũ Thanh, Nguyễn Thắng, Hàn Thuỷ,
Đặng Tiến, Nam Trân, Hoài Văn, Kiến Văn,
Hải Vân, Hoà Vân

Giá biểu quảng cáo và rao vặt

Rao vặt : từ 1 đến 3 dòng : 50 F, từ dòng thứ 4 trở đi, mỗi dòng thêm 10 F (mỗi dòng chiều ngang 5,9 cm, khoảng 15 ký hiệu).

Quảng cáo :
1/8 trang : 180 F
1/4 trang : 300 F
1/2 trang : 550 F
1 trang : 1000 F

(giá này chưa tính thuế TVA 20,6 %)

Đăng liền tiếp nhiều số báo

lần thứ hai : bớt 10 %

từ lần thứ ba trở đi : bớt 20 %

Chứng từ đăng tải : sau khi báo ra, toà soạn sẽ gửi hoá đơn và bản sao chụp trang có đăng quảng cáo hay rao vặt. Nếu muốn nhận nguyên số báo, xin thêm 25 F (tiền số báo + cước phí bưu điện).

Phiếu mua báo Diễn Đàn

Họ và tên

Địa chỉ

.....

.....Điện thoại :

mua một năm báo Diễn Đàn kể từ số.....

Kèm theo đây là ngân phiếuFF

đề tên DIEN DAN gồm :

.....FF là tiền mua báo (Pháp nội địa : 250 FF, châu

Âu ngoài Pháp : 280 FF ; các tỉnh và lãnh thổ DOM-TOM của Pháp, và các nước ngoài châu Âu : 330 FF)

.....FF là tiền ủng hộ.

Xin gửi phiếu này và séc (hoặc *money order*) về địa chỉ : DIEN DAN, B.P. 50, 92340 BOURG-LA-REINE (FRANCE).

Bạn đọc ở Hoa Kỳ xin ký séc 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở Canada xin gửi *money order* 65 USD đề tên ông HOANG NGUYEN và gửi về toà soạn (*xem trên*).

Bạn đọc ở Ba Lan, giá đặc biệt : 300 000 zloti / năm, séc đề tên Anna Le Duc, tài khoản XO/PBP Warszawa, 1603-179360-170-4 Warszawa (for Forum), hoặc chuyển tiền qua bưu điện đến địa chỉ : Anna Le Duc, 03-914 WARSZAWA, ul. Saska 44/19.

Bạn đọc ở Thụy Sĩ có thể thanh toán (70 FS/năm) vào trương mục Journal DIENDAN, CCP 12-83273-3, 1211 GENEVE 1 : xin viết thư về toà soạn để chúng tôi gửi phiếu chuyển ngân (*bull. de versement virement*).

Bạn đọc ở Đức có thể gửi séc 80 DM cho ông TRAN, Am Stadtpark 6, 92237 SULZBACH-ROSENBERG hoặc chuyển khoản vào trương mục (Überweisung)

DIEN DAN - FORUM (Bank : SPARKASSE AMBERG-SULZBACH, Konto : N° 380 48 94 76 : BLZ 752 500 00)

các vị cộng sản thủ cựu là nằm ở số đó).

Và các anh chị đã đặt vấn đề “ cần thiết và thời sự hơn bao giờ ” cho ĐĐ ở 5 năm tới.

Tôi nghĩ rằng nếu là bạn đọc yêu quý ĐĐ, rất nhiều người sẽ đánh giá cao việc làm đó của các anh chị.

Tôi cũng cho rằng trong 5 năm tới, hơn tất cả các tờ báo, tạp chí (chính trị hay văn nghệ) khác ở ngoài nước, ĐĐ là tờ — nếu không nói là duy nhất — cần có sự đổi mới về *phương hướng* của mình. Cần, vì ĐĐ còn các *bậc tự do* tiềm trữ để mà thay đổi (trong khi đại đa số các báo chí ngoài nước khác có muốn cũng không thay đổi được !). Lý do thì có nhiều và khá rõ, trong đó có điều rõ hơn là các báo chí khác chỉ thay đổi khi mà ở Việt Nam có *kịch bản* mới.

b) Hai ý kiến cụ thể về phương hướng và phương thức của tờ báo :

– các tin bài “ phi Việt Nam ” hoặc quá xa Việt Nam chỉ nên là điểm xuyết (ví dụ như số 56 là tuyệt đẹp, chỉ có một bài — của Văn Ngọc — về hội họa nói chung) ; có phải thêm thì thêm độ nửa bài như thế nữa thôi,

– ngoài những gì về “ dân chủ hoá ” và phát triển nói chung, nên chăng đặt câu hỏi : ĐĐ sẽ ra sao, sẽ làm gì một khi mà ta có ít nhiều cái điều vẫn gọi là tự do báo chí ?

Là người quan tâm nhiều đến ĐĐ và vài cơ hội được trực tiếp cùng một anh trong số các anh chị, nhân dịp hân hữu này, tôi chân thành chúc ĐĐ và các anh chị tìm được các quyết định mới trong trang mới này của nghiệp của mình. Cũng với sự chân thành đó, mong các anh chị bỏ qua cho những ý kiến chưa là phải ở đây. Rất cảm ơn.

Đỗ Ngọc (Vancouver, Canada)

Thành thực cảm ơn anh đã bỏ thời giờ để viết cả một “ tâm thư ” cho chúng tôi. Chúng tôi rất trân trọng ý kiến của anh và của các bạn đọc khác. Về phần ban biên tập, sau bài của Hàn Thuý (Diễn Đàn số 57), trong số này, Hoà Văn (trang 5) và Bùi Mộng Hùng (trang 12) tiếp tục trình bày quan điểm của chúng tôi về báo chí.

Tề là tề, trai là trai...

Nhân đọc bài **Nói chuyện Hán Nôm** của học giả Nguyễn Du trên báo **Diễn Đàn** (số 1.12.96, tr 22-24), tôi xin phép nói thêm đôi lời :

a) Học giả Nguyễn Du nói : “ *chữ thứ ba trong bức tranh* (tr 22, cột I) là chữ **Trai**, đọc theo tiếng Hán, chữ **Tề**, đọc theo tiếng Nôm. ” Tôi xin thưa : Đó là chữ **Tề** rõ ràng, không dính dáng gì đến **Trai** hết.

b) Chữ **Trai** 齋 hơn chữ **Tề** 齊 đến ba nét chữ đầu có giống nhau như loại TÁC-TỘ, NGÔ-QUÁ.

c) **Trai** và **Tề** đều là chữ Hán. Hai chữ này thuộc loại rất thông thường, trong các quyển từ điển Hán-Việt của Đào Duy Anh, Nguyễn Văn Khôn, Thiều Chửu,... đều có cả. Quyển của Thiều Chửu sai chính tả nhiều, nhưng đó là chuyện khác.

Nguyễn Hữu Thành (Paris, Pháp)

Động từ hay tính từ ?

Tôi trộm nghĩ, ông bạn Nguyễn Du không đồng ý với giáo sư Nguyễn Mạnh Hùng là phải. Cách đọc chữ nôm của ông này rất gượng ép : nếu là đại từ vai thứ ba **thằng** thì chữ nôm thường viết với bộ “ nhân ” chứ không dùng bộ “ mịch ” như trong trường hợp này. Và “ **giặc** ” thì viết “ **tặc** ” mà để đọc là “ **giặc** ”, còn chữ “ **đặc** ” thường chỉ thấy dùng trong từ đôi “ **dằng đặc** ” chẳng hạn.

Vậy ba chữ này phải đọc và hiểu theo Hán Việt.

Tuy nhiên khi đã đọc theo Hán Việt thì phải theo cú pháp Hán. Và như vậy trong thứ tự “ **thằng đặc trai** ” từ “ **đặc** ” đứng vị trí động từ, nghĩa ba chữ là “ **dây bắn đàn cầu cúng** ” không thuận với nghĩa ông bạn Nguyễn Du đề nghị. Nếu viết theo nghĩa đó thì “ **đặc** ” phải ở vị trí tính từ, và ba chữ phải theo thứ tự “ **đặc thằng trai** ”.

Còn chấp nhận **tề** là chữ Hán Việt chỉ “ **thần trùng** ”, đọc âm “ **thằng đặc Tề** ” nghĩa là “ **dây (bùa) bắn thần trùng** ” thuận với cú pháp hơn.

Trọng Nhân (Antony, Pháp)

Tề có thể đọc là trai

1. Trước hết tôi xin lỗi độc giả Diễn Đàn vì đã phạm một sai lầm : Ba tiếng “ **Thằng giặc Tề** ” được đọc theo Hán Nôm, chứ không phải thuần Nôm. Nguyễn Mạnh Hùng đọc tên tranh theo Hán Nôm.

2. Chữ **Tề**, theo Thiều Chửu, còn có âm là “ **TU** ” (cái gấu áo, áo tang vén gấu gọi là “ **tư** thôi ”). Lại có một âm nữa là “ **TRAI** ”. Cùng nghĩa với chữ “ **TRAI** ” được định nghĩa : **Sư làm đàn cầu cúng** gọi là “ **TRAI TIỂU** ” (Thiều Chửu viết là **chai tiểu**, HVTĐ tr 814-815).

3. Mục đích của tôi là tìm hiểu nội dung tranh, đề nghị một cách đọc tên tranh. Ở đây tôi không phân tích, phê bình cách dùng, cách viết chữ Hán của tranh.

4. Xin đưa ra thêm một giả thuyết :

Bộ thủy + chữ **Tề** = chữ **Tế**.

Tế nghĩa là cứu giúp (tế bản : giúp người nghèo). **Tế** còn có nghĩa là cứu vớt (tế độ : chữ của Phật giáo, ý nói Phật cứu vớt người khỏi bể khổ).

“ **Thằng đặc tế** ” có nghĩa là “ **dùng bùa trừ tà để cứu vớt người dưới âm phủ** ”. Nghĩa cũng tương tự như “ **Thằng đặc trai** ” trong bài viết, nhưng phải thêm giả thuyết là chữ **TẾ** viết sai thành chữ **TỀ**.

Nguyễn Du (Lyon, Pháp)

Tin mừng

Chúng tôi được tin hai bạn

Lê Văn Cát & Nguyễn Thu Hà

đã làm lễ thành hôn tại München (Đức) ngày 8.11.1996.

Diễn Đàn xin chúc đôi uyên ương thật nhiều hạnh phúc.

Lại viết về báo

Hoà Vân

Lẽ ra bài này phải được viết kịp cho số tháng 10, khi tờ báo bước sang năm thứ sáu, sau một vài buổi trao đổi về “ thời sự mùa hè ” giữa một số bè bạn, trong đó có vài người vừa từ trong nước trở sang... Những quan sát, nghe ngóng dư luận do các bạn thuật lại, quần thảo trong tư duy của kẻ “ nhìn từ xa ”, với những ý tưởng của người này, người khác, gọi những ý có lẽ cần được nêu ra một cách rõ ràng hơn – so với các quan điểm ẩn tàng (implicite) được phát biểu rải rác trong các số báo, thậm chí có thể chưa từng được phát biểu mà chỉ được thể hiện gián tiếp trong cách làm báo.

Một câu hỏi, đúng ra là một câu cật vấn, được một số bạn bè trong nước, bạn quen từ những năm xưa khi hầu hết anh em ban biên tập Diễn Đàn còn làm tờ báo Đoàn Kết, hay mới quen những năm sau này, hay nhắc tới : tại sao tờ báo không bớt “ châm chọc ”, “ gai góc ”, và có nhiều bài “ xây dựng ” hơn, “ giúp trong nước ” những ý kiến về vấn đề này, khác... ?

Kể ra, cái “ tội tổ tông ” của những kẻ từng làm một tờ báo phong trào không để gì dứt khỏi. Song, cái quan niệm báo chí độc lập, không là tiếng nói của một tổ chức chính trị nào, có chi mà khó hiểu đến thế ? Không ít bạn từ nước ngoài muốn chúng tôi “ dứt khoát ly khai ”, “ đứng vào hàng ngũ ” của những người “ quốc gia ” (xin hiểu : “ chống cộng ”) mà tranh đấu cho tự do, dân chủ. Thế đấy, mà nay lại phải “ bớt chính trị ” đi, bớt những Hoàng Minh Chính, Dương Thu Hương, Đoàn Viết Hoạt đi, để chỗ cho những vấn đề kinh tế nhiều hơn, “ xây dựng ” hơn, “ giúp trong nước ” nhiều hơn, vì “ trong nước đã đổi nhiều lắm rồi ”, nên dựa vào cái thực tế ấy mà thúc đẩy v.v... Khổ nỗi, nào tờ báo có phải là cơ quan ngôn luận của các vị ấy cho cam ! Nếu thời sự không đụng tới chị Hương, anh Hoạt, ông Chính thì có phải số nào cũng nói tới họ đâu.

Vậy vấn đề ở chỗ khác. Nhưng trước khi bàn sang chuyện khác ấy, cũng cần mở ngoặc để nhắc lại là các ông Chính, Hà Sĩ Phu, Đỗ Trung Hiếu đã được trả tự do, còn anh Hoạt, anh Nguyễn Đan Quế, các ông Lê Hồng Hà, Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát... vẫn bị giam cầm vô lý và vô đạo, chỉ vì những tư tưởng của họ không thuận với chính quyền. Nhà cầm quyền mất gì khi trả lại tự do cho họ ? Đóng ngoặc.

Điều cần nhắc lại là tờ báo này không “ làm chính trị ” trong nghĩa là mọi chuyện đều được cân nhắc để bảo vệ hay chống lại một chính đảng nào, dù đó là đảng cộng sản Việt Nam đang cầm quyền bính nước nhà, hay một tổ chức chính trị nào khác. Trên thực tế, tờ báo chỉ nói tới đảng cộng sản, vì mục tiêu thông tin, bình luận của nó là tình hình trong nước, nơi đảng này độc chiếm chính trường ! Và cũng trên thực tế, trong phần lớn những lần nói về các chính sách của đảng hiện nay tờ báo có giọng “ tiêu cực ”, vì... dưới mắt nhìn của những người viết, các chính sách ấy không thể được coi là tốt đẹp (cho xã hội Việt Nam, dân chúng Việt Nam, cho hiện nay hoặc mai sau...). Thế thôi. Không ai có thể nói mình luôn luôn

hoàn toàn khách quan, và nhận định của người viết báo có thể sai lầm. Song điều Diễn Đàn hoàn toàn có thể nói được là hầu hết những bài viết về chính trị của một thành viên ban biên tập báo được 2, 3 người khác đọc lại, và những thiên kiến khi được phát hiện đều được đề nghị tác giả coi lại. Vì thế mà, như trên đã nói, có sự phần lớn các bài chứ không phải tất cả các bài là “ tiêu cực ”. Những nỗ lực đổi mới nền kinh tế, chính sách ngoại giao kết bạn với 5 châu (nói chung), gia nhập ASEAN v.v..., là những điều không phải vì do đảng cộng sản thực hiện mà chúng tôi cứ phải lên tiếng chống lại, cứ phải bồi lông tìm cho ra vết. Mà vết thì tất có, và cũng rất cần được vạch ra, để rửa, tức là để nhà hữu trách tìm cách làm tốt hơn, chứ không cứ là để bôi xấu, để bù lu bù loa với thiên hạ rằng thấy không “ bọn cộng sản nó... ” ; nhưng đây là chuyện khác, chúng tôi thấy vấn đề gì cần/đáng nêu thì nêu, không tạo ra vấn đề để nêu ! Nói thế không có nghĩa là Diễn Đàn không có thiên kiến, nhưng các thiên kiến được một tập thể chia sẻ dĩ nhiên nó khó lòng tự phát hiện hơn, và nếu khuôn mặt tờ báo có dáng dấp riêng so với những tờ khác thì cũng là chuyện bình thường. Cái dáng dấp riêng ấy, cái “ giọng lưỡi Diễn Đàn ” ấy, một số bạn bè của tờ báo ở trong nước đang nhăn với nó là nên đổi thay đi, “ nhẹ ” bớt đi, để dễ “ được trong nước chấp thuận ”.

Chao ơi, chúng tôi gửi báo về cho bè bạn trong nước bị các “ bạn dân ” phồng tay trên nhiều quá, tổn quá mà tới tay người nhận chẳng được bao nhiêu, há lại không muốn cái tình trạng ấy được thay đổi ư ? Chẳng muốn báo mình “ được chấp thuận ” để không còn bị công an giữ lại, để bạn đọc trong nước có thể công khai cầm tờ Diễn Đàn mang đi chỗ này chỗ khác, khen bài này hay, chê bài kia dở hay sao ? Thực ra, đó cũng không phải chỉ là vấn đề của báo Diễn Đàn đối với nhà cầm quyền. Các bạn trong nước đặt cho chúng tôi các câu cật vấn nêu trên cũng thừa biết thực chất vấn đề là còn thiếu dân chủ, cụ thể hơn là thiếu một không gian tự do cho người công dân bàn về những vấn đề của xã hội, chứ không phải gì khác. Nếu cái không gian tự do đó được tôn trọng thì Diễn Đàn như mọi tờ báo khác sẽ có người thích tìm mua, đọc, có người không thích “ có cho không cũng chẳng thèm đọc ”, chả phải đặt ra vấn đề “ nhẹ ” bớt đi... Các bạn ấy không cần nói lại một điều “ biết rồi, khổ lắm, nói mãi ” làm chi, song do bài này đem công khai hoá cuộc bàn cãi nên chúng tôi phải nói rõ thêm như vậy để tránh sự hiểu lầm mà thôi.

Vậy thì, chẳng phải là chúng tôi thích châm chọc, gai góc làm chi. Dù rằng trong những điều kiện bình thường của một xã hội văn minh, nụ cười châm chọc hay con lời đĩnh “ gai góc ” của một công dân rất cần được có chỗ trên các phương tiện truyền thông. Để xã hội vui hơn, lành mạnh hơn, để lâu lâu thức tỉnh những người có quyền chức chẳng hạn, là những lý do tự chúng chẳng đủ rồi sao ? Bản thân kẻ viết bài này rất không thích cái châm chọc đầy ác ý, muốn hạ nhục người khác, nhưng lại thấy rất cần thiết được người đời (bè bạn, kẻ qua đường) cho một nụ cười chế giễu cái dở, cái rởm đời (nhiều) khi mình mắc phải. Vậy thì, mở ngoặc lấy một ví dụ, khi đọc mấy cái tựa của Phong Quang “ Đại hội 8 của ĐCSVN : vẫn đổi mới như cũ ” (số 54), hoặc “ Một phiên toà dấm dúi, một bản án vô đạo ” (số 55), đúng là hẳn không thấy trong đó cái ý hạ nhục ai, nhưng rõ ràng có ý phê phán một

chính sách, có sự không chấp nhận một bản án. Và hẳn bỏ phiếu OK. Còn như, nếu nhà cầm quyền không ưng ý thì cũng đành chịu vậy thôi chứ tới cái quyền “châm chọc”, quyền nổi cơn gai góc tối thiểu (cơ bản ?) này cũng chẳng được có thì mang cái nghiệp báo vào thân làm quái gì ? Đổng ngoặc. Cho nên, có thực chỉ là câu chuyện “châm chọc, gai góc” hay là gì khác thì vẫn cứ phải bàn. Câu hỏi làm nền của con đường tìm câu trả lời cho cái gì khác ấy, từng được A25⁽¹⁾ gửi đi nhiều lần trên làn sóng “điện thoại A rập”, như cách nói của các bạn Pháp. Đó là “ĐĐ muốn gì ?” (giải mã ra là “có phải muốn lật đổ chính quyền không ?”).

Giống như chuyện Tàu xưa Tái ông mất ngựa, trong cái dở đôi khi lại có cái hay. Dở là vì lười nên bài phải viết từ lâu mà cứ lần lữa. Hay (đúng hơn là may !) là do đó mà được đọc thư bạn Đỗ Ngọc (xem trang 2), nêu một số vấn đề nhân đây mà có thể bàn thêm. Bạn Đỗ Ngọc viết “*Vấn đề là cần có (cho dù không cần bạch hoá nó) sự xác quyết (...) rằng : làm báo hay làm chính trị ? Làm chính trị bằng báo chí hay làm cả hai ? và v.v...*”. Hình như anh bạn có kinh nghiệm sống khá đau đớn nên đã tự giải mã được câu hỏi của A25, và do đó nên mới viết rằng xác quyết của ĐĐ có thể không cần được “bạch hoá”. Cuộc chơi ú tim mà lại bạch hoá làm chi ! Nhưng, ĐĐ có phải chơi ú tim đâu mà giấu giếm. Vấn đề ở mấy chữ “*làm chính trị*” và “*làm báo chí*” ấy.

Trên kia đã nêu lên một nghĩa của “*làm chính trị*”, là vận động quần chúng theo đường lối của một tổ chức (chính đảng), với cao vọng hiển nhiên là có ngày đảng mình đứng được vào chỗ lèo lái con tàu quốc gia theo hướng đi mà mình nghĩ là đúng, là mang lại nhiều điều tốt đẹp nhất cho xã hội, cho nhân dân – đối với bản thân mỗi “chính khách” thì... tuy ! – Công tác này dĩ nhiên bao hàm việc vạch ra những sai trái của các chính đảng khác, song không phải chỉ có thế. Cũng có người thành lập những đảng phái với mục tiêu thấp hơn và đôi khi công tác chủ động người khác trở thành chính yếu của đảng ấy, nhưng ở đây xin không bàn tới loại chính trị này. Trong cả hai nghĩa trên đây, cao hoặc thấp nhưng theo thiên ý của người viết đều là nghĩa hẹp của chính trị, xác quyết của “nhóm ĐĐ”, là tương đối đơn giản : kính (hay bất kính) nhi viễn chi ! Song, tại sao không thể nghĩ tới một kiểu “*làm chính trị*” khác, tạm gọi là của xã hội công dân, theo một từ ngữ đã trở thành phổ thông ? Tạo ra một hội đoàn nghề nghiệp chẳng hạn, để theo dõi chính sách mà các chính đảng đề ra có liên quan tới lãnh vực của mình, can thiệp vào các thảo luận của họ để hướng các chính sách ấy theo một hướng mình mong muốn. Hình thành một tờ báo để thông tin về tình hình đất nước nói chung, hay tình hình một lĩnh vực hoạt động nào đó (có báo văn nghệ, báo kinh tế, báo khoa học - kỹ thuật...), phản ánh những suy nghĩ của số đông hay có khi của một người hoặc một nhóm người không đông nhưng có vai trò quan trọng trong một lĩnh vực nào đó, là một kiểu *làm chính trị* xuất phát từ các xã hội Tây phương để đã từ hơn hai trăm năm nay, và đã lan rộng ra toàn thế giới. Các chính đảng đều có báo chí của họ, nhưng tại nhiều nước cũng có báo chí khác, độc lập với các đảng phái. Một tờ báo độc lập có thể và thường dành chỗ cho các chính khách thuộc những đảng phái khác nhau phát biểu về những vấn đề họ muốn, và tờ báo nghĩ rằng cần thông tin về ý kiến ấy cho độc giả. Tình hình chính trị Việt Nam

chưa cho phép có loại báo chí ấy, loại báo vừa có thể phỏng vấn một ông uỷ viên bộ chính trị đảng cộng sản, vừa dành chỗ cho một người chống đối đảng này. Nhưng ở nước ngoài, khi điều kiện cho phép, tại sao không thể hình dung loại báo ấy – với một kỳ vọng hiển nhiên : rằng ngày một ngày hai chuyện ấy trở thành bình thường trên đất nước chúng ta – ? Xin nhấn mạnh, trong cả hai trường hợp nêu trên, phát biểu của những nhân vật chính trị thuộc về trách nhiệm của họ, khác với trách nhiệm của tờ báo – thể hiện trong những lời bình, trong việc chọn người đối thoại và chọn các câu hỏi... – Trong chừng mực nào đó, những lời bình của người viết báo có thể gọi những ý kiến “xây dựng” cho nhà chính trị, song thiết nghĩ đó không phải là *nhiệm vụ* của người viết báo, chỉ trừ báo chí theo quan điểm của “chủ nghĩa xã hội” ! Mặt khác, độc lập không có nghĩa là trung lập, không có nghĩa là mỗi tờ báo không có những thiên kiến, đáng dấp riêng như trên kia đã nói. Kinh nghiệm và lối sống của anh em chúng tôi dẫn đến thái độ không muốn “*làm chính trị*” kiểu lập đảng phái như nói trên. Nhưng cũng chính là do chia sẻ một số kinh nghiệm và quan niệm sống mà tờ báo hình thành như hiện nay. Nhìn ra nước ngoài, chỉ tính riêng địa hạt thời báo, ở Mỹ, những tờ tuần báo Time hay Newsweek có các cách nhìn về xã hội, kinh tế... khá khác nhau. Ở Pháp, có những tờ Le Monde hay tờ Libération, khác nhau và khác xa tờ Le Figaro. Những ví dụ vừa nêu nhắc ngay rằng độc lập đây chỉ là tương đối, trong nghĩa độc lập với các chính đảng. Độc lập về kinh tế lại là một cuộc đấu tranh khác mà không phải luôn luôn những người viết báo giành được thắng lợi. Song, cũng chỉ có những bộ óc cộng sản sơ cứng (không phải bộ óc cộng sản nào cũng sơ cứng !) mới có thể nghĩ rằng những nhà báo của Time, Newsweek, Le Monde, Libération v.v... , kể cả Le Figaro ở Pháp, là những người viết theo lệnh của các tập đoàn tư bản.

Dài dòng nhưng không biết có đủ hay chẳng để thuyết phục bạn Đỗ Ngọc rằng về cơ bản chọn lựa chính trị của ĐĐ đã mình định rồi, xác quyết mình bạch rồi chứ có gì phải giấu giếm ai đâu ? – Một tờ báo thông tin trung thực và một diễn đàn đóng góp vào công cuộc dân chủ hoá và phát triển đất nước, như đã nhắc lại trong lời **Cùng bạn đọc** số 56 vừa qua. Còn vì sao chọn lựa đó không hợp khẩu vị của nhà nước ta thì chúng tôi cũng chỉ đoán mò mà thôi, như hai gã đợi Godot của nhà viết kịch Beckett, nào có bao giờ được đối mặt, hai năm rưỡi với một nhà hữu trách nào đâu. Cho nên, dùng chữ của bạn Đỗ Ngọc, chúng tôi không nghĩ rằng cần phải chờ đợi một “kịch bản” mới trên “sân khấu” Việt Nam để đặt ra với bạn đọc cùng suy nghĩ, *trên cơ sở của chọn lựa nói trên*, về những phương hướng, phương thức cụ thể cho tờ báo trong những “*trang*” mới của sân khấu đó hiện nay. Ý kiến của bạn Nguyễn Đ. Hiệp (trong số 58) về sự thay đổi những ưu tiên chẳng hạn, đúng tới đâu là một chuyện cần bàn, song theo ngụ ý của kẻ viết bài này, đó là những ý đáp ứng yêu cầu suy nghĩ đó. Hơn là một sự thay đổi cách viết (giọng lối “châm chọc” hay “gai góc”, hay gì gì khác) của bản thân những người viết báo (cái nếp đã ăn sâu, trở thành cái nếp đánh chết chắc khó chữa !).

Rất mong được những bậc cao minh chỉ giáo.

Hoà Văn

(1) A25 là một cục của bộ nội vụ, chuyên theo dõi Việt kiều.

Tin tức Tin tức

SIDA

Nhân ngày Thế giới chống bệnh Sida (1.12 mỗi năm), Chương trình Liên hiệp quốc chống Sida (UNAIDS) cho biết riêng trong năm 1996 đã có thêm 3,1 triệu người bị nhiễm vi khuẩn HIV của bệnh Sida. Tổng số người hiện mang HIV trong người lên tới hơn 22,6 triệu trên toàn thế giới, nặng hơn cả vẫn là các nước châu Phi vùng dưới sa mạc Sahara, với 14 triệu người. Tính từ khi Sida xuất hiện, cuối những năm 1970 tới nay, gần 30 triệu người đã bị nhiễm vi khuẩn và 6,4 triệu đã chết vì bệnh. Trong số 22,6 triệu nói trên, theo Tổ chức Y tế thế giới (WHO), hơn 1,5 triệu trường hợp phát bệnh đã được ghi nhận, so với 1.3 triệu vào tháng 12 năm 1995. Theo UNAIDS, hơn 5,2 triệu người bị nhiễm HIV tại Ấn Độ, Trung Quốc và các nước Đông Nam Á châu. Một tình trạng đáng quan ngại, theo UNAIDS, là sự bùng nổ các trường hợp dương tính HIV ở phụ nữ và trẻ em. Ở nhiều nước châu Phi, hơn 20 % phụ nữ có thai bị dương tính HIV. Ngay ở Thái Lan, là nước có chương trình chống Sida mẫu mực so với các nước Đông Nam Á, tình trạng này cũng đang xảy ra, trong khi tỉ lệ đàn ông bị HIV đã giảm từ 4 % cách đây 4 năm xuống còn 2 %. Hàng năm, khoảng 6 400 trẻ em Thái bị nhiễm vi khuẩn. Nhà chức trách Thái Lan đã bắt đầu thi hành một chương trình quốc gia phòng chống Sida trong phụ nữ và trẻ em.

Ở Việt Nam, theo những số liệu chính thức của Ủy ban quốc gia phòng chống Sida, tới cuối tháng 11.1996 đã có 4561 người bị HIV. Song, theo những nhà chức trách về y tế trong nước, con số này chỉ là khoảng một phần mười số thực, vì thiếu những phương tiện thử nghiệm. Theo WHO thì số người bị nhiễm HIV ở Việt Nam đang bùng nổ và có thể lên đến 400 000 người vào năm 2000. (AFP 27, 29.11 và 1.12.1996)

Chống tham nhũng : công khai hóa tài sản các quan chức ?

Khóa họp tháng 11 vừa qua của quốc hội đã tán thành đề nghị của thủ tướng Võ Văn Kiệt ban hành một pháp lệnh chống tham nhũng (xem ĐĐ tháng 12.96). Nghị quyết quốc hội xác định “ *chính phủ thực hiện đầy đủ quyền hạn, nhiệm vụ của mình, chỉ đạo sát sao cuộc đấu tranh chống tham nhũng* ”, và yêu cầu thủ tướng trình pháp lệnh chống tham nhũng cho ủy ban thường vụ quốc hội trong quý 1 năm 1997. Nhiều giải pháp được đề xuất, nhưng tựu trung là : thực thi chế độ trách nhiệm cá nhân và qui chế công chức, sửa đổi Luật hình sự và thành lập cơ quan tiến hành điều tra đặc biệt, ban hành qui chế công khai hóa thu nhập và kê khai tài sản đối với cán bộ, viên chức.

Không đợi có pháp lệnh của chính phủ, tại Trà Vinh, tỉnh

ủy đảng cộng sản đã ra quyết định theo đó hàng năm đảng viên tự kê khai tại chi bộ tình hình thu nhập và nhà đất ; và, trong quý 1.1997, riêng các cán bộ lãnh đạo tỉnh, huyện, các giám đốc, phó giám đốc ngành và doanh nghiệp nhà nước sẽ phải kê khai thu nhập và nhà đất. Ủy ban kiểm tra đảng của tỉnh được giao phó chỉ đạo thực hiện quyết định nói trên, song điều người ta không rõ là việc kê khai thu nhập và tài sản do hệ thống đảng tiến hành có nhằm công khai hóa cho người dân biết hay là nhằm tránh việc công khai hóa đó ?

Ở Thành phố Hồ Chí Minh, phó bí thư thành ủy Phạm Chính Trực cho biết chính quyền sẽ tiến hành kiểm kê tài sản của công chức bắt đầu từ các thành ủy viên, và tập trung trước hết vào những quan chức có dấu hiệu giàu lên bất bình thường. Song, ông Trực lưu ý “ *đấu tranh chống tham nhũng không phải là đấu tố* ”.

Theo báo Tuổi Trẻ nhận xét, “ *cũng đã có những chuyển động ứng phó với cuộc đấu tranh này* ”. Giới “ *cò nhà* ” cho biết đã nhận được nhiều đề nghị “ *ký gửi* ” nhờ bán hộ bất động sản của những thân chủ mà họ đoán chắc là quan chức. Chưa có cảnh bán đồ bán tháo để đối phó với lệnh kiểm kê tài sản, nhưng thị trường bất động sản đang có dấu hiệu khác thường. Còn giới thạo tin từ ngân hàng thì dự đoán sẽ diễn ra những cuộc “ *tẩy tiền* ”, mua bán, đổi chác từ những người gửi giấu mặt lâu nay. (Tuổi Trẻ 23 và 24.11.96)

Đường dây 500 KV : khi tham nhũng lên tới 2 /3 công quỹ !

Theo báo Lao Động ngày 3.12.96, tỉnh Thanh Hóa vừa phát hiện tại sở truyền tải điện của Tổng công ty điện Việt Nam một vụ tham nhũng tập thể chiếm đến 2/3 công quỹ trong công trình xây dựng đường dây 500 KV Bắc - Nam. Năm 1994, sau khi nhận lãnh cung đoạn Hòa Bình - Hà Tĩnh của đường dây, sở truyền tải điện miền Bắc đã chỉ đạo cho chi nhánh truyền tải điện Thanh Hoá lập dự toán và đã được duyệt chi phí phát quang tuyến dài 120 km là 1,655 tỉ đồng. Khi có tiền trong tay, chi nhánh trưởng Phạm Minh Tấn chi 1/3 số tiền đó (583 triệu) vào việc phát quang, số còn lại là 1,072 tỉ đồng (2/3 quyết toán) đem chia 640 triệu cho cấp trên là sở truyền tải miền Bắc, còn 432 triệu là phần của chi nhánh Thanh Hóa. Tỉ lệ ăn chia này do ông Đặng Nhấn Nại, trưởng phòng kế hoạch sở, thay mặt lãnh đạo sở, “ *hướng dẫn* ”.

Sau khi vụ tham nhũng bị phát hiện năm 1996, hầu như toàn bộ ban lãnh đạo cơ quan truyền tải điện đã vào Thanh Hóa xin được xử lý hành chính, tức là theo “ *luật nội bộ* ” ! Câu hỏi mà người ta còn đặt ra là, ngoài cung đoạn phát quang ở Thanh Hóa, kiểu tham nhũng tập thể nói trên đã ăn chặn bao nhiêu tỷ đồng suốt đường dây 500 KV Bắc - Nam ? Điều đáng chú ý là, hơn một năm sau khi công trình hoàn tất, chính quyền vẫn không có khả năng báo cáo đầy đủ và chính xác về tổng chi phí xây dựng đường dây siêu cao thế.

Dệt Nam Định : khi nào công khai hóa danh sách đen ?

Trong tháng 11 vừa qua, cơ quan pháp luật đã truy tố 13 người có hành vi tham nhũng tại công ty quốc doanh Dệt Nam Định và bắt tạm giam 7 người trong đó có các ông

Nguyễn Duy Kiềm (tổng giám đốc), Nguyễn Văn Tuyên (phó tổng giám đốc) và Hồ Nhất Vinh (kế toán trưởng).

Dệt Nam Định, một trong những niềm tự hào của nền kinh tế Việt Nam trước đây, đã bị một tập đoàn tham nhũng đẩy xuống vực thẳm với trên 600 tỉ đồng nợ không có khả năng chi trả và trên 200 tỉ đồng lỗ, mất vốn. Từ năm 1992, công ty đã lỗ 15,4 tỉ nhưng lại báo cáo lãi 3,2 tỉ đồng ; năm 1993, lỗ 35 tỉ, khai lãi 203,6 triệu đồng ; năm 1994, báo cáo lãi 297,6 triệu trong khi lỗ vượt 88 tỉ đồng. Điều đáng ngạc nhiên hơn là quyết toán phi hiện thực này đã được các cấp có thẩm quyền xét duyệt !

Câu giải đáp có thể tìm thấy trong một quỹ đen 26 tỉ đồng do ban lãnh đạo công ty lập ra để hối lộ “ cửa quan ” và “ tự thưởng ” cho nhau. Theo một tài liệu của bộ tài chính, trong các năm 1990 - 1995, Dệt Nam Định đã chi 7,6 tỉ đồng để hối lộ các quan chức có ảnh hưởng quyết định đối với công ty và sinh mệnh ban lãnh đạo của nó, gồm những quan chức ở các cơ quan trung ương, ở tỉnh Nam Hà và ở các ngân hàng như là Ngân hàng ngoại thương, Ngân hàng đầu tư và phát triển, Ngân hàng nông nghiệp. Những khoản tiền hối lộ nói trên giải thích vì sao các hiện tượng thua lỗ và tham nhũng ở Dệt Nam Định chậm được phát hiện, xử lý, và phải đợi chỉ thị tháng 11.1995 của thủ tướng các bộ tài chính và nội vụ mới có những chuyển động thực sự trong việc kiểm tra và thanh tra. Cuộc điều tra còn phải làm rõ những ai đã nhận hối lộ và bao che cho ban lãnh đạo Dệt Nam Định. Công luận trông chờ việc công khai hóa danh sách đen này. (Tuổi Trẻ 28, 30.11 ; Lao Động 21.11.96)

Những nước tài trợ cho Việt Nam : sức ép cải thiện kinh tế

Những nước xuất vốn vào Việt Nam đã họp tại Hà Nội trong hai ngày 5 và 6 tháng 12 và đã hứa 2,4 tỷ đôla cho năm tới, tăng so với những năm trước : 2 tỷ năm 1994, 2,3 tỷ năm 1995. Đồng thời họ cũng phê bình mạnh mẽ chính sách quản lý kinh tế của Hà Nội. Từ chỗ thần phục họ đã tỏ ra hoài nghi về khả năng Việt Nam phát triển với tỷ lệ 9 – 10 phần trăm từ giờ đến sau những năm 2000. Ngân hàng thế giới (WB) chủ trì hội nghị này (gồm 24 nước xuất vốn và 4 cơ quan quốc tế) chờ đợi Việt Nam đưa ra một “ chiến lược ” dài hạn.

Branley Banson, đại diện cho WB đã giải thích : “ *Những dự án của họ thì nhiều tham vọng nhưng không thực tế. Việt Nam không thể thực hiện phát triển với tỷ lệ 9 – 10 phần trăm trong những năm tới mà không cải tổ cơ cấu nền kinh tế của mình* ”.

Tính từ lúc viện trợ bắt đầu trở lại, những nước bỏ vốn đã hứa 8,5 tỷ đôla song chế độ quan liêu ở Việt Nam đã đình trệ việc xuất quỹ. Một thí dụ : trên con số 2,3 tỷ đôla do Nhật hứa, chưa tới 2 phần trăm được xuất quỹ.

Một nhà ngoại giao phương tây tham dự hội nghị đã tỏ ra lo âu về sự tăng trưởng của món nợ những nước ngoài mà Việt Nam dùng cho thành phần quốc doanh. Thiếu hụt trong xuất nhập lên tới 20 phần trăm tổng sản phẩm quốc nội (PIB), và theo ông thì quá nhiều phương tiện của cải đã được

dùng cho những cơ sở nhà nước. Những nước xuất vốn đòi hỏi Việt Nam nhanh chóng thúc đẩy việc tư hữu hoá thành phần quốc doanh và có chính sách hữu hiệu để ngăn chặn nạn hối lộ hiện đang lên đến mức đáng lo sợ. (AFP 4,6-12-1996)

Ý muốn có mặt nhiều hơn ở Việt Nam

Kết thúc chuyến đi thăm Việt Nam 4 ngày cuối tháng 11, thủ tướng ngoại giao Ý, bà Patrizia Toia tuyên bố “ *Sự hiện diện của Ý ở Đông Nam Á và Việt Nam là một vấn đề chiến lược* ”. Một kết quả cụ thể của chuyến đi là hai nước đã đạt thoả thuận về phương thức triển khai món viện trợ 65 triệu đôla của Ý cho Việt Nam, đã bị đông lạnh từ hai năm qua vì nhiều lý do cả từ phía Ý và phía Việt Nam. Theo bà Toia, các nhà kinh doanh Ý mong chờ một luật đầu tư nước ngoài vào Việt Nam “ rõ ràng và trong suốt hơn ”. Ý mới đứng thứ 29 trong những nước có đầu tư vào Việt Nam.

Để hệ thống hoá các quan hệ song phương, bà Toia đã công bố thoả thuận giữa hai bên là thủ tướng Võ Văn Kiệt và ngoại trưởng Nguyễn Mạnh Cầm đã nhận tới thăm Roma đầu năm 1997 tới, sau đó thủ tướng Ý cũng sẽ đi thăm Việt Nam. (AFP 26.11.96)

Quan hệ Việt - Pháp

Đại sứ Pháp tại Hà Nội cho biết năm nay Pháp sẽ tài trợ Việt Nam một ngân khoản 350,8 triệu quan (67 triệu đôla). Ngân khoản này giảm so với năm ngoái (410 triệu quan). Bù lại phía Pháp đã hứa sẽ chi khoảng 70 triệu quan để tổ chức hội nghị thượng đỉnh các nước nói tiếng pháp tại Hà Nội vào cuối tháng 11 năm 1977.

Gặp nhau trong khuôn khổ Uỷ ban hỗn hợp Pháp - Việt tại Paris ngày 11.12, bộ trưởng bộ ngoại giao Việt Nam Nguyễn Mạnh Cầm đã được thủ tướng Pháp Alain Juppé tiếp, và đã gặp bộ trưởng ngoại giao Pháp Hervé de Charette ngày 13.

Người phát ngôn bộ ngoại giao Pháp đã tuyên bố rằng cuộc gặp gỡ kỳ này đánh dấu tầm quan trọng của quan hệ Việt – Pháp, quan hệ mà phía Pháp muốn phát triển. Ông cũng đã nhấn mạnh “ *tính chất lịch sử đặc biệt* ” của sự bang giao Pháp – Việt. Theo ông, Pháp là nước tây phương đầu tiên ủng hộ chính sách đổi mới của Việt Nam và đã giữ vai trò quyết định trong việc bình thường hoá quan hệ giữa Việt Nam với các cơ quan tài chính quốc tế.

Về hội nghị thượng đỉnh các nước nói tiếng Pháp, ông nhấn mạnh “ *hội nghị này sẽ là một thời điểm quan trọng để Việt Nam khẳng định chỗ đứng của mình trong cộng đồng những nước nói tiếng Pháp và quốc tế* ”, và Pháp sẽ là cửa ngõ để Việt Nam đi vào châu Âu. (AFP 5,11,12-12-1996)

Đầu tư : hết khu chế xuất đến khu công nghiệp

Sau cơn sốt “ khu chế xuất ”, Việt Nam hiện đang chứng kiến cơn sốt “ khu công nghiệp ”. Nếu năm 1995, cả nước mới có 8 khu công nghiệp thì hiện nay con số đã lên đến 25 khu : Hà Nội (4 khu), Quảng Nam - Đà Nẵng (3 khu, trong đó có Dung Quất, nơi chính phủ dự tính xây nhà máy lọc

dầu), Thành phố Hồ Chí Minh (2 khu), Đồng Nai (6 khu), Sông Bé (7 khu)... Mặc dù qui hoạch của chính phủ đến năm 2000 nhắm có khoảng 30 khu công nghiệp, các tỉnh, thành vẫn tiếp tục xin mở thêm nhiều khu công nghiệp mới : Hà Nội (3), Hải Phòng (15), Thành phố Hồ Chí Minh (15), Đồng Nai (14), Sông Bé (15), Bà Rịa - Vũng Tàu (9) ...

Nhìn lại phong trào xây dựng các khu chế xuất những năm trước đây, người ta thấy chưa có khu nào được đánh giá là phát triển tốt : khu chế xuất Hải Phòng còn nằm yên chờ đối tác liên doanh mới ; hai khu chế xuất Cần Thơ và An Đông (Đà Nẵng) mới có vài xí nghiệp đăng ký ; khu chế xuất Linh Trung (TPHCM) chỉ mới hoạt động đều thời gian gần đây ; còn khu chế xuất Tân Thuận (TPHCM), được đánh giá lúc đầu là có tốc độ thu hút đầu tư cao, nay bị phê phán ở việc xây dựng cơ sở hạ tầng kém (có trên 40 nhà máy hoạt động rồi nhưng vẫn chưa có một nhà máy xử lý nước thải).

Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã cử cựu bộ trưởng Lê Xuân Trinh đứng đầu cơ quan trung ương sắp thành lập nhằm quản lý các khu công nghiệp và chế xuất. Theo ông Lê Xuân Trinh, các khu công nghiệp có tác dụng thu hút đầu tư một cách nhanh chóng nhờ hạ tầng có sẵn và thủ tục gọn nhẹ hơn. Ông Trinh nhấn mạnh chủ trương không chỉ là dựa vào đầu tư nước ngoài, mà phải ngày càng động viên tất cả nguồn vốn trong nước. Ông còn cho rằng, sau khi luật đầu tư nước ngoài đã được quốc hội vừa qua sửa đổi, chính phủ sẽ cấp phép chỉ cho những dự án đầu tư lớn, còn loại dự án vừa và nhỏ thì sẽ ủy quyền cho ban quản lý của từng khu công nghiệp quyết định. Cho đến nay, bộ kế hoạch và đầu tư vẫn xem xét mọi dự án đầu tư từ một triệu đô la trở lên : “ thực tế không có sức làm và không cần thiết làm như vậy ” – ông Trinh nhận định.

Theo tính toán của chính phủ, đến năm 2000, 30 khu công nghiệp sẽ có trên 5 000 xí nghiệp hoạt động, tạo ra giá trị sản lượng hàng năm trên 15 tỉ đô la, trong đó 1/3 là xuất khẩu. Mặt khác, trong các khu công nghiệp, sẽ có những khu công nghiệp cao, tức là ngoài sản xuất, tiêu thụ sản phẩm còn có nghiên cứu khoa học và đào tạo.

Kinh nghiệm cho thấy Trung Quốc từng thành lập trên 3 000 khu công nghiệp, nhưng con số đưa vào hoạt động chỉ khoảng 500 và số thành công còn ít hơn nữa. (Tuổi Trẻ 26.11.96)

Thành phố Hồ Chí Minh : ách tắc giao thông

Theo số liệu thống kê của Thành phố Hồ Chí Minh, tính đến nay thành phố có 80 000 xe ô tô, 1,2 triệu xe gắn máy, 1 200 xe lam, 40 000 xích lô, trên 1,2 triệu xe đạp. Số lượng xe nói trên đã vượt mức tải trọng của cầu đường hiện nay : 900 km đường của thành phố chỉ đáp ứng cho 2/3 lượng xe hiện có. Trong những điều kiện đó, ách tắc giao thông đã trở thành chuyện thường ngày ở Thành phố Hồ Chí Minh. Tình trạng này không được cải thiện mà ngày càng xấu hơn : tốc độ gia tăng số lượng ô tô và xe gắn máy hiện là 10 %/năm.

Một cuộc điều tra năm 1996 của trường đại học Đức Dresden, phối hợp với trung tâm khoa học kinh tế giao thông

thuộc bộ giao thông vận tải Việt Nam, cho biết 44,7 % người dân Thành phố Hồ Chí Minh đi lại bằng xe gắn máy, 30,7 % đi bằng xe đạp, 20,6 % đi bộ. Tỷ lệ người sử dụng phương tiện giao thông công cộng như xe buýt, xe dò, taxi, xe lam, xích lô, chỉ chiếm 4 % !

Để giải quyết nạn kẹt xe, công trình nghiên cứu của trường đại học Dresden đề xuất một giải pháp giao thông bán sắt gồm tàu điện ngầm và tàu điện trên cao. Theo nghiên cứu tiền khả thi, một hệ thống tàu điện ngầm trong nội thành có khả năng vận tải từ 15 000 đến 50 000 người/giờ, trong khi hệ thống buýt, dù có cải tiến, không có thể tải quá 5 000 hành khách/giờ ; đồng thời, một con tàu điện chạy nhanh trên đường sắt cao, vận tải hành khách lẫn hàng hóa đi từ Biên Hoà xuyên qua Thành phố Hồ Chí Minh đến An Lạc, có thể bảo đảm hành trình 45 km này trong 50 phút. Đề án giao thông bán sắt, với tổng chiều dài tuyến đường là 117 km, cần khoảng 10 tỉ đô la, trong đó những năm đầu cần từ 200 - 300 triệu đô la/năm. (Lao Động 28.11 ; Tuổi Trẻ 21, 26.11 và 1.12.96)

Trở thành tỉ phú nhờ đất công

Báo Lao Động ngày 21.11.96 có giới thiệu trường hợp bà Lê Thị Đức và gia đình ở thị trấn Củ Chi tại Thành phố Hồ Chí Minh đã trở nên tỉ phú nhờ buôn bán hàng chục ngàn m² đất công do chính quyền huyện cấp cho.

Tháng 12.1990, bà Lê Thị Đức được uỷ ban nhân dân Củ Chi giao cho 1 840 m² đất ở Ấp Thượng làm nhà ở. Bà Đức chỉ nộp cho huyện 147 triệu đồng là các khoản tiền “ giao đất ” (thực chất là bán), thuế trước bạ, lệ phí ... Sau khi xây nhà, tháng 2.1996 bà đem đất và nhà bán lại cho Ngân hàng Sài Gòn Thương tín với giá 665 triệu đồng, lời khoảng 400 triệu đồng.

Tháng 10.1991, bà Lê Thị Đức mua ở Xuân Thới Thượng (huyện Hóc Môn, TPHCM) một mảnh đất 6 042 m² với giá 67 lượng vàng. Tháng 4.1994, mảnh đất đó được sang lại cho Công ty xây dựng và phát triển nhà huyện Hóc Môn với giá 1,7 tỉ đồng, tương đương 400 lượng vàng. Lợi nhuận : 1,5 tỉ đồng, hơn 300 lượng vàng !

Ông Lê Văn Rời, cha bà Đức, được ban quản lý công trình thủy nông Củ Chi cấp tại An Hạ 5 594 m² mà ông đang tìm cách sang nhượng lại. Ông Lê Quang Thành, chồng bà Đức, cũng được uỷ ban nhân dân Củ Chi ưu ái giao cho 8 730 m² đất ở Tân Phú Trung và đang chờ khách sang nhượng. Còn ông Nguyễn Thanh Tùng, con rể bà Đức, được huyện Củ Chi cấp cho 3 735 m² đất ở Tân Thông Hội và đang sử dụng nó mặc dù có quyết định thu hồi của uỷ ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh từ năm 1995.

Đó là 5 trên 9 vụ buôn bán, sang nhượng đất đai của bà Lê Thị Đức và thân nhân trong vòng 6 năm 1990 - 1996. Theo báo Lao Động, tất cả đều bắt nguồn từ những sai phạm của những chức sắc ở hai huyện Củ Chi và Hóc Môn. Bài báo nêu câu hỏi : cá nhân nào đã tiếp tay cho bà Đức kiếm lời bất chính trên tài sản của quốc gia ? Điều mà bài báo không nói rõ là bà Lê Thị Đức là ai mà đã có thể tung hoành ở các cơ quan huyện Củ Chi và Hóc Môn ?

Các chi bộ đảng trong những xí nghiệp vốn nước ngoài

Theo một chỉ thị của bộ chính trị đảng cộng sản Việt Nam, do báo Nhân Dân đăng lại trong số ra ngày 7.12, các chi bộ đảng sẽ được thành lập trong các xí nghiệp vốn nước ngoài, trước hết là các xí nghiệp cỡ lớn và vừa, chiếm những vị trí quan trọng trong đời sống kinh tế. Mục tiêu được đưa ra là nhằm bảo đảm sự phát triển "lành mạnh, đúng hướng" của những xí nghiệp đã có những biểu hiện "yếu kém" và "tiêu cực" trong mấy năm qua. Theo chỉ thị, các xí nghiệp liên quan phải cho phép các chi bộ đảng hoạt động một cách "công khai, hợp pháp". Bộ chính trị cũng đòi các uỷ ban đảng ở các địa phương, tỉnh, thành phải báo cáo về công tác đảng trong các xí nghiệp mỗi năm hai lần.

Hai ngày sau khi chỉ thị được công bố, ông Nguyễn Nhạc, thủ trưởng bộ Kế hoạch và đầu tư đã phải trấn an những nhà đầu tư nước ngoài rằng họ không có gì phải lo lắng về chỉ thị này. Theo ông Nhạc, các chi bộ đảng sẽ không can thiệp vào những công việc quản trị xí nghiệp. (AFP, Reuter 7, 9.12.1996)

Bổ nhiệm một số chức vụ mới

Cuối tháng 11 vừa qua, chính phủ đã bổ nhiệm : bà Nguyễn Thị Ngọc Liên, nguyên bí thư Tỉnh uỷ đảng cộng sản tỉnh Đồng Nai, giữ chức vụ phó tổng thanh tra nhà nước ; bà Võ Thị Thắng, phó chủ tịch Hội liên hiệp phụ nữ Việt Nam, giữ chức tổng cục trưởng du lịch, thay thế ông Đỗ Quang Trung (được cử làm bộ trưởng trưởng ban tổ chức chính phủ), ông Hồ Tiến Nghi, phó tổng giám đốc Thông tấn xã Việt Nam, làm tổng giám đốc thay ông Đỗ Phương, ông Trần Mai Hạnh, phó chủ tịch Hội nhà báo Việt Nam, làm tổng giám đốc Đài tiếng nói Việt Nam thay ông Phan Quang, ông Nguyễn Huy Luân, phó tổng cục trưởng bưu điện, làm tổng cục trưởng thay ông Đặng Văn Thân.

Ngoài ra, người ta cũng được biết cựu bộ trưởng kế hoạch - đầu tư Đỗ Quốc Sam được cử làm chủ tịch Hội đồng thẩm định nhà nước về các dự án đầu tư (thay ông Đậu Ngọc Xuân) ; cựu bộ trưởng phụ trách văn phòng chính phủ Lê Xuân Trinh được cử đứng đầu một cơ quan trung ương sẽ quản lý các khu công nghiệp và khu chế xuất ; cựu bộ trưởng văn hóa thông tin Trần Hoàn vẫn giữ chức vụ phó ban văn hóa tư tưởng trung ương của đảng cộng sản mà trưởng ban mới là ông Hữu Thọ, trước đây là tổng biên tập báo Nhân Dân. (Thời báo kinh tế Sài Gòn 28.11 và 5.12 ; Tuổi Trẻ 14, 19 và 26.11.96)

Học sinh thiếu lớp học trầm trọng...

Thành phố Hồ Chí Minh thiếu hụt lớp học cho trẻ em một cách trầm trọng. Học sinh phải học trong chùa chiền, trong các cửa tiệm hoặc trên các công trường. Có những em phải đi học theo một chương trình luân phiên mới định ra. Trên 1400 lớp học cần thiết cho niên khoá 96/97 tại thành phố chỉ 300 được thực hiện. Mỗi học sinh chỉ được từ một cho đến hai mét vuông, trong khi người ta tính là phải năm đến sáu mét vuông mới đủ để cho các em có điều kiện học tập tốt. Theo một dự tính thì từ đây đến năm 2010 sẽ cần đến 2200 hecta đất để xây trường học, thì thành phố chỉ có 300 héc ta.

Trong khi đó thì ôten và tiệm ăn mọc lên như nấm từ hai

năm nay với tỷ lệ tăng là 65%. Sự thiếu hụt lớp học cùng với mức lương rất thấp của giáo viên là những lý do chính của sự sa sút của nền giáo dục tại Việt Nam hiện nay và sự bành trướng của nền giáo dục tư thực trong một nước cộng sản.

Hạn chế việc bắt đài tivi qua vệ tinh

Chính phủ Việt Nam quyết định hạn chế việc bắt các chương trình tivi phát qua vệ tinh. Theo một chỉ thị của chính phủ thì kể từ đầu tháng giêng năm 1996, chỉ những cán bộ cao cấp và những tổ chức nhà nước, và những cơ quan, xí nghiệp nước ngoài mới có quyền có ăng ten parabol. Một hệ thống cáp sẽ phân phối có giới hạn những chương trình phát qua vệ tinh. Hệ thống này do Vietnam Television (VTV) quản lý. Một người trách nhiệm của VTV cho biết giá một đường nối vào hệ thống cáp là 2 triệu đồng (180 đôla), và tiền thuê mỗi tháng là 70000 đồng (6,30 đôla).

Người ta cho rằng qua quyết định này chính quyền muốn tăng cường việc kiểm soát các nguồn thông tin.

Văn phòng chính phủ ở Hà Nội cũng đã họp các nhà báo trong nước và đã đe họ rằng báo chí phải hoàn toàn chịu trách nhiệm về nội dung bài vở và tránh tiết lộ bí mật của đảng và nhà nước. (Reuter 4-12-96)

Những điều kiện để hồi hương

Ngày 21.11.1996, thủ tướng chính phủ đã ra quyết định về việc công dân Việt Nam ở nước ngoài muốn trở về định cư trong nước. Quyết định nêu những điều kiện sau đây cho người hồi hương :

1/ Có quốc tịch Việt Nam và mang hộ chiếu Việt Nam. Nếu có quốc tịch Việt Nam đồng thời mang hộ chiếu nước ngoài thì phải có xác nhận đã đăng ký công dân tại một cơ quan đại diện nước CHXHCN VN ở nước ngoài.

2/ Thái độ chính trị rõ ràng : hiện tại không tham gia hoặc ủng hộ các tổ chức chống phá Tổ quốc, không có hành động chống đối chính phủ VN và cộng đồng người VN ở nước ngoài.

3/ Có khả năng bảo đảm cuộc sống ở VN sau khi hồi hương.

4/ Có một cơ quan (cấp bộ hoặc ngang bộ...) hoặc thân nhân (đủ 18 tuổi, có hộ khẩu thường trú tại VN...) bảo lãnh.

Sau khi quyết định được công bố, một số cơ quan truyền thông đã đưa tin nhằm đây là quyết định dành cho Việt Kiều về thăm nhà, do đó đã gây khá nhiều dư luận hoang mang, khiến Uỷ ban người Việt Nam ở nước ngoài đã phải lên tiếng cải chính ngày 5.12, qua lời ông Phạm Khắc Lãm, phó chủ nhiệm uỷ ban. Ông Lãm cho biết thêm, chính phủ đang soạn một đạo luật ghi rõ, khi một Việt kiều đã lấy hộ chiếu nước ngoài thì đương nhiên người đó không còn quốc tịch Việt Nam nữa, và khi người đó muốn trở về định cư trong nước thì họ phải chọn lựa. (Thanh Niên 26.11, AFP 5.12.1996)

TIN NGẮN

• Tổng số mất mát do thiên tai gây ra trong năm 1996 lên đến 1 200 người chết, 100 người còn mất tích, 1,6 triệu tấn lương thực bị mất trắng, 7 231 tỉ đồng thiệt hại.

- Theo cục thống kê Thành phố Hồ Chí Minh, doanh số hoạt động dịch vụ **du lịch** ở thành phố đã tăng 4 % so với năm 1995, nhưng chủ yếu từ khâu bán hàng. Riêng hệ số sử dụng phòng khách sạn liên tục giảm trong mấy năm gần đây : 68 % năm 1993, 63 % năm 1994, 54 % năm 1995, 46 % trong chín tháng đầu năm 1996. Nhiều khách sạn đã phải hạ giá phòng từ mức giá bình quân 100 đô la/ngày năm 1995 xuống còn 85 đô la/ngày.

- Các **doanh nghiệp nhà nước** hiện đang sử dụng 1,4 triệu m² đất mà giá trị được ước tính là 30 000 tỉ đồng, tương đương gần 3 tỉ đô la.

- Tại Thành phố Hồ Chí Minh, **tỉ lệ doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài** làm ăn thua lỗ tăng từ 61 % trong các năm 1994 và 1995 lên 75 % trong 8 tháng đầu năm 1996. Cho đến nay chưa có một cuộc điều tra nào làm rõ nguyên nhân thua lỗ của từng doanh nghiệp ; việc thu thuế đối với loại doanh nghiệp này hiện nay chưa căn cứ trên kết quả kiểm toán, mà chỉ dựa vào sự tự kê khai (chưa chắc là đáng tin cậy) của doanh nghiệp.

- Với tổng số vốn đầu tư 1,3 tỉ đô la, tập đoàn Hàn Quốc Hyundai (70%) và công ty Vinashin thuộc bộ giao thông vận tải (30%) đã liên doanh xây dựng **nhà máy tàu biển** lớn nhất Việt Nam. Nhà máy sẽ đi vào hoạt động năm 1998 và sẽ đóng các tàu biển dưới 3 vạn tấn và sửa chữa được các loại tàu trên 10 vạn tấn.

- **Cảng quốc tế Vũng Tàu** sẽ do một tập đoàn công ty Singapore (40%), Malaysia (30%) và Panama (30%) đầu tư xây dựng theo hình thức BOT với tổng số vốn 637 triệu đô la. Cảng sẽ có khả năng tiếp nhận tàu từ 6 đến 10 vạn tấn và sẽ trở thành cảng vận tải container toàn cầu.

- Trưởng văn phòng đại diện tập đoàn bảo hiểm Pháp UAP ở Việt Nam, ông Cổ Minh Đức, cho biết dự kiến của UAP sẽ mở **dịch vụ bảo hiểm y tế tại Việt Nam** trong cuối năm 1997. Tập đoàn, đứng thứ hai trên thế giới về bảo hiểm (sau khi vừa hợp nhất với công ty Pháp AXA), sẽ nâng cấp từ 3 đến 6 bệnh viện Việt Nam để đáp ứng nhu cầu khám bệnh cho người Việt nam và người nước ngoài đang làm việc ở Việt Nam.

- Thành phố Hồ Chí Minh hiện có **160 000 cán bộ, viên chức**, gồm 75 000 người trong các cơ quan nhà nước, 3 000 người trong các tổ chức của đảng cộng sản và những đoàn thể, 81 000 người trong các doanh nghiệp nhà nước.

- **Trung tâm khoa học tự nhiên và công nghệ quốc gia** hiện có 3 viện sĩ, 95 tiến sĩ, 522 phó tiến sĩ và 1 180 kỹ sư. Theo giám đốc trung tâm Đặng Vũ Minh : số lượng người có học hàm, học vị thì nhiều nhưng số có khả năng nghiên cứu thực sự, đảm nhiệm chương trình khoa học cấp nhà nước hay dự án quốc tế thì chỉ có khoảng 50 - 60 người và phần đông họ đang trong lứa tuổi 58 - 60 tuổi.

- Tháng chạp vừa qua tại Thành phố Hồ Chí Minh, kịch phẩm **Hòn Trương Ba, da hàng thịt** của Lưu Quang Vũ đã được Nhà hát kịch Việt Nam hợp diễn với hai êkíp nghệ sĩ Hà Nội và Sài Gòn : Trọng Khôi/Thương Tín trong vai Trương Ba, Anh Dũng/Minh Hoàng trong vai con trai Trương Ba, Tuyết Mai/Kim Xuân trong vai vợ Trương Ba.

- 22 nước đã gửi phim tham gia **liên hoan phim quốc tế Hà Nội** lần thứ 3. Việt Nam tham dự với bộ phim Lời Thề của đạo diễn Tường Phương.

- **Nói chuyện** ngày 30.11.96 tại **Hội nhà văn Việt Nam**, tổng bí thư đảng cộng sản Đỗ Mười cho rằng : “ **Đảng, nhà nước cần quan tâm đến nguyện vọng của các nhà văn, bảo đảm tự do, dân chủ cho các sáng tác văn học** ”.

- Kể từ ngày 15.12.1996, hãng Air France sẽ tăng nhịp độ **các chuyến bay Paris - Bangkok - Hà Nội** lên 3 chuyến mỗi tuần : thứ ba, thứ sáu và chủ nhật. Các chuyến về Paris khởi hành từ Hà Nội ngày thứ hai, thứ tư và thứ bảy. Ngoài ra, Air France vẫn tiếp tục thực hiện mỗi tuần 3 chuyến bay Paris - Thành phố HCM.

- Theo tin AFP, **ông Hà Sĩ Phu đã được** nhà cầm quyền Hà Nội **trả tự do** ngày 4.12.1996, và đã được phép trở về Đà Lạt nơi ông cư ngụ. Ông bị bắt giam từ đầu tháng 12 năm 1995 và bị kết án tù cùng với các ông Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiến Giang vì tội “ **cố ý tiết lộ bí mật Nhà nước** ” sau một phiên toà đấm đui ngày 22 tháng 8 năm 1996 (xem Diễn Đàn số 55).

- Việt Nam đã đẩy một đợt tấn công mạnh vào việc Mỹ tài trợ đài phát thanh **Radio Free Asia** cho rằng đây là một công cụ chính trị quý quai mang tính chất thời chiến tranh lạnh. Một bài xã luận báo Nhân Dân cho rằng đây là một cách để nhúng tay vào nội bộ của nước khác.

- Báo Thanh Niên đã đưa tin **sáu bộ đội bị xử án tù về tội phá rối trị an** vì đã hành hung một sinh viên tại Đà Lạt. Chuyện xảy ra hồi tháng tư, khi một sinh viên bị quân đội bắt không rõ lý do. Hàng trăm sinh viên đã biểu tình trước sở chỉ huy quân đội đòi trả tự do cho người bị bắt

- Tại thành phố Hồ Chí Minh, một học sinh đã bị xử **4 năm tù ở vì tội hành hung cô giáo**. Cao Thanh Tuấn, 15 tuổi bị một cô giáo bắt phải tuân theo thủ tục cuộc thi, đã dùng gậy đánh cô trọng thương trong lúc cô có mang. Đồng loã của Tuấn đã bị xử 2 năm tù treo.

- Theo một tài liệu của Ngân hàng Thế giới (WB) công bố mới đây, cộng đồng người Hoa chỉ chiếm hơn 1 % dân số Việt Nam, nhưng có doanh số kinh doanh hàng năm là 4 tỉ đô la, tương đương khoảng 20 % tổng doanh số cả nước. Tại Thành phố Hồ Chí Minh, tiêu dùng theo đầu người ở các hộ người Hoa cao gấp 2 lần các hộ người Việt. Tỉ lệ đỗ đạt của con em các hộ người Hoa cũng cao gấp đôi mức trung bình toàn quốc. (Lao Động 3.12.96)

- Trong cuộc điều tra **đường dây buôn lậu ma túy** của Vũ Xuân Trường (đại úy cảnh sát phòng chống tệ nạn xã hội) và Bùi Danh Ca (đại úy công an biên phòng), cơ quan an ninh Hà Nội đã bắt thêm một sĩ quan công an thứ ba, thiếu tá Nguyễn Hữu Chính, phó phòng cảnh sát chống ma túy.

- Tiếp tục vụ án **Tamexco**, cơ quan an ninh Thành phố HCM đã quyết định truy tố nguyên tổng giám đốc Vietcombank Nguyễn Mạnh Thuý vì đã bảo lãnh cho Phạm Huy Phước vay 2,9 triệu đô la, và đại úy cảnh sát điều tra Huỳnh Anh Dũng về tội nhận hối lộ. Đại úy Dũng cũng là một trong những người đầu tiên được giao nhiệm vụ điều tra về Tamexco.

Đi tìm nét cộng hoà cho không gian công cộng

bùi mộng hùng

Nghe về nghe về nghe về.... Thời đại nào xã hội Việt Nam cũng có cách nói nói lên tiếng nói của mình. Về nằm thuộc truyền thống đó. Sáng tinh sương đã thấy ai đó đem dán mấy câu ngoài đình, người ra đồng kể đi chợ tùm năm tùm ba lại đọc. Thế là thuộc nằm lòng, rồi miệng truyền tai, cứ thế mà lan đi, lan mãi.

Không gian công cộng trong truyền thống xưa nay

Đã để mấy câu về lọt vào tai, chẳng để gì mà quên được. Nó có vần có điệu. Nó kể lể những chuyện mà người ta râm rỉ rả tai nhau, về những kẻ có vai có vế trong làng trong tỉnh ai ai cũng biết. Không biết mặt thì ít nhất cũng nghe danh.

Trong cái không gian công cộng truyền thống của ta ấy về là ngôn ngữ thích hợp vô cùng. Vùng Hà Đông có mấy câu còn lưu truyền mãi đến ngày nay :

Hoàng trùng đi, Vi trùng lại

Suy đi nghĩ lại, Vi hại hơn Hoàng

Vốn là, vào thời Pháp thuộc, vùng ấy vừa qua khỏi nạn mất mùa vì sâu “hoàng trùng” cắn lúa thì lại bị “vi trùng” dịch tả hoành hành. Hai chuyện làm người dân Hà Đông thời đó hao tâm lo lắng. Nhưng ai đó lại đem nó lồng vào một chuyện khác : thời điểm ấy tổng đốc Hà Đông Hoàng Trọng Phu đổi đi, Vi Văn Định đến thay.

Câu về đem bỏ cụ Hoàng và cụ Vi vào cùng một rọ. Gieo cho cả hai vị tổng đốc tai tiếng hại dân, sánh tày sâu bọ tàn phá mùa màng, vi trùng dịch tả giết dân. Lại còn đem gán cho họ Vi cái độc hại hơn cả họ Hoàng.

Nhưng bạn thấy không, chẳng một bằng cứ cụ thể nào được nêu ra. Chẳng biết thật là như thế, hay đơn giản chỉ vì sự đòi hỏi của vần, của bằng trắc cho câu được êm tai để nhớ mà tổng đốc Vi Văn Định phải chịu tiếng dữ nặng hơn quan lớn họ Hoàng...

Xin bạn yên tâm, tôi không có ý định tìm lại sự thật lịch sử trong vấn đề này. Chỉ xin, qua câu về, được phác hoạ ra vài nét khá đặc biệt của cái không gian công cộng xưa nay ta hằng quen thuộc.

Nội dung quyết liệt phê phán rõ là không thể chối cãi. Nhưng cụ thể những gì thì lại mờ mờ tỏ tỏ. Đúng hơn, nó ăn khớp như tạc với tất cả mọi oán thù của bất cứ ai ai đã cảm nhận là cá nhân mình, gia đình, họ hàng mình bị thiệt hại, oan ức vì quyền uy của hai cụ quan lớn đầu tỉnh.

Khi về chẳng châm chích riêng cá nhân ông tai to mặt

lớn nào mà đi đả kích bộ máy chính quyền nói chung, thì cũng cứ một lối như vậy :

Bộ Binh, bộ Hộ, bộ Hình

Ba bộ đồng tình bóp vú con tôi

Chẳng phải một cô bé cụ thể nào bị cậu cai ông đội bóp vú đâu. Người không hiểu về vôi tán ra cho hợp với câu về, chú cái chuyện tí ti bóp vú thì làm gì đến nỗi phải mò lên huyện, lên tỉnh, lên kinh mà kiện với cáo ! Nhưng mà, chuyện bắt lính, bắt sưu, kiện cáo linh tinh, thì có ối người ức bộ máy hành chính thâm gan. Nhưng mà cứ phải ề cổ ra mà chịu. Khác gì có đứa bóp vú vợ con mình mà phải nín thinh. Đành đem trút cái uất ức vào câu về cho thật cay, thật độc. Nhưng lại phải ý tứ sao cho chẳng ai bắt thóp được là mình !

Vì vậy mới nói cạnh nói khoe. Nhập nhĩ nhập nhằng giữa hoàng trùng với Hoàng tổng đốc, vi trùng dịch tả với quan lớn họ Vi. Mới tố cáo cả bộ Binh, bộ Hộ lẫn bộ Hình đi làm một chuyện rành rành là vô lối : bóp vú con người ta !

Vì vậy mới ném đá giấu tay, ai rõ được cá nhân nào trách nhiệm lên tiếng phê phán. Chỉ là tiếng đồn, rừ rừ, người nghe lọt tai thấy thu thú, và như thế đã đương nhiên là đồng lõa, tán thành rồi.

Nạn nhân – chẳng biết oan hay ung – phải mang tiếng bia miệng, trăm năm còn đó trợ trợ. Không nơi đôi co, không cách minh oan cãi lại.

Thật là tai hại cho nhà cầm quyền. Ta chẳng lấy làm lạ thấy chính quyền thời chúa Trịnh ghét cay ghét đắng cái thứ văn nôm na là cha mách que này. Đã bao phen ra lệnh cấm. Nhưng mà, cấm thì cứ cấm, bịt sao được miệng thế gian, miệng xã hội.

Trong không gian công cộng xưa, cách nói phải nhập nhằng, mặt phải che, tay phải giấu, vì quan hệ giữa người dân với chính quyền không đơn giản chút nào.

Người dân biết đến góc đến vách những thói tật của bộ máy cai trị. Vì thật ra, không hiếm người, trong đời mình chẳng ít thì nhiều, đã phục vụ cho chính quyền. Các họ trong làng, thời nào cũng tranh cho một số người của mình có được chút vai vế. Để mà cả họ được nhờ. Chỉ là hương tuần, hương lý, là nha lại thôi. Đủ để thấy bên trong của bộ máy là thế nào, tuy không đủ để hoàn toàn đồng hoá mình với bộ máy chính quyền như các quan to. Cứ chần trong chân ngoài, và càng ngoài hơn nữa khi không còn chức vụ nào. Đủ một khoảng cách để đả kích thật đau và đúng vào chỗ nhức.

Tuy nhiên phải giữ thái độ nhập nhằng đối với chính quyền. Nó không phải là mình, ghét thì có ghét. Nhưng sợ cũng rất sợ. Và vì thế phải nương nhẹ, bóng gió với nó.

Mà không thể sao được. Mỗi quan hệ là con dân đối với “dân chi phụ mẫu”. Nhà cầm quyền đương nhiên là cha mẹ dân. Quan trên bảo ban, dạy dỗ, giáo hoá dân ngu. Người dưới chỉ có mà khoanh tay cúi đầu lắng nghe. Có tức ói mặt cũng cứ để bụng. Phải là người có học, là kẻ tự cho mình là sĩ phu mới dám dưng biểu lên trên. Nhưng mà phải khép nép cúi đầu. May ra được đèn trời soi xuống.

Trong cái quan hệ hàng dọc này, chỉ có trên bảo dưới nghe. Chẳng có gì để bàn bạc. Hàng ngang, dân đen với

nhau, quyền ăn nói chẳng có, đem vấn đề chung ra công khai mà bàn là vạ miệng, là làm loạn. Vì vậy mà đem uất ức chung thủ thỉ tai nhau. Dẫn lòng không được thì ném đá giấu tay, đâm bị thọc thọc bị gao cho hả dạ.

Một phản ứng lành mạnh của một xã hội đầy sức sống. Nhưng nó tiêu cực, không nêu vấn đề, không mở ra chân trời mới. Bế tắc như bức tường chắn ngang giữa người bị trị với bộ máy cai trị. Như cái không gian công cộng bị tầng lớp thống trị ghì chặt, nén kín. Không lối thoát ôn hoà, chỉ có thể nổ tung.

Cộng hoà...

Và cái xã hội cổ lỗ ấy đã phải nổ tung. Dân tộc ta đã đứng lên làm Cách mạng tháng tám. Giành lại độc lập tự do. Lật đổ những quan hệ cũ kỹ. Thiết lập chế độ cộng hoà.

Từ thuở ban đầu, chủ tịch Hồ Chí Minh nhắc nhở : cán bộ là đầy tớ của dân. Nhấn mạnh quan hệ dân với chính quyền đã hoàn toàn đảo ngược. Ngược với tập tục ngàn xưa, với cái địa vị cha mẹ dân của nhà cầm quyền. Vì nói “ cộng hoà ” là “ ắt phải có ” cái điều Montesquieu khẳng định “ Mọi người đều bình đẳng trong chính thể cộng hoà ”.

Vị trí người dân đã khác. Từ con dân, ngẩng đầu mà lên làm công dân. Bình đẳng với nhau trong tự do.

Cái khác với tự do nội tâm, phóng túng chẳng tuân theo một luật lệ nào ngoài ý chí của riêng cá nhân mình, là tự do công dân đã trải qua quá trình đụng chạm với ý chí người khác – chẳng hạn về chiếm hữu sự vật – đã trao đổi quan điểm, nhìn nhận lẫn nhau và đi đến một ý chí chung. Đến sự công nhận một số điều được hưởng, được đòi hỏi, được làm. Tức là một số quyền.

“ Quyền ” gắn liền và đi đôi với “ sự công nhận của những công dân khác ”. Một thứ “ công ước ” được cụ thể hoá trong những định chế dân sự, kinh tế, chính trị, xã hội. Vì vậy mà tự do công dân đúng ra phải dùng số nhiều : nó là những tự do trong những lĩnh vực cụ thể : dân sự, chính trị, kinh tế, xã hội...

Trong giao ước giữa công dân, ý chí các bên liên kết với nhau và mọi bên được tự do trong một ý nghĩa mới : từ bỏ cái khả năng muốn làm gì thì làm để cùng được cái khả năng làm theo chuẩn mực mà mọi bên đã đồng ý chấp nhận.

Hành động tự do – trong nghĩa hành động theo chuẩn mực chấp thuận trong tự do – đưa vào kích thước “ lý tính thực hành ”. Nghĩa là kích thước tác động vào thế giới, tạo ra hiện thực.

Đặc điểm cái tự do đã kinh qua công ước, kinh qua luật pháp mà trở nên phổ cập là khả năng dự phóng, khả năng thể hiện của nó trở nên tầm vóc to lớn mạnh mẽ khác hẳn kích thước của khả năng cá nhân lẻ loi. Diễn trường của nó là thế giới của văn hoá, phạm vi của nó là sự nghiệp. Nó có ý chí xoay hướng lịch sử con người. Tóm lại nó muốn chuyển đổi thế gian.

Triết lý chính trị cộng hoà triển khai trong phạm vi đặt vấn đề hành động tự do có chuẩn mực. Tinh thần của nó là thể hiện tự do. Trong lý thuyết, nhà nước cộng hoà là hội

điểm khớp nối các tương quan ý chí với ý chí, độc đoán với chuẩn mực, ý định với sự nghiệp. Thêm vào đó một quan hệ luôn luôn đặt ra chẳng khác một chất vấn : làm thế nào cho tự do cá nhân nhận diện ra chính mình trong quyền quyết định của toàn thể cộng đồng ?

Không có phương trình giữa quyền tối cao của nhà nước với quyền tự do cá nhân thì không có nhà nước cộng hoà.

Nhà nước mà không là thể hiện của sự cụ thể hoá ý chí công dân thì chỉ là một ý chí áp đặt ; đối với người dân chỉ là thù địch.

Chính trị tranh cầm quyền, chính trị quan hệ nhà nước và xã hội

Trong ký ức tập thể dân tộc ta Cách mạng tháng tám sáng ngời tính chất tự hội ý chí của mọi tầng lớp nhân dân. Nó hấp dẫn với nét đẹp cộng hoà.

Nhưng chiến tranh bùng nổ. Với những đòi hỏi của một chiến cuộc kéo dài và khốc liệt chưa từng thấy.

Cuối cùng dân tộc ta chiến thắng. Độc lập, thống nhất. Nhưng sung sướng. Dưới sự kiểm soát nặng nề của một chế độ độc đoán theo khuôn mẫu Stalin. Điều đứng, kiệt quệ. Nếu không kịp “ đổi mới ”. Và ta đã và đang mở cửa đổi mới. Xã hội thay da đổi thịt. Đang biến chuyển theo nhịp nôn nóng của mọi người mong muốn bắt lại những năm dài lỡ dở.

Tuy nhiên ba mươi năm đấu tranh một mất một còn, ba thập kỷ tư tưởng chính trị tập trung vào sự nghiệp cướp chính quyền vẫn hằn trong óc não. Nắm được chính quyền ở trong tay phải lo giữ lấy nó. Đường như thành nếp nghĩ duy nhất của đảng cầm quyền.

Các nhóm chính trị chống đối bị hóp hồn vào trong lối đặt vấn đề tranh quyền chức.

Bằng quên rằng phần chủ yếu của chính trị cũng và luôn luôn là quan hệ giữa nhà nước với xã hội. Một quan hệ – dù ta có ý thức hay không – vẫn đang hình thành trong động thái chuyển biến của xã hội ngày nay.

Quan hệ đó “ phân lập ” nhà nước đứng ngoài dè lên trên xã hội bị đóng khung và bị kiểm soát. Hay giải toả cho xã hội một lĩnh vực chính trị bên chức năng quyền lực hành chính của nhà nước, tạo điều kiện phát sinh cho tác động qua lại và sáp nhập với nhau giữa nhà nước và các tổ chức của công dân ?

Điều chắc là quan hệ nhà nước với xã hội đang thành hình ngoài vòng ý thức của đa số công dân.

Chính quyền lùng nhùng, dơi dơi chuột chuột ?

Mặt hiển nhiên ai ai cũng thấy được là nhiều thành phần xã hội mới đang trong quá trình cấu tạo. Giới doanh nhân chẳng hạn. Đã có tổ chức Phòng thương mại. Đã biết lên tiếng lo ngại khi diễn biến kinh tế có chiều không thuận lợi cho họ. Giá trị đồng bạc ổn định, tỷ số lạm phát xuống thấp trong mấy tháng liền. Chưa nghe tiếng nói của những ai mừng cho đồng bạc được giá so với đôla, đã thấy giới doanh nhân xuất khẩu than phiền giá trị đồng bạc đặt mức quá cao, xuất khẩu chạt vật mà chẳng có lời. Yêu cầu thả

lông cho lạm phát lên cao, luận bàn tỷ lệ thế nào là tối ưu...

Mặt nổi là đối với đòi hỏi của nhiều thành phần xã hội chính quyền ngày nay không cứng rắn như xưa. Nông dân dám đứng lên kiện chính quyền địa phương chiếm đoạt ruộng đất. Và có khi được kiện. Thương gia chợ Đồng Xuân Hà Nội bất bình chính quyền thành phố, kéo nhau đi biểu tình phản đối trước nhà tổng bí thư Đỗ Mười. Trí thức, chẳng riêng gì trí thức cấp cao, được phân phát nhà đất, được lãnh đạo lắng nghe phát biểu ý kiến. Cho đến trí thức người Việt ở nước ngoài, trung ương Đảng cộng sản họp bàn về giáo dục, cũng được trân trọng mời lên sứ quán trình bày quan điểm của mình...

Không mù quáng vì định kiến thì phải ghi nhận là trong nhiều quan hệ chính quyền ngày nay có khác với khi xưa, sự kiểm soát khắt khe trong nhiều lĩnh vực đã được nới lỏng.

Đôi khi cho cảm tưởng là thả lỏng. Đến lũng nhùng.

Thay vì là một khối chính quyền cứng rắn, cặp mắt cú vọ kiểm soát mọi mặt đời sống, ta thấy lũng nhùng những khoảng không gian, những túi, trong đó có những người tha hồ mà vung tay vô tội vạ.

Ta thấy nhiều nhà tư bản phát lên như diều. Nhưng trong đầu không khỏi nhập nhằng câu hỏi : thực tài doanh thương hay nhờ là “ thái tử ” con cháu một vị lãnh đạo cao cấp ? Hay vì có “ quan hệ ” – nếu nói theo từ thông dụng ở Trung Quốc – họ hàng, làng mạc, thời xưa đã cùng một đơn vị quân đội với vị có chức có quyền nào đó, dựa vào thế lực ấy mà làm ăn, mọi người hưởng lợi ?

Cũng thấy có luật pháp đường hoàng. Nhưng thực tế phân xử thì hầu như chỉ thấy những ngoại lệ. Không riêng gì việc cấp uỷ đảng viên có hành vi trái luật pháp, trước khi đem ra pháp đình công tố phải xin trước ý kiến của cấp đảng tương đương. Mà ngay đến các cuộc đình công chẳng hạn. Làm đúng theo luật lao động hiện hành thì biết là bao bước thủ tục trước khi được phép chính thức bãi công. Nhưng mấy năm nay năm nào cũng nổ ra nhiều cuộc đình công bột phát, trong xí nghiệp liên doanh với tư bản nước ngoài cũng như trong xí nghiệp quốc doanh. Sai nguyên tắc, trái luật ? Không nghe chính thức bắt bẻ. Mà chỉ thường thấy một số yêu cầu của các cuộc đình công ngoài luật lệ được thoả mãn.

Vậy thì chính quyền rệu rã ? Hay chỉ là chiến lược trong chuyển biến buổi giao thời. Cứng thì nhả, mềm thì xiết, miễn sao giữ lấy được những cái cốt yếu ?

Khuôn khổ hạn hẹp của bài báo không cho phép đi sâu vào phân tích vấn đề này.

Chỉ xin được nói riêng về hiện tượng “ ngoại lệ ”, xử với người này thì thế này, với người kia lại khác. Cùng là bị buộc tội chống chính quyền, người lãnh án nặng, kẻ lại nhẹ hơn.

Bề mặt thấy có gì lũng nhùng lảng nhằng khó hiểu. Nhưng trong căn bản, sự kiện là một khẳng định quyền lực tối cao và bất biến của nhà cầm quyền. Mọi việc đều tùy lượng bề trên. Bên trên muốn cho nhẹ thì được nhẹ muốn bắt nặng thì phải chịu nặng.

Chẳng có gì là bình đẳng. Mà đã phủ nhận bình đẳng là phủ nhận tự do. Ta chẳng lấy làm lạ thấy không gian công

cộng không mấy khác thời vua quan ngày xưa, truyện tiếu lâm, về vẫn cứ nở rộ như nấm gặp mưa.

Tuy nhiên, không bình đẳng tự do thì cũng không có công dân. Mà đã không có công dân thì đâu là cái xã hội công dân mà nhiều người thầm mong nó ngấm ngấm phát triển ? Nếu chẳng là những hình thái khằng khiu, giới hạn trong tham vọng, trong cách đặt vấn đề và tầm vóc tổ chức. Đứng vào thời điểm mà xã hội phải đứng trước thách thức của những chuyển biến đang toàn cầu hoá.

Làm gì cho trạng thái “ xã hội thương tật ” của ta hiện nay : bước vào hiện đại mà chưa có nhà nước hiện đại, sau bề mặt chính thức là lĩnh vực bán chính thức quyền lực trên nhà nước, có thủ tục pháp lý nhưng chẳng phải là một nhà nước pháp quyền, hệ thống chính trị tiếng là một khối nhưng chỉ một khối trong độc quyền chính trị, đời sống xã hội thiếu thể chế nhưng lại đầy năng động trong các mạng lưới họ hàng, làng mạc, cúng đình lễ chùa, buôn bán phe phái ?

Đi tìm nét cộng hoà cho không gian công cộng

Khi mà chẳng thấy nhà nước hiện đại hoá xã hội được là bao mà dường như xã hội đang tìm cách tự hiện đại hoá lấy mình ngoài vòng tác động của nhà nước, một cách đáp ứng nhu cầu ấy phải chẳng là mở ra một không gian công cộng để mọi người tìm hiểu tình hình, trao đổi thẳng thắn và bình đẳng với nhau. Như những công dân, công dân thường và công dân có trách nhiệm lãnh đạo chính trị.

Chính vì vậy mà tôi tán thành lập trường của Diễn Đàn :

Xin nhường chức năng cướp, giữ chính quyền cho các chính đảng, cùng các báo chí công cụ của đảng phái phe nhóm chính trị lăm le tranh, giữ chính quyền.

Hoạt động ấy trong bản thân nó là chính đáng, một chính đảng là gì nếu chẳng là một bộ máy giành, giữ chính quyền. Tuy nhiên, thông tin trong hướng đó đã quá nhiều, nó chiếm lĩnh toàn thể mặt báo chí tiếng Việt trong và ngoài nước.

Riêng Diễn Đàn dành mặt báo cho công dân. Không ủng hộ một cá nhân hay một nhóm nào trong công cuộc tranh hay giữ chính quyền của họ. Mà làm nhiệm vụ một tờ báo : thông tin trung thực, chính xác, đầy đủ, có kiểm chứng, trong khả năng của ban biên tập ; tìm hiểu, nêu câu hỏi về các vấn đề đang đặt ra cho đất nước, cho loài người ; tuy không quá đi sâu vào kỹ thuật như cung cách chuyên gia, nhưng chẳng vì vậy mà hy sinh tính chất nghiêm túc.

Và nhất là không chấp nhận trên mặt tờ báo này những im lặng, ém tin, tránh né, huý kỵ mà một tờ báo có khi phải cáng đáng vì lẽ dẫn thân theo một đảng phái, phe nhóm chính trị.

Mục tiêu Diễn Đàn thật khiêm tốn. Tham vọng là cầm đất cho một không gian công cộng có nét mặt cộng hoà.

Không gian này mà cứ như hiện nay thì chẳng cứ gì đảng đang cầm quyền mà bất cứ một chính đảng nào khác lên chấp chính cũng ở vào tình thế một chính quyền độc đoán.

Việc làm khiêm tốn. Nhưng nó góp phần xây dựng cơ sở cho một Việt Nam dân chủ và hiện đại.

bùi mộng hùng (12.1996)

Hội nghị Singapore của
Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO)

Mậu dịch tự do và quyền lao động

Nguyễn Quang

Lần đầu tiên từ ngày được thành lập (năm 1994), Tổ chức Thương mại Thế giới (dưới đây sẽ gọi là WTO, tên viết tắt bằng tiếng Anh — tiếng Pháp ghi là OMC) đã họp hội nghị cấp bộ trưởng tại Singapore từ ngày 9 đến ngày 13 tháng 12-1996. Mặc dầu các quyết nghị cuối cùng được thông qua có phần hạn chế và cũng khá kỹ thuật, đây cũng là một trải nghiệm đối với WTO :

- một mặt, nó chứng tỏ WTO có khả năng thúc đẩy sự tự do hoá mậu dịch quốc tế trong một khuôn khổ đa phương và định chế hoá,
- mặt khác, nó nâng cao cuộc tranh luận về thương mại lên khỏi tầm mức những cuộc thương lượng đơn thuần về quan thuế.

WTO kế tục GATT

Mọi người đều biết, kể từ ngày 1.1.1995, tổ chức WTO đã chính thức thay thế GATT (tên viết tắt bằng tiếng Anh của *Hiệp ước chung về thuế quan và thương mại*), một cơ cấu đã được thành lập từ năm 1947 với mục đích từng bước xoá bỏ những hàng rào quan thuế giữa các quốc gia. Song GATT không có nền tảng thể chế hoàn chỉnh, còn WTO là một tổ chức đa phương, có quy chế ngang hàng với Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) hay Ngân hàng Thế giới (WB), nó có thể hoà giải những quan điểm trái nghịch, giải quyết các mối bất đồng giữa những nước thành viên và đưa ra những quyết định có hiệu lực pháp lý. Hiện nay WTO đã quy tụ 125 nước thành viên, bao gồm tất cả các cường quốc công nghiệp và đại bộ phận các nước đang phát triển (ngoại trừ một số nước trong đó phải kể Trung Quốc). Với tư cách thành viên, các nước này cam kết tôn trọng những nguyên tắc đa phương về thương mại và những quyết định của WTO. Căn cứ vào sự vận hành các cơ chế giám sát và trọng tài sau hai năm “ thử máy ”, phải nói rằng tổ chức này đã mang lại những thành quả tích cực : nó đã xử lý được khoảng 60 hồ sơ ít nhiều phức tạp, chủ yếu do sự tranh chấp giữa Hoa Kỳ (cho tới nay có xu hướng lấn lướt thiên hạ) với Liên hiệp Âu châu và Nhật Bản. Có thể đơn cử hai ví dụ : vụ Mỹ khiếu nại chính sách bảo hộ của Nhật Bản về phim ảnh (nôm na là cuộc kinh chống giữa Kodak và Fuji) và vụ Âu Châu khiếu nại đạo luật Helms-Burton (đạo luật của Mỹ hăm dọa trừng trị các xí nghiệp làm ăn buôn bán với Cuba). Song chủ yếu đó là những cuộc tranh chấp giữa các nước đã phát triển, còn ở hội trường Singapore, mọi việc gay go hơn nhiều : làm sao hoà giải được quyền lợi phân tán giữa các nước đã phát triển và các nước đang phát triển, tập trung ở ba cực, hay ba chân kiềng, là châu Mỹ, châu Âu và châu Á.

Châu Á trỗi dậy

Không phải ngẫu nhiên mà WTO chọn địa điểm khai hội là Singapore, thủ phủ tài chính và thương mại của châu Á. Điều này mặc nhiên thừa nhận sự trỗi dậy của Đông Á như một trong những cực của sản xuất và mậu dịch : năm 1995, khối AFTA của Đông Nam Á (không kể Trung Quốc) bao gồm dân số 330 triệu và tổng sản lượng 400 tỉ USD, với tỉ số tăng trưởng bình quân 7 % mỗi năm dự đoán cho giai đoạn 1995-2000 (so với Liên hiệp Âu Châu : 370 triệu dân, 7500 tỉ USD, tỉ lệ tăng trưởng 2,5 %). Châu Á rõ ràng đã nổi lên như một tiêu điểm của tốc độ tăng trưởng, song nó không phải là một thực thể thuần nhất (chênh lệch về trình độ phát triển đã đành, mà còn khác biệt nhau về văn hoá), cũng chẳng phải là một đối thủ cạnh tranh vô địch (khả năng sản xuất quá nhiều trong một số khu vực như xe hơi, hoá chất, điện tử, song còn nhiều khiếm khuyết trong cơ sở hạ tầng, và giá thành có chiều hướng ngày càng tăng). Và quan trọng hơn cả, các con rồng và cọp châu Á này không phải là những nước chủ trương tự do kinh doanh thả dãn như các nhà lý luận của trường phái *tư duy độc nhất* vẫn muốn làm cho người ta lầm tưởng : các nước châu Á vẫn chủ trương bảo vệ và tài trợ nhiều khu vực kinh tế như nông nghiệp (ở Nhật, Indonesia, Hàn Quốc), dịch vụ (Nhật), công nghiệp xe hơi (Indonesia). Đó là không nói tới hàng loạt những hàng rào ngăn cản sự giao lưu tự do của hàng hoá và tư bản như : chế độ độc quyền kinh tế, sự đấu thầu các công trình công cộng còn tiến hành trong vòng bí mật, việc hướng dẫn đầu tư, các phương cách phi cạnh tranh, nạn tham nhũng... Thế mà, nếu không kể những cuộc mặc cả cò kè trong từng lãnh vực cụ thể, thì một trong những nội dung chủ yếu của hội nghị Singapore chính là ở điểm này : “ tự do hoá ” các thị trường châu Á, dưới áp lực của các đối tác Tây phương (Hoa Kỳ và Liên hiệp Âu châu). Điều này, tổng giám đốc WTO, ông Renato Ruggiero (người Ý), đã nói tóm gọn một cách ngoại giao song rất rõ ràng như sau : « *Hệ thống thương mại đa phương đã là một trong những công cụ hiệu lực nhất cho phát triển của châu Á. Ngày nay, người ta chờ đợi rằng các nước châu Á phải tỏ rõ tinh thần trách nhiệm của mình bằng cách tạo điều kiện thuận lợi hơn nữa cho sự phát triển của nền thương mại toàn cầu* ».

High Tech và các quyền lợi xã hội

Nhìn từ góc độ ấy, thì các nghị quyết của Hội nghị Singapore, tuy còn có tính chất kỹ thuật, đã tỏ ra có sự nhất quán khá rõ ràng, nhất là ở trong hai điều quy định chủ yếu về sự tự do hoá thị trường toàn cầu của các công nghệ thông tin, và về việc cải thiện quyền lợi của người lao động :

1) Về các công nghệ thông tin, các nước thành viên của WTO “ *hoan nghênh sáng kiến của những nước thành viên đã đi tới thoả thuận về việc bãi bỏ quan thuế* ” trên các sản phẩm thuộc lãnh vực này. Cụ thể, đó là hiệp ước đạt được sau nhiều ngày thương lượng gay go giữa Liên hiệp Âu châu và Hoa Kỳ, hiện đã mang chữ ký của khoảng 30 nước, chiếm 80 % thị trường thế giới về công nghệ thông tin (máy tính điện tử, phần mềm, CD-Rom, bán dẫn, và cả điện thoại, máy sao ảnh, tụ điện, sợi quang...), hiện nay trị giá ước tính là 600 tỉ USD, đến năm 2000 sẽ tăng gấp đôi.

Trong cuộc giằng co này, Hoa Kỳ đã cật lực tấn công (trước mắt, châu Âu phải chịu phần thiệt vì hiện nay giá biểu quan thuế châu Âu là cao nhất trong lãnh vực này), vì đây là một khu vực sống còn đối với Mỹ : trị giá sản phẩm xuất khẩu trong công nghệ thông tin của Mỹ hiện nay gấp đôi khu vực xe hơi, gấp bốn khu vực máy bay ; và chỉ tính riêng trong vùng APEC (Châu Á và Thái Bình Dương), nó đã tăng 141 % trong 6 năm... Hiệp ước Singapore trên thực tế đã mở đường cho Hoa Kỳ thâm nhập các thị trường châu Á về công nghệ thông tin, là lĩnh vực mà các nước rồng và hổ còn thua kém.

2) Một lãnh vực khác mà Hoa Kỳ cũng đã chèn ép ngay từ trong cuộc họp trụ bị của APEC ở Manila : đó là những “ điều khoản xã hội ”. Tất nhiên có người sẽ ngạc nhiên, không hiểu tại sao High Tech thông tin lại đi kèm kèm những quyền lợi lao động, nhất là trong lãnh vực này, Hoa Kỳ chưa bao giờ là một tấm gương sáng. Như vậy là quên rằng xã hội Mỹ, do truyền thống Thanh giáo, vẫn có một kích thước đạo đức nào đó — điều này giải thích tại sao trước đây có vụ Watergate đã buộc Nixon thoái vị, và mới đây là phong trào tẩy chay công ti Nike đã dùng trẻ em trong các xưởng đóng giày ở Pakistan. Đó là không kể một nhân tố tâm lý chính trị quan trọng khác : trong dư luận Tây phương, việc di chuyển địa điểm sản xuất (*délocalisation*) sang các nước nhân công rẻ được coi là một nguyên nhân gây ra thất nghiệp ở các nước đã phát triển, do đó đòi đưa ra những “ điều khoản xã hội tối thiểu ” là một cách lập lại quân bình cho các nước này trong sự cạnh tranh... với các nước đang phát triển. Chỉ biết tại Singapore, Hoa Kỳ đã chủ động (và Pháp ủng hộ) đòi ghi vào thông cáo kết thúc một văn bản, dù là chung chung, nêu lên sự liên quan giữa tự do hoá thương mại và việc các nước thành viên WTO phải tôn trọng những quyền cơ bản về lao động (cấm lao động cưỡng bức, cấm sử dụng lao động trẻ em, thừa nhận các quyền công đoàn), và sáng kiến của Mỹ đã gặp sự chống trả mãnh liệt của các nước châu Á, đi đầu là Indonesia, Malaysia và Pakistan. Cuối cùng, để “ tránh những cuộc tranh luận vô bổ ” (câu chữ của tổng thống Indonesia), bản tuyên bố cuối cùng của hội nghị “ *khẳng định lại sự cam kết* (của các nước thành viên WTO) *tôn trọng những tiêu chuẩn xã hội cơ bản đã được quốc tế thừa nhận* ” (về này là một sự nhân nhượng những nước Tây phương), song việc xử lý các vấn đề đó lại thấy sang Tổ chức Quốc tế Lao động (IBL), và lại đeo thêm một câu (nhân nhượng các nước châu Á) rằng các nước thành viên WTO “ *bác bỏ việc sử dụng các chuẩn mực xã hội vào mục đích bảo hộ* (thị trường nội địa), *và đồng ý cho rằng không thể mang ra bàn lại vấn đề lợi thế tương đối của một số nước, đặc biệt của những nước đang phát triển có giá nhân công tương đối thấp* ”. Nói nôm na : một bên có công nghệ đắt giá thì bên kia cũng phải bù trừ bằng mồ hôi.

Đó là một trong những khó khăn gặp phải khi một diễn đàn quốc tế muốn nâng cao cuộc thảo luận lên khỏi cấp độ của những sự cò kè mà cả về giá biểu quan thuế. Nhưng đã nói đến *nghe buồn* mà lại đặt vấn đề cấp độ thì có phần trái khoáy chăng ?

NGUYỄN QUANG

Jacques DECORNOY (1937-1996)

Nhà báo Jacques Decornoy đã từ trần trước tuổi 60, sau nửa năm kháng cự căn bệnh hiểm nghèo. Ông để lại cho đồng nghiệp và độc giả hình ảnh một nhà báo *trọng nghĩa khinh tài*, sắc sảo và trung thực trong việc kiểm tìm sự thật về các biến cố thời đại, xa lánh mọi quyền uy và phù phiếm. Độc giả và bạn bè Việt Nam sẽ nhớ mãi những bài báo của Decornoy từ những năm 60, và, cách đây một năm, những dòng cuối của ông về vụ xử án Hoàng Minh Chính và Đỗ Trung Hiếu.

Diễn Đàn xin thành thực chia buồn với bà Denise Decornoy và các con.

điểm sách Để vẫy chào một năm khá tẻ nhạt (về mặt trí tuệ), độc giả sử dụng tiếng Pháp có thể tìm đọc cuốn sách mới của Jean-Marc LEVY-LEBLOND : *Aux contraires / L'exercice de la pensée et la pratique de la science* (Nhà xuất bản Gallimard, NRF, Essai).

Tác giả là giáo sư vật lý lý thuyết và khoa học luận (*épistémologie*). Nội dung cuốn sách là những bài giảng của ông tại Collège de France năm 1987. Đây không phải là một cuốn sách phổ thông khoa học. Cao vọng của nó là mang lại một *chiều kích văn hoá* cho khoa học, và làm giàu cho văn hoá bằng những phát kiến của khoa học vật lý đương đại. Để đạt mục tiêu đó, Levy-Leblond đã làm một việc đích đáng : một mặt, ông nêu rõ những thành kiến ẩn nấp đằng sau những khái niệm khoa học (hay/và những cách diễn dịch đại chúng của các khái niệm này), mặt khác, ông vạch ra những giới hạn của ngôn ngữ *đời thường* trong việc biểu hiện những khía cạnh *mới một cách cơ bản* của vật lý học hiện đại, chính những giới hạn này dẫn tới việc sử dụng những hình ảnh *mờ ảo nghệ thuật*, thậm chí những công thức lang băm để diễn giải các vấn đề khoa học hiện đại.

Theo tôi nghĩ, tác giả đã thành công trong việc phác thảo một *tiếp cận biện chứng* đối với khoa học vật lý, như là hình thái các quan hệ của con người với tri thức về vật chất.

Từ *biện chứng*, tác giả dùng rất dè sẻn (tổng cộng không quá ba, bốn lần thì phải) và cũng không nói rõ ông dùng nó theo nghĩa nào. Và chỉ trong lúc ông tìm cách thể hiện mối quan hệ giữa khoa học và văn hoá (hay triết học).

Cuối sách, có một hai trang phê phán những cuộc tìm kiếm biện chứng “ *trong* ” tự nhiên (chắc ông muốn ám chỉ cuốn *Biện chứng của tự nhiên* của F. Engels và một số tác phẩm mácxít khác). Một lời phản bác rất thú vị : chỉ khác về mặt hình thức, chú về nội dung, nó y hệt những lời phê phán “ *tư duy siêu hình* ” của... Engels, Lenin và Trần Đức Thảo ! Thế mới biết người ta có thể phản bác “ *biện chứng pháp* ” như một nhà biện chứng sành sỏi trong lãnh vực của mình !

Nói vậy, chớ Levy-Leblond có lý. Theo một nghĩa nào đó. “ *Trong* ” cõi tự nhiên, không có biện chứng. Điều ấy không ngăn cấm các *quan hệ vật chất* phát triển *một cách biện chứng*, ngược lại (chính tác giả cũng đã nhắc lại rằng vật lý học hiện đại không còn mô tả những đối tượng nghiên cứu của nó như là những *thực hữu* (êtres) mà như là những *toán tử* (opérateurs)). Và càng không loại trừ tính *biện chứng* trong quan hệ giữa con người và tri thức của nó về tự nhiên.

PHAN HUY ĐƯỜNG

Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thế giới thế kỷ 21

Vũ Quang Việt

Chúng ta sắp bước vào thế kỷ 21. Tổng thống Mỹ Clinton trong lúc tranh cử đã tuyên bố nhiệm kỳ tới của ông là bắc cầu vào thế kỷ này. Tuy vậy hầu hết mọi người chỉ thấy lo âu về một tương lai không rõ nét, nhiều bất bênh hơn là hồ hởi. Thế giới sau sự sụp đổ của các nước xã hội chủ nghĩa trở nên hỗn loạn hơn, không còn nước nào đóng nổi vai trò lãnh đạo. Con người dường như quay về lo âu cho chính bản thân họ, mọi người dường như trở nên ích kỷ hơn. Có nhiều lý do, nhưng có lẽ lý do chính bắt nguồn từ yếu tố kinh tế.

Nền kinh tế thế giới phát triển chậm lại hẳn so với trước đây, đặc biệt là các nước phát triển phương tây, ngoại trừ một số nước ở Á châu. Những năm 80 kinh tế thế giới tăng bình quân năm là 2,9 %, những năm 90 tốc độ tăng chỉ còn 1,8 %⁽¹⁾. Quan trọng hơn chỉ số tăng trưởng kinh tế là chỉ số tăng thu nhập đầu người, chỉ số này những năm 90, giảm bình quân năm là -1 % vì dân số còn tăng nhanh. Chỉ có hai vùng tăng tương đối đáng kể là khối các nước phát triển cao, trung bình tăng 2,1 %, và các nước Đông Nam Á, trung bình tăng 3,8 %. Nhưng quan trọng hơn cả là việc làm, vì đó không những là nguồn sống mà còn là lẽ sống của con người. Tình trạng việc làm không còn chỉ là vấn đề của các nước đang phát triển mà ngày càng trở nên một vấn nạn lớn ở các nước phát triển cao. Vào những năm 60, thất nghiệp trung

(1) Ở Mỹ hiện nay, trong giới chính trị và cả khoa học, tốc độ phát triển kinh tế (chỉ số số lượng) bị đặt thành vấn đề. Họ cho rằng tốc độ phát triển thấp vì tốc độ lạm phát tính cao do phương pháp tính tốc độ lạm phát hiện nay dựa vào thúng hàng hoá dịch vụ chuẩn của một năm cố định, thường chỉ thay đổi 5 hoặc 10 năm một lần, do đó không nắm bắt được thay đổi của người tiêu dùng (khi giá cao họ mua hàng khác cùng loại thay thế nhưng rẻ hơn), hoặc thay đổi chất lượng hàng hoá. Thật ra đây chỉ là một vấn đề trong phương pháp đo chỉ số giá. Vấn đề lớn nhất là đo được chỉ số giá của dịch vụ, đóng góp từ 60-70 % GDP ở các nước phát triển, thường được làm ngược lại với hàng hoá là đo phát triển số lượng trước. Cho đến nay vẫn không có phương pháp tin cậy để đo chỉ số số lượng của nhiều dịch vụ. Thí dụ làm sao đo " số lượng " hay năng suất của thầy giáo, bác sĩ. Đo thì giờ dạy học, số học sinh học, số bệnh nhân khám, v.v... ? Làm sao vừa đo số lượng và chất lượng ? Tóm lại dù cho rằng tốc độ phát triển kinh tế có cao hơn trước đi nữa thì có ý nghĩa gì khi lao động có việc làm ngày càng giảm. GDP chỉ là một thước đo chứ không phải là tất cả để đánh giá một nền kinh tế.

bình ở 7 nước phát triển nhất là 3,1 %, những năm 80 tăng lên 5,9 % và những năm 90 là 6,7 %, riêng các nước Tây Âu trong 3 năm nay hơn 10 %. Tình trạng thất nghiệp không còn là ngắn hạn do ảnh hưởng lên xuống của chu kỳ kinh tế mà là dài hạn, ngày càng tăng có tính chất cơ cấu.

Khi chiếc bánh không tăng, hoặc không tăng nhanh, dĩ nhiên con người sẽ giành giật nhau để phần mình không bị giảm. Chính trị sẽ càng ngày càng hành động trên cơ sở quyền lợi địa phương, lợi ích phe nhóm, một hiện tượng chung khi chiếc bánh ngày càng không phồng nhanh ra nổi. Chính trong cái thế giới hỗn loạn ngày nay, người ta thấy, vừa hấp dẫn vừa lo âu, ảnh hưởng của công nghệ : công nghệ thông tin và công nghệ sinh học. Mặc dù xuất hiện từ lâu, đây vẫn còn là những vấn đề mới. Ảnh hưởng của nó có thể không phải là giải pháp cho những vấn đề xã hội hiện nay mà có thể còn làm tăng thêm mức độ phức tạp.

Phát triển của sinh học đã đánh đổ các học thuyết kiểu Malthus về một thế giới không đủ lương thực. So với những năm 1950 thì sản lượng nông sản bình quân đầu người trên thế giới đã tăng 40 %. Số lao động trong nông nghiệp giảm nhanh chóng. Ở các nước phát triển cao, lao động trong nông nghiệp chỉ chiếm từ 1 - 5 % lực lượng lao động. Việc chấp nhận kinh tế thị trường ở nhiều nước đang phát triển càng làm cho sản xuất nông nghiệp vũng vằng. Năng suất nông nghiệp tăng đẩy mạnh lao động nông nghiệp sang các khu vực khác, đòi hỏi sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ để thu hút lao động dư thừa. Ở các nước phát triển, năng suất lao động trong công nghiệp tăng đã đẩy lao động từ công nghiệp sang dịch vụ. Cuộc cách mạng công nghệ thông tin càng làm cho nhu cầu lao động trong sản xuất giảm nhanh, tạo thêm lợi thế của một số nhỏ lao động dịch vụ có chuyên môn cao. Cũng chính vì vậy mà các nước công nghiệp phát triển cao có vấn đề. Lao động dịch vụ chỉ tạo thu nhập cao cho tầng lớp lao động có chuyên môn cao, còn tuyệt đại đa số là lao động không chuyên, lương rẻ mạt. Và vì sự cạnh tranh của lao động rẻ mạt này mà lương lao động trong công nghiệp không thể tăng theo mức tăng năng suất, nếu không nói là có thể giảm. Xã hội bị phân hoá thành hai tầng lớp người : thiếu số người có thu nhập cao và đại đa số thu nhập thấp. Tầng lớp trung lưu từ từ nhỏ lại. Sự phân hoá này không phải do bóc lột giai cấp mà là kết quả của phát triển công nghệ và cạnh tranh trên thị trường. Thêm vào đó là do sinh học phát triển, con người có tuổi thọ cao hơn, và vì vậy mà nhu cầu xã hội đối với người cao tuổi lại tăng thêm. Một yếu tố quan trọng khác nữa là do giáo dục phát triển, quyền con người phát triển, phụ nữ ngày càng tham gia rộng rãi hơn vào lực lượng lao động, càng làm cho việc tạo đủ việc làm khó khăn thêm. Ở Mỹ chẳng hạn năm 1973 chỉ có 49,7 % phụ nữ nằm trong lực lượng lao động, số còn lại là lo việc nội trợ, năm 1992 tỷ lệ này là 70,2 %. Các nước phát triển khác đều có hiện tượng tương tự như vậy. Có việc làm là vấn đề nan giải cho các nước phát triển cao trong thế kỷ tới. Giải pháp chắc sẽ không phải chỉ dựa trên phát triển kinh tế mà đòi hỏi một công ước xã hội và chính trị mới giữa các công dân.

Cuộc cách mạng công nghệ thông tin cũng đưa đến đổi

mới công nghệ sản xuất. Sản xuất sẽ không còn dựa vào sản xuất hàng loạt nhằm tận dụng lợi thế của sản xuất lớn như ngày trước. Nó đòi hỏi tinh, chuyên, linh hoạt, dễ thay đổi để bắt kịp đà phát triển mới trong công nghệ. Máy móc thiết bị có đời sống hữu dụng ngắn đi. Ở Mỹ, đầu tư vào thiết bị chỉ nhằm đổi mới thiết bị đã tăng vọt, tỷ lệ này so với tổng đầu tư vào thiết bị tăng từ 60 % năm 1970 lên 75 % năm 1990. Các nước phát triển khác cũng gần như thế. Thiết bị cần linh hoạt, được điều khiển bởi phần mềm của máy tính, để có thể dễ dàng chuyển đổi sản xuất.

Trong bối cảnh đó, các nước phát triển cao cố gắng đẩy mạnh quá trình quốc tế hoá thị trường kinh tế thế giới, để mở rộng thêm thị trường tiêu thụ, qua đó mở rộng sản xuất, tạo thêm việc làm. Họ cũng biết rằng muốn mở rộng thị trường thì sức mua của các nước đang phát triển cũng phải tăng lên, do đó nền kinh tế các nước đang phát triển phải tiến nhanh hơn và thị trường của họ cũng phải mở rộng hơn. Việc mở rộng này cũng không dễ dàng vì gặp phải chống đối của dân chúng, muốn bảo vệ công ăn việc làm, chống lại sự cạnh tranh của sản xuất dựa vào lao động rẻ ở các nước đang phát triển.

Tình hình đó mở ra cửa ngõ cho các nước đang phát triển công nghiệp hoá dựa vào đẩy mạnh xuất khẩu. Quá trình này có lẽ không dài lâu, vì với công nghệ mới, năng suất ngày càng cao thêm, lao động thiếu chuyên môn dù có rẻ cũng khó cạnh tranh lại. Thời gian chắc chắn không chờ đợi các nước chạy chậm. Về dài lâu, nếu phát triển không giải quyết được việc làm, không đi đến được một công ước xã hội mới, khuynh hướng đẩy mạnh tự do hoá thương mại quốc tế ở các nước phát triển có thể phá sản. Tuy vậy, trong khoảng 10 - 20 năm tới, tự do thương mại có thể vẫn là chủ đạo.

Trước mắt, ta không có mối lo của các nước phát triển nhưng trước tình hình có thể xảy ra trong thế kỷ tới ở các nước đó, cuộc chạy đua giữa các nước đang phát triển với nhau trong những năm trước mắt để tận dụng lợi thế lao động rẻ hiện nay và thu hút tư bản nước ngoài sẽ quyết liệt hơn trước. Nó đòi hỏi ta đẩy mạnh xuất khẩu để có vốn công nghiệp hoá, phải mở rộng thị trường, đẩy mạnh cạnh tranh ở trong nước cũng như với nước ngoài để có thể tiếp thu nhanh công nghệ mới nhằm tăng năng suất lao động. Những điều này có lẽ không cần bàn cãi thêm. Điều cần bàn cãi thêm là về những chính sách phù hợp nhằm đạt được những điều trên và để đa số trong xã hội được thụ hưởng kết quả của phát triển. Nổi lên hiện nay là hai ưu điểm sau mà ta cần thảo luận rộng rãi thêm.

Vấn đề đầu tiên là liệu việc tập hợp hàng loạt các công ty nhỏ vào các tổng công ty lớn độc chiếm sản xuất trong từng loạt sản phẩm có tạo dễ dàng cho việc tiếp thu công nghệ mới, giảm giá thành để nâng sức cạnh tranh hay không ? hay là có ảnh hưởng ngược lại vì độc quyền kiểm soát sản xuất ? Nếu hiểu tổng công ty theo nghĩa đại diện sở hữu nhà nước, hoạt động có tính kiểm soát thì không phải là vấn đề, nhưng nếu hiểu là những đơn vị kinh doanh thực sự thì rõ ràng tổng công ty khác hẳn kiểu tập đoàn sản xuất mà ta thường thấy hiện nay trên thế giới, có tính trải rộng sản xuất vào những hoạt động

khác nhau nhưng hỗ trợ nhau để giảm rủi ro đồng thời có cơ hội nắm bắt kỹ thuật mới và có sức mạnh tiếp thị. Vấn đề thành lập các công ty lớn, vừa hay nhỏ phải tùy thuộc vào sản phẩm và công nghệ sử dụng để xem giá thành có tùy thuộc vào lợi thế sản xuất lớn không. Đường dây tải điện, điện thoại có lợi thế sản xuất lớn và sẽ gây phí phạm nếu như có hai, ba hệ thống đường dây song song vì vậy cần độc quyền, nhưng sản xuất, phân phối điện và thông tin không có lợi thế sản xuất lớn vì vậy cần có cạnh tranh để tăng năng suất và hạ giá⁽²⁾. Nếu có độc quyền thì nhà nước có nhiệm vụ kiểm soát giá. Nếu nước ta tiếp tục độc quyền điện thoại như hiện nay, giá cước quá cao thì các hoạt động liên hệ đến công nghệ thông tin khó lòng phát triển.

Các sản xuất sử dụng công nghệ mới và dịch vụ không cần quy mô lớn và cần cạnh tranh để đẩy nhanh tiếp thu công nghệ mới. Ngay cả trong những sản xuất hàng hoá có tính truyền thống nhằm xuất khẩu, như may mặc cũng không có lợi thế sản xuất lớn để phải dồn các công ty vào một tổng công ty. Kinh nghiệm của Bangladesh trong ngành may mặc dựa vào chính sách có quota xuất khẩu của các nước phát triển cho thấy, lúc đầu vì thiếu vốn, thiếu thị trường, họ dựa chủ yếu vào gia công cho một số công ty nước ngoài, đặc biệt là Hàn Quốc (bị hạn chế xuất khẩu vì chính sách quota). Nhưng sau đó họ phát triển các công ty của họ. Năm 1983, Bangladesh có 21 công ty may mặc, năm 1995 tăng nhanh lên 134 công ty. Và hiện nay còn nhiều nữa. Mở và đóng cửa công ty là hiện tượng thường xuyên, vì vốn mở công ty nhỏ chỉ chừng 175 ngàn USD. Những công ty nhỏ cho phép nhanh chóng chen vào kẻ hở và tạo việc làm. Năm 1983, họ xuất khẩu 11 triệu USD, năm 1995, họ xuất khẩu 2 tỷ USD. Kinh nghiệm này cho thấy cần phân biệt chính sách sản xuất và chính sách tiếp thị. Ấn Độ đóng cửa cạnh tranh trong rất nhiều hoạt động kinh tế, nhưng đã mở cửa cho công nghệ làm phần mềm máy tính. Chính vì vậy năm 1995, Ấn Độ đã thành nước đứng đầu trong các nước đang phát triển về xuất khẩu phần mềm. Xuất khẩu, dù chủ yếu vẫn chỉ là gia công làm phần mềm, đã thu được 1 tỷ USD, hàng năm tăng chừng 40 %. Hầu hết các công ty này đều nhỏ, ở rải rác nhiều trung tâm ở Ấn. Ở Trung Quốc, các công ty nhỏ và vừa ngoài quốc doanh có tốc độ tăng năng suất lao động cao hơn quốc doanh 50 %, năm 1992 khu vực này chiếm 23 % giá trị xuất khẩu và nếu kể cả công ty do nước ngoài đầu tư thì chiếm 43 %. Những kinh nghiệm trên cho thấy trong thế giới hiện nay, sản xuất cần ở cỡ nhỏ hoặc vừa để dễ linh hoạt. Nói như vậy không có nghĩa là cần chống công ty lớn. Vấn đề là cần tạo cạnh tranh, chống độc quyền thương mại và cần kết hợp nhiều hình thức tổ chức sản xuất, không nên "bỏ hết trứng vào một rọ".

(xem tiếp trang 20)

(2) Ở Mỹ cải cách mới sau khi phá bỏ độc quyền của công ty ATT thì các đường điện thoại của 7 công ty địa phương vẫn giữ độc quyền đường dây tuy nhiên giá phải qua hội đồng chuyên gia do nhà nước địa phương chỉ định thông qua. Giá cũng không được phân biệt đối xử đối với người sử dụng và các công ty viễn liên.

Đại hội Điện ảnh 3 Lục địa 1996

Lá thư Nantes

Kiến Văn

Điện ảnh Mỹ tiếp tục xâm chiếm màn ảnh (lớn và nhỏ) toàn thế giới, thì những người quan tâm tới nghệ thuật thứ 7 càng quý trọng vai trò của Festival điện ảnh 3 Lục địa hàng năm được tổ chức tại Nantes (Pháp), con chim đầu đàn của những liên hoan phim tương tự được tổ chức tại Rotterdam (Hà Lan), Fribourg (Thụy Sĩ), Göteborg (Thụy Điển), San Francisco (Hoa Kỳ)... Tại những nơi này, điện ảnh của các nước thế giới thứ ba có thể đi tới được giới phê bình, tới công chúng sành nghệ thuật. Đó cũng là nơi giao lưu của giới điện ảnh quốc tế. Và còn là chỗ để những người thiết tha với vận mệnh điện ảnh của các nước đang phát triển có thể vận động sự tài trợ của những nước như Pháp, Hà Lan, Thụy Sĩ...

Ra đời năm 1979 và tồn tại suốt 17 năm nhờ công lao — phải nói là sự đam mê — của hai anh em Philippe và Alain Jalladeau, Liên hoan Nantes đã đóng xuất sắc vai trò phát hiện, dọn đường đó. Chỉ xin đơn cử vài thí dụ : chính Nantes đã giới thiệu nhà điện ảnh Trung Quốc Trần Khải Ca (Chen Kaige) năm 1985 với cuốn phim *Hoàng thổ* (*Huang Tudi*, *Terre Jaune*), nhà điện ảnh Đài Loan Hầu Hiếu Hiền (Hou Hsiao-Hsien) năm 1982... trước khi tên tuổi của họ trở thành những ngôi sao ở Cannes, Berlin, Hollywood. Tương tự là trường hợp của Lino Brocka (đạo diễn đại tài Philippin rất tiếc đã từ trần quá sớm), Glauber Rocha (Brasil)... Nhờ Nantes, công chúng phương Tây đã khám phá được những tác phẩm giá trị của điện ảnh Hàn Quốc, Ấn Độ, Iran.

Năm nay, giải Khí cầu vàng (Montgolfière d'Or) của Nantes đã được trao cho cuốn phim *Một câu chuyện thực* (*Yek Dastan-E Vaghe'i / Une histoire vraie*) của đạo diễn Abolfazi Jalili (người Iran). Công chúng Paris tất nhiên chưa được xem phim này, nhưng hiện nay có thể đi coi tác phẩm *Det, em gái nhỏ* (*Det, la petite fille*) của cùng tác giả, đã được trình chiếu năm ngoái ở Nantes. Sinh năm 1957, Jalili vào nghề từ năm 1973 với nhóm *Điện ảnh tự do* ở Teheran. Sau những phim tài liệu và phim ngắn truyền hình, Jalili thực hiện cuốn phim truyện đầu tay *Milad* (năm 1983). Từ đó đến nay, ông làm được 7 phim truyện, thì 6 phim bị nhà cầm quyền của các giáo chủ ayatollah cấm chiếu ! Với những phương tiện eo hẹp, và trong những điều kiện tinh thần khó khăn mà ta có thể hình dung một phần nào, nhà điện ảnh Iran đã sáng tạo những tác phẩm vừa gắn liền với đời sống thực của đồng bào ông, vừa toả sáng những giá trị nhân bản phổ quát. *Det, em bé gái* là câu chuyện một thiếu niên theo đàn ông cùng làng lên tỉnh kiếm ăn. Cậu ta lo việc ăn uống cho người lớn làm thợ nề. Rồi một hôm, cha cậu lên tỉnh, mang theo cô em gái vừa bệnh nặng và phát câm. Cả cuốn phim là cuộc tìm kiếm gian nan của cậu bé để chữa bệnh cho em gái. Một bức tranh xã hội hiện thực, một bài thơ đẹp, với những hình ảnh đơn giản mà nghệ thuật... Người Việt Nam xem phim, thấy gần gũi đất nước của mình, và ước mơ được

xem những cuốn phim Việt Nam tương tự.

Đó cũng là âm hưởng vang vọng, day dứt trong lòng khi tôi được xem tại Nantes năm nay hai cuốn phim Nam Triều Tiên : *Lễ tang* (*Chukje / Festival*) của Im Kwon-Taek, *Ngày con heo té xuống giếng* (*Dajjiga Umule Pa-jinnal / Le jour où le cochon tomba dans le puits*) của Hong Sang-Soo. Những mối quan hệ gia đình, nam-nữ, tình yêu, đồng nghiệp... trong một xã hội trên đà công nghiệp hoá nhưng còn mang nặng dấu ấn của Khổng giáo, của gia đình cổ truyền... Qua những bản dịch sang Pháp văn, qua mấy chục cuốn phim được giới thiệu ở Nantes, và cách đây một năm ở Viện phim Georges-Pompidou, chúng ta có thể thấy được sự khởi sắc của văn học và điện ảnh Hàn Quốc trong hai ba thập niên vừa qua và mong rằng mối giao lưu Việt Nam và Nam Triều Tiên, sau một thập niên bị đánh dấu bằng sự đoàn Rồng Xanh và võ thuật Tae Kwon Do, nay sẽ không ngừng ở vốn đầu tư và những nhãn hiệu Daewoo, Hyundai, Samsung..., dù cho chúng được đền bù bằng một tự hào (hay tự an ủi) rằng 40 đời con cháu Lý Long Tường đã ăn nên làm ra trên xứ củ sâm.

Đối với nền điện ảnh Việt Nam, Nantes đã đóng vai trò cầu nối quan trọng. Tiếp theo *Chom và Sa* và *Chị Dậu* của hai cố đạo diễn Phạm Kỳ Nam và Phạm Văn Khoa xuất hiện lần đầu ở Nantes năm 1981 và 82, khoảng 20 phim Việt Nam đã được chiếu tại đây, với khoảng một nửa trong khuôn khổ chương trình *Nhìn lại điện ảnh Việt Nam* (tháng 11.92). Cũng từ Nantes, các cuốn phim của Đặng Nhật Minh, Việt Linh và Lưu Trọng Ninh đã lọt vào mắt xanh của ban tổ chức nhiều liên hoan điện ảnh quốc tế khác.

Năm nay, điện ảnh Việt Nam có mặt với ba cuốn phim truyện : *Thương nhớ đồng quê* của Đặng Nhật Minh (được tuyển trong 12 phim dự giải), *Bụi hồng* của Hồ Quang Minh (được tuyển chính thức, nhưng không dự thi), *Cạm bẫy tình*

LIÊN HOAN PHIM VIỆT NAM LẦN THỨ XI

Liên hoan Phim Việt Nam lần thứ XI đã được tổ chức tại Hà Nội từ ngày 27 đến 30 tháng 11-1996 với sự tham dự của 21 phim nhựa (tức là phim điện ảnh), 25 phim video (phim truyền hình), 27 phim tài liệu, 16 phim tài liệu ý liên hoan này được tổ chức 3 năm một lần : ba lần trước, được tổ chức ở Thành phố Hồ Chí Minh, Nha Trang và Hải Phòng.

Kết quả phim truyện điện ảnh : không có *Bông sen vàng*. Bông sen bạc được trao cho 4 phim : *Cây bạch đàn vô danh* (của Nguyễn Thanh Vân), *Hoa của trời* (của Đỗ Minh Tuấn), *Giải hạn* (của Vũ Xuân Hưng), *Bụi hồng* (của Hồ Quang Minh). Dư luận khá ngạc nhiên khi thấy phim *Thương nhớ đồng quê* không được giải, mặc dù đạo diễn Đặng Nhật Minh được tặng giải đạo diễn xuất sắc. Giải diễn viên nữ xuất sắc được chia xẻ giữa Chiêu Xuân (phim *Người yêu đi lấy chồng*) và Lê Vi (*Cây bạch đàn vô danh*). Giải diễn viên nam xuất sắc : Thiệu Ánh Dương (*Lưỡi dao và Bản tình ca trong đêm*).

Phim truyện truyền hình : *Giữa dòng* (Bông sen vàng), *Áo ảnh giữa đời thường* và *Nước mắt đàn bà* (Bông sen bạc).

của Phạm Lộc (trong chương trình *Cái nhìn đa nguyên*).

Cạm bẫy tình (1992) là cuốn phim đầu tay của Phạm Lộc (đạo diễn kiêm tác giả kịch bản, sinh năm 1956) với 4 diễn viên Lê Khanh, Hồng Sơn, Trần Lực và Tất Bình. Cuốn phim chọn chủ đề quan hệ con người (tình yêu, tình bạn) trong bối cảnh nhà ở chật hẹp của Hà Nội. Tác giả xé rào, ra khỏi khuôn khổ chủ nghĩa hiện thực bằng cách đưa vào phim vai *tiên chủ* hiện hồn (Tất Bình đóng). Tiếc rằng phương tiện kỹ thuật quá eo hẹp, xây dựng phim và diễn xuất (trừ Lê Khanh) nhiều vụng về. Nghe nói phim sau của Phạm Lộc (*Nhật thực ở Làng Hạ*, 1995) thành công hơn.

Bụi hồng (Gate, gate, paragate / Gone, gone, forever gone) là tác phẩm thứ ba của Hồ Quang Minh mà công chúng Nantes và Paris đã làm quen qua cuốn phim đầu tay *Con thú tật nguyên* (Karma, 1985). Kịch bản do Hồ Quang Minh viết chung với Ngụy Ngũ (cũng là tác giả kịch bản phim đầu). Phương Dung đóng vai nữ chính: một cung phi ở Huế, sau Cách mạng tháng 8 đi tu. Lê Tuấn Anh và Hoàng Phúc thủ vai hai người em trai, một đi kháng chiến rồi tập kết, một ở lại và trở thành sĩ quan quân đội Sài Gòn trước khi bị vào trại cải tạo. Ngôi chùa trở thành nơi gặp gỡ đầu tiên và cuối cùng của hai anh em sau hơn 30 năm xa cách, thù nghịch. *Bụi hồng* (Hồng trần) cũng là chuyện cuộc đời tu hành của một ni sư, qua 40 năm chìm nổi của Phật giáo Huế. Nhiều chuyện đáng bàn với tác giả, nhưng có một điều chắc chắn, ít nhất với một kẻ ngoại đạo: tác giả đã thành công trong việc tạo ra một không khí, một tiết tấu *thiền* trong suốt cuốn phim. Một chi tiết ý nghĩa nữa: phim đã được một uỷ ban quốc gia chọn để thay mặt điện ảnh Việt Nam tham dự

giải Oscar 1997 dành cho phim ngoại quốc.

Dự thi ở Nantes và cuối cùng, giành giải của Công chúng Nantes, là tác phẩm của Đặng Nhật Minh. Với *Thương nhớ đồng quê*, Đặng Nhật Minh đáp ứng sự mong chờ của nhiều người ngay từ khi được xem hai cuốn phim đầu, đầy hứa hẹn, của anh (*Thị xã trong tầm tay* và *Bao giờ cho đến tháng mười*). Năm ngoái, bạn Nhược Trần ở Amsterdam (Hà Lan) đã giới thiệu *Thương nhớ đồng quê* cho bạn đọc *Diễn Đàn* sau buổi trình chiếu đầu tiên tại châu Âu (ở Liên hoan Rotterdam). Khách giả Paris sẽ có may mắn được xem tại trụ sở UNESCO tối 17.1.97 (xem khung sinh hoạt, tr.2).

Trong khuôn khổ lá thư ngắn này, tôi chỉ xin nói 3 ý nhỏ. Một, đây là một trong mấy cuốn phim (nếu không nói: đây là cuốn phim) hay nhất của điện ảnh Việt Nam, có thể sánh vai với điện ảnh của những nước Thế giới thứ ba đã nổi lên trong ngành này. Hai là, so với các phim Việt Nam khác, nó hoàn chỉnh về nhiều mặt (kịch bản, đối thoại, diễn xuất, hình ảnh, dựng phim, chuyển đoạn) nhưng không phải về mọi mặt (tôi xin lỗi phải nói thẳng: nghe nhạc của phim, vẫn còn ngượng, dù ngồi trong phòng tối). Ba là, thành công của cuốn phim về *mặt kỹ thuật* là nhờ sự tài trợ của nước ngoài (trong trường hợp này là Đài truyền hình Nhật NHK). Đây là một yếu tố quan trọng, đáng làm ta suy nghĩ nếu muốn duy trì được ngành điện ảnh trong một thời kỳ khó khăn. Đáng buồn là, vì những lý do hoàn toàn phi nghệ thuật, vừa qua một vài tờ báo Việt Nam đã đăng những bài sặc mùi *bài ngoại*. Xin can.

Kiến Văn

Việt Nam trong bối cảnh kinh tế thế giới thế kỷ 21

(tiếp theo trang 18)

Vấn đề thứ hai là cần phát triển thị trường nội địa mà không phải bảo vệ mậu dịch. Bảo vệ mậu dịch đã có lúc được coi như biện pháp phát triển kinh tế. Nhưng rõ ràng là nó đưa đến kinh tế lạc hậu, tốc độ phát triển vì vậy lại thấp kém. Nhưng nếu chỉ chú ý có tốc độ phát triển nhanh và do đó chỉ chú ý nhằm phát triển xuất khẩu thì thị trường nội địa, đặc biệt là khá lớn với 70 triệu dân, cũng không thể phát triển được. Có thể nói muốn phát triển xuất khẩu hiệu quả nhất trong ngắn hạn thì sản xuất cần tập trung ở một hai thành phố lớn, đầu tư đổ dồn vào đó để xây dựng hạ tầng cơ sở phục vụ nó. Đây cũng chính là ý muốn của các nhà đầu tư nước ngoài vì họ cần được trang bị đầy đủ cho sản xuất và lại có thị trường lao động có tay nghề, có giáo dục cao ở ngay cạnh. Phát triển như thế chỉ tạo ra lợi ích cho một số nhỏ lao động có việc làm, có thu nhập cao, nhưng đại đa số dân chúng vẫn có thu nhập thấp, sức tiêu thụ của thị trường trong nước vì vậy bị hạn chế và về dài lâu kinh tế không thể vững mạnh. Hơn nữa, với lối phát triển này, dân nông thôn sẽ đổ xô về thành thị để kiếm việc làm, tạo nên một nước có một, hai thành phố khổng lồ, đầy vấn đề xã hội. Đây là lối phát

triển xảy ra ở nhiều nước trên thế giới, khác hẳn con đường phát triển của các nước phương tây trước đây. Có lẽ điều này xảy ra ở các nước đang phát triển vì thoát thai từ thuộc địa, sản xuất gắn liền với đầu tư của mẫu quốc. Đây cũng là lối phát triển kiểu Đặng Tiểu Bình mà các nhà lãnh đạo hiện nay của Trung Quốc đang từ bỏ vì hậu quả xã hội xấu của nó. Lối phát triển này đã được Lý Quang Diệu, cựu thủ tướng của một nước – thành phố, đem cố vấn cho Việt Nam, mà có lẽ đã được nhiều nhà lãnh đạo Việt Nam lắng nghe.

Vấn đề của Việt Nam là cần phát triển, nhưng phát triển để hầu hết mọi người được hưởng thành quả của sự phát triển. Như vậy không thể không đẩy mạnh phát triển ra nhiều vùng trên đất nước, tạo phản ứng dây chuyền (ở Việt Nam thì không thể chỉ có 2 trung tâm). Muốn vậy, cần xây dựng vài trung tâm đô thị lớn, rải đều cả nước, không chỉ có hạ tầng cơ sở vật chất mà cần cả trung tâm giáo dục có tầm cỡ để đáp ứng cho thị trường lao động. Phát triển các cơ sở sản xuất cỡ nhỏ, cỡ vừa cũng chính là giải pháp trong lúc thiếu vốn. Nhà nước cần đầu tư hoặc khuyến khích xây dựng các khu công nghiệp cỡ nhỏ và vừa cho người sản xuất, kể cả tư bản nước ngoài, thuê để vừa tạo phát triển có kế hoạch, chống ô nhiễm vừa giảm số vốn cần thiết đầu tư lúc đầu cho người sản xuất.

Vũ Quang Việt
(New York, 25.11.1996)

Thư viện François Mitterrand

Nguyễn Thị Xuân Sương

Vậy là ngày trọng đại đã đến. “Trọng đại” đối với chúng tôi, những người làm việc ở Thư viện Quốc gia Pháp — nay mang tên Thư viện François Mitterrand — không phải là ngày 30-3-1995, ngày mà cố Tổng thống Pháp đã đến khánh thành nhận chìa khoá công trình từ tay kiến trúc sư Dominique Perrault. Cũng không phải ngày 17-12-1996, ngày mà đương kim Tổng thống Jacques Chirac tới khai mạc mở cửa cho độc giả. Ngày trọng đại đối với chúng tôi là ngày mở cửa THẬT, 20-12-1996.

Khi còn ở trụ sở đường Richelieu (*) ngay trung tâm Paris, chuyện làm “service public” hướng dẫn độc giả là chuyện tự nguyện, ai không muốn làm thì thôi. Lén Tolbiac (*) thì bắt buộc, nên cả những người đã làm hay chưa bao giờ làm cũng sợ. Sợ là vì đã gần ngày khai trương mà sách trên kệ chưa được bao nhiêu (tất cả còn nằm ngổn ngang ở khâu đóng bìa!), và nói chung thư viện chưa sẵn sàng mấy. Bởi vậy, buổi họp cuối trước ngày này một tháng, các sếp dặn dò bảo phải “mỉm cười”. Cái cười ở đây không phải “cái cười của thánh nhân”, cũng không phải cái cười của thằng Bờm, nó “nghệ thuật” hơn nhiều: phải có vẻ an ủi khi độc giả thất vọng, phải có vẻ mơn trớn khi độc giả trách móc, phải có vẻ chịu đựng khi độc giả bực mình. Đấy, cứ đợi gì “nghề chơi” mới “lắm công phu”?

Nhiều người cứ tưởng Thư viện Quốc gia Pháp đã hoàn toàn dọn về Tolbiac. Không phải. Kho sách báo từ xưa đến giờ vẫn còn ở Richelieu và Versailles (*) (Richelieu sẽ chỉ dọn lên Tolbiac vào khoảng giữa năm 1998 để mở cửa cho tầng dưới, Rez-De-Jardin, dành cho trình độ nghiên cứu; Versailles thì mùa xuân 1997 bắt đầu sẽ dọn, hiện tại một số tài liệu vẫn không tham khảo được vì bị nhiễm amiante trong không khí nên một số kho phải đóng cửa). Ở Tolbiac là một kho sách hoàn toàn mới, bày hết lên kệ cho độc giả tha hồ tự tay chọn đọc không phải chờ đợi, cũng không mượn được về nhà, nhưng nếu... khéo tay thì vẫn có thể chôm về vài quyển. Nếu ở Richelieu chủ yếu là khoa học nhân văn thì ở Tolbiac gồm cả khoa học kỹ thuật, khoa học xã hội, chia ra làm 4 “départements” trong 4 “tours” theo chủ đề:

a) Département 1, Tour 1, là “Tour des Temps”, “Tháp Thời Gian” (sử, triết, khoa học nhân văn); phòng đọc J, 297 chỗ ngồi.

b) Département 2, Tour 2, là “Tour des Lois”, “Tháp Luật” (luật, kinh tế, chính trị); phòng đọc D, 309 chỗ ngồi.

c) Département 3, Tour 3, là “Tour des Nombres”, “Tháp Số” (khoa học và kỹ thuật); phòng đọc C, 230 chỗ ngồi.

d) Département 4, Tour 4, là “Tour des Lettres”, “Tháp Văn”; các phòng E, F, G, H sẽ giới thiệu cùng độc giả từ Nguyễn Du tới Shakespeare, từ Kafka tới Puskin, từ Lỗ Tấn tới Kawabata hay Faulkner hay Proust..., 607 chỗ ngồi.

Ngoài ra còn có:

– Département 5, thánh thị, gồm phim, tài liệu có âm thanh, hình ảnh số hoá; phòng đọc B, 145 chỗ ngồi.

– Phòng I, Phòng Nghiên cứu thư mục, 56 chỗ ngồi.

– Phòng A, Phòng Báo chí, 51 chỗ ngồi.

– Phòng triển lãm.

Nhìn từ ngoài thì ai cũng trầm trồ thấy “4 quyển sách mở” sừng sững giữa trời óng ánh những gương là gương, vào phòng đọc giả thì lốt thảm đỏ thật dày, đi vừa êm chân lại vừa vui mắt. Bàn gỗ, kệ gỗ, tường phía vườn cũng gỗ, trông sang lắm. Nhưng hầu hết nhân viên thì cứ đòi xử treo cổ Dominique Perrault — như viên kiến trúc sư xây thư viện Sarajevo vào thế kỷ 18 đã tự treo cổ mình vì ánh sáng không lọt đủ vào các phòng. Hai căn gác lửng phòng C và G chỉ có ánh sáng đèn. Cảm giác là ngột, và nóng thì khỏi chê (gác lửng hai phòng D và J ở tầng trệt còn khiếp hơn). Các phòng dưới lại lạnh và nắng lên gương chiếu chói chang không trông rõ gì. Ngày đầu tiên đã có độc giả phòng F ghi vào sổ góp ý: “không có màn che, không có đồng hồ treo tường, và lạnh quá, gió thổi trên vai”... May chưa đến nỗi là *Đỉnh gió hú*.

Thảm đỏ cho độc giả lộng lẫy là vậy (nghe đâu là do cố Tổng thống chọn) mà trong văn phòng cho nhân viên thì toàn thảm xám đen, bàn ghế toàn đen bên cạnh tường màu trắng nhờ nhờ với những cột bê tông trần trụi màu xi măng ô ố mà Perrault cứ thường ca tụng là một vẻ đẹp tự nhiên độc đáo. Không biết thực hư, chỗ giấy vệ sinh màu trắng nhân viên kháo nhau là cũng tại theo nguyên tắc đen-trắng Ốp-A của ông kiến trúc.

Một số nhân viên đã dọn lên Tolbiac từ tháng 9-1995, hai tháng sau là có người bị suy sụp tinh thần vì khung cảnh chung quanh thư viện buồn thiu. Trong vài năm nữa mới có một làng mọc lên chung quanh cho khoảng vài chục ngàn cư dân, còn hiện tại chỉ có mấy khu nhà HLM (*chung cư giá rẻ*, chú thích của ĐĐ) đang xây cất, xấu xí. Chả bù ở khu Richelieu chẳng những có vườn Palais Royal, mà bước ra khỏi thư viện còn có đủ cả phê thuốc lá, các bà sau bữa cơm trưa lại có thể đi “dimutuki” vào hàng giày dép áo quần. Bên trong càng buồn và mùa đông mà máy điều hoà chạy làm sao đến nỗi một số phòng thường chỉ 18 độ, có nhiều phòng thì dù nắng hiu hắt mùa đông cũng đủ sức đẩy nhiệt độ lên tới 28, nóng ngột. Hiện tại vì một số nhân viên còn ở lại Richelieu, chỗ giữa năm 1998 dọn hết về đây thì văn phòng chật chội. Từ 100 mét bề cao bị xén bớt còn có 80, giảm đi 2 tầng cho mỗi tháp thành phải dồn nhân viên lại. Đó là chưa kể hễ trời mưa là sân gỗ trơn trượt, đã có nhiều người bị té. Nhưng Perrault nhất định không chịu cho gắn những cái chắn chống trượt chân. Anh ta có quyền trên công trình mình trong 30 năm lận mà. (*Y-a-t-il quelqu'un pour sauver la Grande Bibliothèque?*)

Nếu ở phía ngoài thì lấy sông Seine làm chuẩn là phía bắc. Vào trong rồi thì dù muốn trầm mình cũng chẳng thấy sông xuôi gì, phải tính từ tấm bảng Mitterrand trên tường để biết là phía tây rồi định hướng. Lúc đầu nghe “côté nord, côté sud” cứ như vịt nghe tiếng Phạn, nhìn đâu cũng thấy thắm thắm mênh mông. Xuyên qua lớp kính là khu “vườn cấm” (không ai được vào trừ người làm vườn) đã làm hao tổn công quỹ 45 triệu quan và tốn không biết bao nhiêu giấy mực của báo chí và nhân viên, lại càng không giúp gì để nhận ra phương hướng. Còn từ tháp nọ tới tháp kia bên trong cho nhân viên thì rõ là mê cung, cả năm mà thiên hạ vẫn đi lạc. Nghe đâu ông kiến trúc sư luôn luôn bận sơ mi trắng áo vét đen này thỉnh thoảng vẫn ghé thăm thư viện đêm khuya, cứ như ma vậy (hẳn là để chuẩn bị cho phim... *Le fantôme de la bibliothèque?*).

Làm “ service public ” thì tối đa thường hai giờ một xuất, nhưng các sếp tính lại thấy là từ văn phòng tới phòng đọc đi về ít nhất mất cũng mười lăm hai mươi phút, như vậy không lợi, nên mỗi xuất phải kéo dài thành ba tiếng đồng hồ. Dài quá. Lại không được uống nước vì phải “ làm gương ” cho độc giả. Độc giả không được đem thức ăn đồ uống vào, cũng không được đem dao kéo theo, sợ sách bị cắt tiết và... cứ lùng bùng trong đó như tù, sợ độc giả nổi điên... đâm chém nhau chẳng ?

Vì từng trên gọi là Haut-De-Jardin này dành cho mọi độc giả, chỉ cần đủ 18 tuổi (hoặc dưới 18 thì phải có tú tài), nên chủ yếu phần lớn sách phải bằng tiếng Anh hay Pháp. Một tuần trước ngày mở cửa, sách Việt Nam chỉ độc nhất bản tiếng Pháp quyền “ Nổi buồn chiến tranh ” của Bảo Ninh do Phan Huy Đường dịch. Là người phụ trách kho sách “ hiếm ” này, tôi hiểu là mình phải luyện tập nụ cười, nhất là bị làm “ service public ” ngay ngày đầu tiên. Hôm mở hàng bò lên được 12 quyển. Vui rồi. Nhưng vui nhất là buổi chiều đang “ tiếp khách ”, bà sếp hăm hờ bảo tôi :

– Vous thấy cái ông sơ mi đỏ ngồi kia không ? Thấy có một ông Á Châu đang tìm tìm, tui tới hỏi vous quan tâm tới loại văn học nào, ông ta trả lời văn học Việt Nam. Vậy vous nên tới “ tchitchi ” với ông và tiếng cho ông vui. Tôi chào ông áo đỏ :

– Chào anh. Anh người Việt Nam ?

Anh ta cười nhưng nhú mày :

– Sách tiếng Việt quá ít !

Dĩ nhiên là tôi mở nụ cười số 2, hứa hẹn là từ từ sẽ có nhiều hơn. Các sếp... hồ hởi hoan hô khi tôi khoe là sách tiếng Việt chỉ mới có 12 quyển mà một độc giả đã chọn 3 quyển rồi (xin cảm ơn độc giả sơ mi đỏ tới thư viện khoảng hơn 4 giờ chiều ngày 20-12-96).

Phòng E là văn học Trung và Cận Đông ; F là mỹ thuật và văn học La Tinh, Hy Lạp và Á Châu, Phi Châu ; H là văn học Pháp ; G là “ văn học ngoại quốc ” : Anh, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Đức, Hoà Lan... Có độc giả đã bắt bẻ sao lại gọi phần này là “ ngoại quốc ”, bộ những môn văn khác không phải là “ ngoại quốc ” sao ? (Cái ông này rõ lộn xộn chưa, có ngoại quốc và ngoại quốc chứ !).

Ngoài các xe lăn miễn phí sẵn sàng giúp những độc giả di chuyển khó khăn, thư viện Mitterrand còn trang bị 6 cái máy dành cho người mù, phòng E. Máy không có chữ nổi (braille) mà có âm thanh, rất giản dị. Có một bộ phận như máy chụp bản sao, muốn trang nào thì úp lên cho máy làm “ scanner ” rồi bấm nút là máy đọc trang đó lên. Có một nút bấm cho máy chạy, một nút bấm tới, một nút bấm lui nhắc lại câu vừa qua, một nút bấm nhắc lại chữ vừa qua. Đặc biệt nút này bấm tới lần thứ tư thì máy sẽ đánh vần từng mẫu tự chữ đó. Phòng này chắc chắn sẽ thu hút độc giả nhiều vì máy dùng rất tiện mà chưa thư viện Pháp nào được trang bị, tư gia thì lại càng không. Độc giả ở đây có thể mượn bất cứ hồ sơ ở Département nào mà không cần di chuyển. Ngoài tiếng Pháp, máy biết đọc bằng nguyên ngữ 4 thứ tiếng “ ngoại quốc ” Anh, Ý, Đức, Tây Ban Nha. Máy được ... miễn dịch.

Mấy hôm trước và trong khi thư viện khai trương, tin tức và hình ảnh từ các phương tiện truyền thông phần đông tích cực. Truyền hình chiếu cảnh nữ văn sĩ Sarraute vào phòng thánh thì mặc dầu hơi có vẻ “ quảng cáo ” nhưng phòng này quả thực tân tiến. Phòng triển lãm đang trình bày “ Tous les Savoirs du Monde ”, ngày hôm đầu tiên đã thu hút khá đông khán giả. Dù

vậy, các sếp vẫn liên tục đi thăm từng phòng, nghe ngóng và lo âu vì mới “ ra ràng ” mà nhiều máy đọc CD-ROM thay phiên nhau nằm vạ, còn máy chống ăn cắp sách thì người ta đi ra tay không nó cũng ré lên. May mà đó là nhân viên.

Giữa “ 4 quyển sách mở ” bẽ bẽ chữ nghĩa, có chỗ cho ba trăm quyển sách Việt Nam. Chúng tôi đã chọn giới thiệu cùng độc giả ngoại quốc và độc giả Việt Nam hải ngoại những tác phẩm của các nhà văn trong và ngoài nước, cùng với sách dịch từ tiếng Việt hay do tác giả gốc Việt viết bằng tiếng ngoại quốc - trong khuôn khổ có thể tìm được. Bên cạnh đó là các tuyển tập văn thơ, sách học ngôn ngữ Việt cùng 4 tạp chí : Hợp Lưu, Thế Kỷ 21, Văn Học (Mỹ), và Journal of Vietnamese Studies (Úc).

Kho sách tiếng Việt đã được điện toán hoá từ năm 1988. Độc giả có thể tìm sách trong thư mục của Haut-De-Jardin trên CD-ROM trong mỗi phòng đọc hay từ nơi hướng dẫn.

Từ tháng giêng 1997, độc giả có thể tham khảo thư mục sách của Haut-De-Jardin trên Internet (www.bnf.fr.) cùng các sinh hoạt của thư viện. Hiện tại, ngoài phần miêu tả về các dịch vụ bên trong, cũng đã có 2 bases : BN-OPALE và BN-OPALINE.

– BN-OPALE gồm tất cả tựa sách đã vào Thư viện Quốc gia Pháp từ 1970.

– BN-OPALINE giới thiệu một phần sách của các phân bộ chuyên môn. Như :

Cartes et plans : sách vào từ năm 1987

Estampes et photographies : sách vào từ năm 1988

Documents sonores : sách vào từ năm 1989

Partitions musicales : sách vào từ năm 1991

Monnaies et Médailles : sách vào từ năm 1994

Arts et spectacles : sách vào từ năm 1995

Sách vô trước ngày nêu trên, độc giả vẫn phải tiếp tục tìm ở Richelieu trong mỗi bộ phận chuyên môn, giới thiệu dưới hình thức thư phiếu. Trừ Documents sonores, 5 chuyên bộ này vẫn ở Richelieu với tài liệu viết tay (*manuscrits*), và sẽ cùng các thư viện nghệ thuật hợp thành “ Bibliothèque Nationale des Beaux Arts ”.

Thư viện cấm súc vật (trừ chó dắt người mù) và... trẻ em dưới 18 tuổi chưa có tú tài vào phòng đọc. Mở cửa từ thứ ba đến chúa nhật, từ 10 đến 19 giờ (chúa nhật từ 12 đến 18 giờ), vé vào là 20F (đặc biệt từ 20-12-1996 đến 05-01-1997, chỉ cần một vé vô của cho suốt thời gian này). Độc giả có thể hàng năm của Richelieu (160F) có thể thêm 40F để vào phòng Tolbiac (200F). Ngược lại, với thẻ Tolbiac, không thể vào phòng Richelieu !

Chúng tôi đã được huấn luyện về nhiều thứ, về cách tiếp đãi người khuyết tật, về cách di tản độc giả khi có chuyện bất trắc, về hệ thống phòng cháy chữa cháy rất ư lý kỳ tinh vi — và cũng được huấn luyện để trả lời câu hỏi tại sao thư viện nhà nước mà phải trả tiền : rằng rất nhiều công sở cũng không miễn phí, chẳng hạn các viện bảo tàng... (tôi đó thì ngừng, chớ có lỡ miệng nói thêm “ và vé xi-nê cũng trả ” !).

Nguyễn Thị Xuân Sương

Paris, 21-12-1996.

(*) Tolbiac là khu phố đông nam Paris, nằm trên tả ngạn sông Seine, nơi xây Thư viện François Mitterrand. Trước đó, Thư viện Quốc gia Pháp được đặt ở phố Richelieu, và một bộ phận khác ở thị xã Versailles.

Cézanne, Picasso, và ngôn ngữ lập thể⁽¹⁾ Văn Ngọc



Picasso, *Les demoiselles d'Avignon* (1907)

Vào những năm cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, những ý tưởng mới mẻ của các trường phái tượng trưng, nabis, dã thú, biểu hiện, lập thể, đua nhau nở rộ, vạch ra nhiều khả năng mới cho hội họa hiện đại (2).

Các trường phái này, mặc dầu mỗi trường phái đều có một hướng tìm tòi riêng, một phong cách riêng, nhưng tất cả đều giống nhau ở một điểm, là đều đã có cùng một phản ứng chống lại một số quan điểm và cách làm trước đó của trường phái ấn tượng và, xa hơn nữa, của nền hội họa hiện thực cổ điển, nói chung.

Họ cho rằng một số qui ước trong hội họa không còn phù hợp với thời đại công nghiệp hoá, với tâm thức và thị hiếu thẩm mỹ của con người mới nữa, từ nội dung đề tài, từ sự tiếp cận hiện thực, cho đến quan niệm về cái đẹp, về màu sắc, hình thể, cấu trúc của một bức họa, v.v...

Cũng như, đối với họ, hội họa không còn thể nào thoả mãn với những ấn tượng, những cảm giác tự nhiên, với cái bề ngoài của sự vật, nhất là khi nó chỉ được nhìn từ một điểm (là con mắt của người nhìn) và từ một phía.

Cézanne nói : “ *Vẽ không phải là vẽ cái mình tưởng là nhìn thấy, mà phải vẽ cái mình thật sự nhìn thấy* ”.

Picasso cũng khẳng định : *bài học về thẩm mỹ không cần phải đi tìm ở trong thiên nhiên*. Cái đẹp, cái thật đều hoàn toàn do trí óc con người qui định và sáng tạo ra cả.

Trên hướng suy nghĩ đó, Picasso đã là người đi xa nhất.

Những tìm tòi của ông vào những năm 1906-07 đã dẫn đến bức họa lập thể nổi tiếng *Les demoiselles d'Avignon*

(1907) (3) và ít lâu sau, quan niệm lập thể đã được Apollinaire định nghĩa như một quan niệm về sự tiếp cận hiện thực, không phải cái hiện thực mà con mắt nhìn thấy (*réalité de vision*) mà là cái hiện thực được ý thức, quan niệm trong trí óc người họa sĩ (*réalité de conception*). (4)

Chúng ta không quên rằng, thế kỷ 20 đã mở ra với nhiều phát minh quan trọng : nghệ thuật điện ảnh, điện thoại, máy bay, xe lửa, xe hơi, v.v... Ngoài ra, năm 1905 còn là năm chứng kiến nhiều khám phá khoa học của Einstein (Qui luật về chuyển động brownien, Thuyết quanta, Thuyết tương đối).

Trên nền trời Paris, thủ đô nghệ thuật và văn hoá của châu Âu lúc bấy giờ, tháp Eiffel, vừa được xây lên với một kỹ thuật hoàn toàn mới lạ, đứng sừng sững như một biểu tượng của sự táo bạo và óc sáng tạo của con người bước vào kỷ nguyên mới.

Nếu kỹ thuật nhiếp ảnh, được phát minh vào nửa đầu thế kỷ 19, đã là mối đe dọa trực tiếp đối với nền hội họa hiện thực tự nhiên (5) và đã gây nên phản ứng của trường phái ấn tượng, thì những phát minh khác như nghệ thuật điện ảnh (1895) đã cung cấp cho trường phái lập thể nhiều ý độc đáo, làm giàu cho ngôn ngữ của nó. Chẳng hạn như khả năng thể hiện *sự liên tục* (continuté), hoặc *sự cắt nối* hình ảnh (découpage) của nghệ thuật điện ảnh, đã gợi ý cho người họa sĩ lập thể thể hiện cùng lúc (simultanité) những hình ảnh cách biệt nhau trong không gian ba chiều, hoặc trong thời gian, trên bức tranh vốn chỉ là một mặt phẳng hai chiều.

Picasso đặt chân tới Paris lần đầu tiên vào năm 1900. Sau đó ông còn đi về nhiều lần nữa giữa Barcelone và Paris (6) trước khi định cư hẳn ở đây vào năm 1904, một năm trước khi Cézanne qua đời. Lúc đó Van Gogh và Gauguin cũng không còn nữa.

Thời kỳ này là thời kỳ hoạt động sôi nổi của các nhóm nabis (với Vuillard, Serusier, Maurice Denis...), dã thú (với Matisse, Derain, Vlaminck...) ở Pháp ; biểu hiện với Munch ở Na Uy ; Kirchner, Nolde ở Đức ; Ensor ở Bỉ ; Van Dongen, Soutine ở Hoà Lan và Pháp ; Kandinsky ở Nga ...

Nhưng đó cũng là thời kỳ mà hội họa ấn tượng sau một thời gian mấy chục năm bị giới cầm quyền và quần chúng lạnh nhạt, bắt đầu được trọng vọng. Những họa sĩ như Monet, Renoir bắt đầu nổi danh ở Mỹ, Anh, Đức. Tranh của các họa sĩ ấn tượng nói chung và của Cézanne bắt đầu bán được và đạt những giá cao. Năm 1907, nhờ công lao của Monet, bức họa nổi tiếng *L'Olympia* của Manet, đã từng làm xi căng đan một thời, được đưa vào viện bảo tàng Louvre. Nhiều tác phẩm của các họa sĩ ấn tượng khác cũng bắt đầu được các viện bảo tàng ở Pháp và các nước trên thế giới mua về trưng bày.

Ngoài ra, song song với các nền hội họa này, còn có nền hội họa chính thống, *kinh viện*, mà chúng tôi đã có dịp nói đến (7), vẫn nắm hết quyền lực ở trong tay, tuy vẫn không ngăn chặn được sự nảy nở của những ý tưởng tiến bộ.

Chính trong bối cảnh đó, mà Picasso đã tới Paris..

Ông xuất thân là một họa sĩ catalan, gốc andalou (sinh ở Malaga, miền nam Tây Ban Nha). Ở Barcelone, ông đã về

nhieu, nhưng chưa tìm ra được cho mình một phong cách thật sự độc đáo. Những tác phẩm thuộc giai đoạn *xanh* (1901-1904) còn rất cổ điển, với ảnh hưởng rõ rệt của Le Greco, còn những tác phẩm thuộc giai đoạn *hồng* vẽ vào năm 1905 khi mới đến Paris, như *Les Saltimbanques* (1905), lại được ảnh hưởng của Cézanne.

Tới Paris, ông hoà nhập với nhóm nghệ sĩ tứ xứ tụ tập ở ngôi nhà nổi tiếng được nhà thơ Max Jacob đặt tên cho là *Le Bateau-Lavoir* ở Montmartre. Nhóm này lúc đó gồm có : Max Jacob, André Salmon (nhà thơ và phê bình nghệ thuật) ; Modigliani, Severini, Juan Gris, Van Dongen (họa sĩ) . Ngoài ra còn có một số bạn bè khác hay lui tới như : Wiegheles ; Apollinaire (nhà thơ) ; Brancusi (nhà điêu khắc), Jarry, Raynal, Reverdy, v.v...

Montmartre và Montparnasse là hai nơi nổi tiếng, từ lâu vẫn là những cái nôi của nghệ thuật, đặc biệt vào thời gian này, không khí ở đây lại càng thêm sôi động với sự có mặt của một nhóm nghệ sĩ có tài, đam mê theo đuổi cùng một mục đích : đi tìm một phong cách, một ngôn ngữ nghệ thuật hiện đại. Tham vọng này ít ra cũng đã là một động cơ chính đáng hướng dẫn và thúc đẩy những tìm tòi và sáng tác của họ.

Năm 1906, Picasso gặp Matisse, Derain, và Braque. Lúc này nhóm đã thú đang hoạt động hăng say. Nhưng Picasso gặp Matisse cũng chỉ ý hợp tâm đầu về nghệ thuật điêu khắc của Phi châu và các đảo Océanie, mà, theo lời kể của chính Picasso, ông đã tình cờ khám phá ra ở viện bảo tàng dân tộc học (Musée d'Ethnographie, Trocadéro, Paris), vào năm nào thì không thấy nói rõ, nhưng theo nhiều người khác thì lại là ở nhà Matisse, hoặc Derain, và muộn lắm là vào năm 1906.

Trong những kỷ niệm của mình, Apollinaire nhớ lại rằng chính vào năm đó Derain đã bàn luận nhiều với Picasso về hội họa lập thể và đã có một ảnh hưởng quyết định đối với sự ra đời của phong trào lập thể.

Braque lúc đầu còn rất chống, nhưng rồi, bước sang năm 1907, sau khi bức họa *Les demoiselles d'Avignon* của Picasso được tung ra thì Braque lấy quyết định chuyển hẳn sang vẽ theo phong cách lập thể, và một năm sau ông đã sáng tác ra những tác phẩm nổi tiếng như : *Maisons à*



Cézanne, *La table de cuisine* (1888-90)

l'Estaque (1908), *Paysage à l'Estaque* (1908), *Arbre à l'Estaque* (1908)...

Thời gian này cả mấy họa sĩ đi tiên phong trong phong trào lập thể : Picasso, Braque, Dufy, đều có tranh vẽ phong cảnh tại cùng một địa điểm là l'Estaque ở vùng Provence, miền nam nước Pháp. Đây phải chăng cũng chỉ là một cách thử nghiệm ngôn ngữ mới, một sự trao đổi kinh nghiệm giữa một nhóm bạn cùng chí hướng ? Delaunay và Léger tuy cũng vẽ theo phong cách lập thể, nhưng ngay từ đầu đã tách riêng và có xu hướng trừu tượng rõ rệt.

Modigliani tuy không phải là một họa sĩ lập thể, nhưng từ nét bút, nét cọ, đến phong cách diễn đạt hình thể và nhịp điệu, cũng như cấu trúc các bức tranh của ông, không khỏi làm cho người ta nghĩ đến Picasso và Cézanne.

Trên thực tế, ảnh hưởng của Cézanne đã bao trùm lên khắp một thế hệ, từ những họa sĩ của trường phái biểu hiện như Van Dongen, Kandinsky, cho đến những họa sĩ lập thể như Picasso, Braque, Dufy, Delaunay, Léger, hoặc những trường hợp đặc biệt như Modigliani, Chagall...

Cézanne trước hết là cha đẻ của phép vẽ phối cảnh mang tên ông (perspective cézannienne). Đây thật ra chỉ là một thủ thuật cho phép đưa *cái được thể hiện* lên phía trước, ngang với mặt vải của bức tranh (frontalité), bằng cách nâng cao đường chân trời (trong phép vẽ phối cảnh cổ điển). Như thế người họa sĩ nhìn từ trên cao xuống và thấy tất cả mọi vật thể ở trên cùng một mặt phẳng, như vậy để tránh dùng phép phối cảnh cổ điển của Léonard de Vinci, tránh những *ảo ảnh* do chiều sâu của không gian ba chiều tạo nên.

Chính một trong những vấn đề lớn của hội họa hiện đại đã được Cézanne đặt ra và sau này trường phái lập thể tiếp tục giải quyết, là sự mâu thuẫn giữa *cái được thể hiện* thường là thuộc không gian ba chiều và *cái thể hiện* tức bức họa, vốn chỉ là một mặt phẳng hai chiều. (8)

Ngoài ra, Cézanne còn là người đã sáng tạo ra một *thủ pháp* vẽ sơn dầu độc đáo, vừa khoẻ mạnh, rắn rỏi, lại vừa linh hoạt, tế nhị, cho phép thể hiện một cách sinh động những mảng màu, những khoảng sáng tối, đậm nhạt. Người ta không quên rằng Cézanne, cũng như Gauguin đã từng trải qua thời kỳ ấn tượng. Dẫu sao, phong cách này đã được nhiều họa sĩ biểu hiện và lập thể áp dụng, coi như một nhân tố tạo hình giàu tính thẩm mỹ, giàu chất liệu và giàu sự sống.

Cách sử dụng màu sắc của Cézanne không phải đã không có một ảnh hưởng nào đến trường phái đã thú.

Song, quan trọng hơn cả là Cézanne chủ yếu vẽ bằng *trí tuệ* và *bản năng*, hơn là bằng cảm xúc. Điều này cũng đã có một ảnh hưởng lớn đối với những họa sĩ lập thể, nhất là đối với Picasso, bắt đầu từ những năm 1906-07 trở đi.

Picasso đã từng ví Cézanne như một *bà mẹ hiền che chở cho đàn con*.

Nhưng rồi Picasso đã sớm tìm ra được cho mình một phong cách riêng biệt.

Với bức họa *Les demoiselles d'Avignon* (1907), Picasso đã khẳng định quan niệm của ông về hội họa, về cái đẹp, cái xấu trong nghệ thuật, về cách tiếp cận và tái tạo hiện thực

bằng một ngôn ngữ mới, trong đó hầu như đã được tổng hợp lại tất cả mọi nhân tố cấu thành của ngôn ngữ lập thể, kể cả những thành quả đạt được bởi Cézanne, cũng như kể cả những gì mà Picasso đã mượn ở các truyền thống nghệ thuật của nhân loại, cụ thể ở đây là nghệ thuật điêu khắc của các dân tộc Phi châu và các đảo ở Océanie, cũng như nghệ thuật thời trung cổ tiền roman của Tây Ban Nha.

Người ta biết rằng Picasso đã bỏ ra gần một năm trời để thực hiện bức hoạ này. Ông đã vẽ rất nhiều phác thảo trên từng nhân vật, ở những dáng đứng dáng ngồi khác nhau, và đã sửa đi sửa lại nhiều lần bố cục chung của bức hoạ.

Khi bức hoạ ra mắt bạn bè lần đầu tiên, nhiều người cho rằng Picasso điên, chỉ có Matisse đã nói ngay rằng : “ Đây là một sự khiêu khích ”. Mà quả thật là thế !

Còn gì khiêu khích bằng năm cô gái đứng ngồi trong những tư thế thật ra rất *kinh viện*, nhưng lại được thể hiện với một phong cách khá *manh bạo*, và khá tự do ! Nhìn chung cả năm cô, thì thấy có một cái gì rất ngộ ngáo, rất năng động và không *kinh viện* chút nào, có lẽ do hình thể và nhịp điệu chung của bức tranh tạo nên.

Hai cô bên phải, mặt mũi như quỷ sứ, và như đã trình bày ở trên, hoạ sĩ đã tìm nguồn cảm hứng ở những mặt nạ gỗ của các dân tộc Phi châu, hoặc của nghệ thuật điêu khắc cổ Tây Ban Nha ! Thực ra, đây chỉ là một phương tiện thay thế cho kỹ thuật vờn bóng cổ điển bằng những nét viền khoẻ mạnh và những mặt phẳng (plan) thể hiện một cách khái quát hình khối trên mặt tranh.

Ba cô kia thì cũng không hơn gì : mặt dài, đầu nhọn, mũi lệch, mắt mở trừng trừng, v.v... Cô bên trái cũng đã bắt đầu được “ mặt nạ hoá ”, hai cô đứng giữa được để không. Có lẽ cũng vì những *sơ sót* này mà sau Picasso cứ ân hận mãi là đã không đạt được một sự *thống nhất* trong phong cách ?

Nhìn chung cả bức hoạ, người ta thấy rằng các hình thể đã được khái quát một cách tối đa, từ thân hình của các cô gái, đến các nếp áo, các khoảng trống giữa các nhân vật, tất cả đều được thể hiện dưới dạng những mặt phẳng, những *mảnh*, đan kết với nhau trong một bố cục sinh động và giàu nhịp điệu.

Hình dạng của các cô gái màu gạch non nổi bật, nhưng vẫn không tách ra khỏi những mảng màu ở xung quanh và đều nằm trên cùng một mặt phẳng, không có cái gì được vẽ theo phép phối cảnh cổ điển và bị đẩy lùi về xa, ngoại trừ một hai chỗ còn thấy có vờn bóng. Cũng như không có cái gì vẽ lồi ra đằng trước khỏi mặt vải. Ngay cả những cái mũi của các cô gái nhìn ra phía trước cũng đã bị dẹp nghiêng xuống !

Luật chơi đặt ra từ Cézanne hầu như đã được tôn trọng khá đầy đủ.

Về cái đẹp, cái xấu trong quan niệm lập thể, cụ thể là trên bức hoạ *Les demoiselles d'Avignon* này, cũng đã có nhiều giai thoại lý thú.

Khi người ta hỏi Picasso tại sao ông đã vẽ những cái mũi méo lệch, ông trả lời : “ Nếu không vẽ méo lệch thì ai biết được đó là những cái mũi ? ”.



Picasso, *Femme en chemise dans un fauteuil* (1913)

Cũng như khi Picasso vẽ xong bức chân dung của bà Gertrude Stein, một bà buôn tranh người Mỹ, bạn của hoạ sĩ, vào mùa xuân năm 1906, sau hơn tám chục buổi ngồi cho ông vẽ (đấy là chưa kể thời gian ông mang tranh về nhà vẽ, không nhìn mẫu nữa !), cuối cùng bức chân dung cũng vẽ xong, bà Stein hài lòng, nhưng nhiều bạn bè lại không lấy gì làm thoả mãn lắm, vì thấy nó đã *không giống*, lại còn *xấu* nữa !

Picasso trả lời : “ Rồi có ngày nó sẽ giống ” và “ Mỗi tác phẩm lớn đều ra đời với một độ xấu nhất định. Đó chính là dấu hiệu của cuộc vật lộn giữa người nghệ sĩ với chính mình, để nói lên một điều gì mới mẻ, với một ngôn ngữ mới mẻ ”.

Câu nói này của Picasso có thể áp dụng cho nhiều tác phẩm của ông, đặc biệt cho bức hoạ *Les demoiselles d'Avignon*.

Qua những thí dụ này, người ta có thể thấy được rằng quan niệm về sự tiếp cận hiện thực của Picasso khác với quan niệm của Cézanne.

Trong khi Cézanne chú trọng đến sự tạo dựng và thể hiện cấu trúc của sự vật, thì Picasso lại đem hiện thực ra mổ xẻ, phân tích, phá vỡ ra từng mảnh, để rồi tái tạo lại nó trong một trật tự khác, với một cách nhìn khác.

Cũng như, trong khi Cézanne còn cần *nhìn* đối tượng để vẽ, thì ngược lại, Picasso nhiều khi vẽ mà không cần nhìn đến đối tượng. Trên điểm này, cách vẽ của ông không khác gì cách vẽ của các hoạ sĩ cổ điển phương Đông : họ chỉ vẽ lên những cái mà họ *biết rõ* tường tận, thuộc lòng, ở trong đầu, từ hòn núi đá, cái cây, con chim, con ngựa, v.v...trong tranh thuỷ mặc, cho đến chữ viết (hán tự) trong nghệ thuật thư pháp.

Hội hoạ lập thể sẽ trải qua nhiều giai đoạn, nhiều phong cách khác nhau, nhưng thời gian hoạt động và tồn tại thực sự của nó thật ra cũng ngắn ngủi, vốn vẹn được bảy tám năm, từ 1907 đến 1914. (9)

Có tác giả, như Josep Palau i Fabre lại cho rằng nó đã kéo dài tới năm 1917, nhưng thực ra, ngay từ những năm 1913-14 nó đã rơi vào một thứ chủ nghĩa *kinh viện* đối với một số đông họa sĩ lập thể, ngoại trừ một vài tên tuổi như : Delaunay, Léger, Mondrian, Malevitch... sẽ tách ra và tiếp tục phát triển tài năng của mình trong hội họa trừu tượng.

Riêng phần Picasso là một trường hợp ngoại lệ.

Nghệ thuật của ông, trải qua rất nhiều giai đoạn, rất nhiều thử nghiệm, nhưng hình như vẫn trung thành với cái định nghĩa ban đầu của hội họa lập thể, mà câu chữ đã do Apollinaire đặt ra : đó là một cách diễn đạt hiện thực, không phải cái hiện thực mà con mắt nhìn thấy, mà là cái hiện thực do sự *suy tưởng* tạo dựng nên.

Picasso không bao giờ đặt vấn đề thẩm mỹ lên hàng đầu. Hiện tượng này có lẽ cũng do cái quan niệm trên mà ra. Đây có thể đã là một điểm mạnh, nhưng cũng có thể đã là một điểm yếu của Picasso, vì trên thực tế, cái quan niệm thẩm mỹ toát ra từ các tác phẩm lập thể và cả từ các tác phẩm về sau này của ông, đã được rất ít người chia sẻ.

Dẫu sao, đối với ông, *không chỉ có một sự thật trong nghệ thuật tạo hình, bởi nếu không thì làm sao mà vẽ được hàng trăm bức họa trên cùng một đề tài ? Và rồi cũng vẫn không biết sự thật ở đâu nữa !*

Có lẽ chính những ý nghĩ chủ đạo ấy đã cho phép ông vẽ mọi đề tài, với đủ mọi phong cách, từ bức họa Guernica (1937) cho đến những tác phẩm của thập niên 60, 70, và cho đến mãi cuối đời, nghệ thuật của ông vẫn giữ được một sức thuyết phục, một cá tính độc đáo mà thời gian không hề làm phai nhạt.

Văn Ngọc

Tài liệu tham khảo :

- Jean Clay, *De l'Impressionnisme à l'Art moderne*, Ed. Hachette Réalités 1975.
- Bernard Denvir, *Chronique de l'Impressionnisme*, Ed. de la Martinière 1993.
- Ulrike Becks-Malorny, *Paul Cézanne (1839-1906), le père de l'art moderne*, Ed. Taschen 1995.
- Josep Palau i Fabre, *Picasso Cubisme 1907-1917*, Ed. Albin Michel 1990.

Chú thích :

(1) Chữ *lập thể* (cũng như *lập phương*, nghĩa là khối vuông) trong tiếng Hán-Việt đã được dùng để dịch nguyên xi chữ *cube*. Nay ta có thể cắt nghĩa một cách khái quát hơn, mà cũng phù hợp : *lập* là tạo ra, và *thể* là hình thể. Trong tiếng Pháp, từ *cubisme* được đặt ra ít lâu sau triển lãm tranh lập thể của Braque tại Galerie Kahnweiler, Paris, ngày 9-11-1908. Nhà phê bình Louis Vauxcelles, cùng người đã đặt ra cái tên *Fauves* (Dã thú - *Fauvisme*), trong số báo Gil Blas đề ngày 14-11-1908 đã dùng tiếng *cubes* để tường thuật lại về những bức tranh phong cảnh của Braque (*Maisons à l'Estaque, Paysage à l'Estaque, v.v...*). Tuy nhiên, cái tên *cubisme* đã bị chỉ trích rất nhiều vì nó không chính xác, vì trên thực tế tranh lập thể không mấy khi có hình khối vuông, và không bó buộc phải có hình khối vuông !

Một chuyện đáng tiếc đã xảy ra, có thể đã liên quan đến việc đặt tên này cho trường phái lập thể, là có người đã hiểu lầm rằng Braque là người họa sĩ *cubiste* đầu tiên, trong khi tất cả đều công

nhận Picasso mới là người đi đầu trong phong trào này với những tác phẩm sáng tác từ những năm 1906-1907. Braque vốn là một họa sĩ thuộc nhóm dã thú, mãi đến năm 1907 ông mới nhập vào phong trào lập thể. Max Jacob còn coi ông như là đồ đệ đầu tiên của Picasso về ngôn ngữ lập thể (thư viết cho René Rimbart, 3-1922 trong *Correspondance*, nxb François Garnier, Palau trích dẫn).

(2) Xem *Vấn đề màu sắc trong hội họa hiện đại* (ĐD số 58, 12-1996).

(3) Bức tranh này có tên thật của nó do Picasso đặt ra lúc đầu là : "*Le bordel d'Avignon*" (Nhà thổ ở Avignon). Đủ thấy Picasso vào thời đó mà dám lấy đề tài này và đặt tên cho một bức họa như vậy, quả là táo bạo. Nhưng sau, nhà thơ André Salmon, bạn nổi khổ của họa sĩ, đã đặt cho nó cái tên *Les demoiselles d'Avignon*, để cho dễ nghe hơn, nhưng mãi hàng mấy chục năm về sau, mỗi lần Picasso nghe cái tên này vẫn thấy khó chịu !

(4) Nội dung sâu sắc của quan niệm *lập thể* nằm ở ngay trong cái định nghĩa rất chính xác, đồng thời lại rất rộng rãi này của Apollinaire. Chúng ta sẽ thấy rằng nghệ thuật của Picasso càng về sau, vào những thập niên 60, 70, lại càng gần với định nghĩa đó ở cái ý sâu xa nhất của nó là : người nghệ sĩ *tái tạo* lại hiện thực thông qua sự *suy tưởng*, óc sáng tạo của mình, với một phong cách hoàn toàn được giải phóng khỏi những ước lệ gò bó.

Người ta kể lại rằng, khi Picasso vẽ bức chân dung của bà Gertrude Stein, một bà bạn người Mỹ, vào mùa xuân năm 1906, có lúc không thoả mãn với chính mình, đã thốt lên một câu nổi tiếng : "*Khi tôi nhìn bà, tôi không còn trông thấy bà đâu nữa !*", và Picasso đã đem bức họa về nhà mình vẽ tiếp, không thèm nhìn mẫu nữa.

(5) Tuy nhiên, Courbet đã biết khai thác kỹ thuật nhiếp ảnh để thực hiện nhiều bức họa nổi tiếng, như bức *L'Origine du monde*, vẽ lồng lộng *một toà thiên nhiên* một cách *hiện thực* mà nghệ thuật đến mức máy ảnh cũng chịu thua !

(6) Thời gian này Picasso đã tiếp thu nhiều ảnh hưởng của Steilen và Toulouse-Lautrec (*La naine*, 1901 ; *Margot*, 1901).

(7) Xem *Vấn đề màu sắc trong hội họa hiện đại* (ĐD số 58, 12-1996).

(8) Trong phép vẽ phối cảnh cổ điển, khi ta vẽ hai vật thể cùng một kích thước, một vật ở gần và một vật ở xa, thì trên mặt phẳng của bức tranh, vật ở xa phải nhỏ hơn vật ở gần. Điều đó các họa sĩ hiện đại, từ Gauguin, Cézanne trở đi gọi là *ảo ảnh* (illusion, illusionnisme) và *không hiện thực*. Đúng hơn là, đối với họ, nó quá gò bó và vô lý đúng về mặt *tiếp cận hiện thực*, cũng như về mặt thẩm mỹ.

(9) Hội họa lập thể thường được chia ra làm ba giai đoạn : giai đoạn đầu mang tên *Cézanne* (phase *cézannienne*, 1907-1909) ; rồi đến giai đoạn *phân tích* (phase *analytique*, 1910-1912) ; cuối cùng là giai đoạn *tổng hợp* (phase *synthétique*, 1913-14).



Lục bình

truyện ngắn của
NGUYỄN QUANG THÂN

Cái ấn tượng xô bồ nhất đập vào mắt gã là những tảng lục bình. Khi còn ở trên kia, nghĩa là giữa cái thành phố có từng dãy quán nhậu chen khít những hè đường lát đá lổm chổm với đám người dầy dụa, bụng phệ, lưng cánh phản, béo tốt nhờ thịt mỡ, trái cây và bầu không khí cực kỳ mát mẻ sau những trận mưa quá hào phóng, gã đã không hề nghĩ đến những tảng lục bình. Thằng Hai Tuộc đô con, dễ tính nhưng búa sũa trong mọi sự đời đã dắt gã từ Sài Gòn xuống đó. Nó bỏ gã lại đó, cũng dễ dàng như khi hứa hẹn cứu mang gã rồi bốc hơi giữa thành phố nhậu cùng với một cô điếm. Nó dúm vào tay gã mấy chục ngàn (gã đoán đó là số tiền đáy túi của nó) nói : “ Cú xuống đó đi, không sợ. Mày cầm xuống đất một cái nhánh khô thì nó cũng mọc ra một cây ăn trái liền ”. Gã nghĩ tới miền Viễn Tây nước Mỹ thời nào đọc thấy trong sách. Gã nhớ lại những huyền thoại về một vùng đất giàu có khi cá đồng phải đưa bốn lúa, còn lúa thì dùng chạy máy hơi. Và gã đi đến đó, miền đất hứa của gã, một thằng có học mà thất nghiệp, đang đói rã họng.

Gã không hề nghĩ tới những tảng lục bình.

Nhưng chính đám lục bình đã hại gã. Con tàu dò chở khách từ Kinh Cùg rời bến lúc chiều muộn, chạy thâu đêm trên sông Cái lớn đã tông phải những tảng lục bình. Không ai chết. Gã huơ mấy sải tay là đụng tới bờ. Đêm đó gã ngủ lại nhà một nông dân tốt bụng cùng với những hành khách không may khác. Cái điều nguy hại nhất là gã mất hết. Mất cái túi xách trong đó có những đồng bạc cuối cùng, bộ quần áo cuối cùng, hy vọng và cả ý chí.

Đúng vào mùa mía đang thu hoạch, gã ở lại làm mướn. Cho bác Hai và cho cả hàng xóm của bác Hai nữa.

Những đồng mía cây chất ngất bên bờ sông ; dưới những gốc dừa vô chủ. Bác Hai nói cái đám đất doi mà bây giờ những người chủ mía dùng để chất mía cây chờ xuống ghe trước đây là của một dòng họ giàu có tận miền Đông xuống lập nghiệp. Cuộc chín năm và cuộc chống Mỹ chà đi, xát lại, cái gia đình giàu có ấy chia đôi ; nửa theo bên này, nửa đi với bên kia. Ngôi nhà bỏ không, những hàng sao duy nhất từ những hạt giống của rừng miền Đông được trồng ở đây hơn nửa thế kỷ nay vẫn cứ mỗi ngày cao vút lên thách thức với bầu trời mà không cần bàn tay các ông chủ đang mài mề chiến trận. Chúng lẫn át đám dừa mọc thếch bằng chiều cao lũng lũng để rồi một ngày tháng Ba năm đó, một đại đội công binh vùng 4 chiến thuật đưa của điện tới từng gốc cây phát quang chống du kích. Bây giờ chỉ còn mấy gốc dừa vô chủ đó, với cái móng nhà lẫn trong cỏ.

Đám người làm mướn đã cho mía ra bờ sông mấy ngày nay mà chiếc ghe vẫn chưa tới như đã hẹn. Hai hôm rồi, gã ăn và ngủ trên đồng mía, giữa đàn ruồi ban ngày và đàn muỗi ban đêm. Sau bữa cơm tối, bác Hai lò dò qua cái cầu khỉ bước tới, tay cầm một xị đế, đúng một xị không hơn, đến lại rai với gã. Như là an ủi cảnh cô đơn của gã và đỡ sốt ruột vì phải chờ chiếc ghe bội tín. Bác rủ rỉ hỏi gã về Hà Nội, về cái làng trung

du Vinh Phú quê gã và vô cùng ngạc nhiên khi nghe gã kể là miếng vườn của ông nội gã để lại cho con cháu chỉ đủ đất trồng được mỗi bụi mía phòng khi có người ốm và đỡ trẻ con. Bác Hai nói : “ Thiệt là lạ ? Tao trồng ba mươi công mía mà vẫn không sống nổi ”. Gã nói mấy đời nay, từ ông bà, cha mẹ gã chỉ mong có ba sào ruộng mà không làm sao có. Gã nói thêm với bác rằng ngay cả bọn Mỹ, bọn Nhật chúng nó cũng kêu là không sống nổi nữa là ? Bác Hai khoái gã vì nhận xét đó tuy gã biết chắc, bác và chính cả gã nữa, cũng không hiểu sự đời ra làm sao mà đến nỗi thế. Đêm nay chưa thấy bác ra và bỗng dung gã thấy nhớ ông già phúc hậu tốt bụng ấy.

Trăng đã lên, một mặt trăng đỏ lôm, tròn trĩnh nhô lên khỏi bức thành cây đen kịt bên kia sông Cái Lớn, mỗi lúc mỗi vàng tươi và ban phát hào phóng ánh sáng nuốt nà lên những đám dừa nước và những chùm lục bình đang bị nước thủy triều dồn vào các vịnh nhỏ. Bây giờ thì gã không còn mong lai rai với bác Hai vì chắc là bác không ra nữa mà mong một người khác. Gã nằm xuống đám lá mía và đợi.

Gã mở mắt, ngồi dựng lên vì có ai cù vô nách.

– Chèng ơi, tụi nó khuôn hết mía rồi. Bộ ra đây nằm ngủ sao ?

Người vừa thọc lét gã là Tu Thành. Cô quỳ lên đám lá mía, mặt quay về phía trăng, đôi con mắt một mí ban ngày màu nâu nhưng bây giờ vàng rực trên khuôn mặt hơi dài của các cô gái miền Nam, hai lọn tóc sơ sài thả xuống hai vai, chằm vừa đúng đôi chòm vú nhọn mà gã biết rõ không hề có áo nịt. Gã thấy nao lòng khi tình cờ phát hiện thấy Tu Thành không mang nịt vú bởi vì trên đường trôi giạt và gặp gỡ đủ các loại người, trái tim trai trẻ và hồn nhiên của gã bị nguội lạnh đi nhiều vì gã chỉ thấy những bộ ngực mang áo nịt. Điều đó xúc phạm trí tưởng tượng của gã, một chàng trai sinh ra ở đất Vinh Phú, nơi các cô gái vẫn tắm trường với trâu ở bến sông Lô. Và hôm đó, giữa đám ruộng ngổn ngang những mía là mía gã bỗng thấy tim mình đứng lại và đau đôn khi chợt nhìn thấy một bộ ngực trẻ không có áo nịt. Gã nao lòng vì chợt gặp lại một thời thơ ấu nghịch ngợm và thơ ngây đã vượt đi xa vời đối với gã, cả thời gian lẫn không gian. Giữa một nơi xa lạ, tứ cố vô thân, cái cảm giác quen thuộc đó đưa lại cho gã sự can đảm và hào hứng. Gã trở hết khả năng khéo léo của đôi cánh tay vốn quen lao động từ nhỏ và được học hành, giúp đỡ Thành trong công việc. Gã làm bằng hai người, làm thêm phần của Tu. Rốt cuộc là bác Hai vừa lòng về gã, về Tu Thành và tất nhiên vừa lòng về sự quen thân với những bức thang tình cảm khá cập rập và đốt cháy giai đoạn của họ. Mùa mía đi qua với nhịp điệu dồn dập đã làm hai người phải hối hả thêm vì cả hai chỉ là những người làm mướn. Một chiếc tam bản với vài người bạn đang chờ Tu Thành trong khi trước mặt gã một tương lai mịt mờ, không định hướng. Giờ đây, chỉ còn đêm trăng và một nụ cười, không phải cô gái gom mía với bộ quần áo xốc xếch mà một thân hình đang chín, gọn ghẽ trong bộ đồ có những chấm bông nhỏ xíu màu thiên lý. Gã nói : .

– Tu ngồi xuống đi.

Thành ngồi bên cạnh gã. Gã chợt nhớ lại, một lần nào đó, không phải trên đồng mía mà là rơm, rơm mềm mại, ngại ngại, sự nức mùi trời lẫn bùn đất, cũng một đêm trăng sáng, gã ngồi tính chuyện tương lai với một cô gái làng. Gã không dám đụng vào da thịt, thậm chí quần áo của cô ta nhưng gã đã chạm tới chiều sâu thâm nhất của trái tim cô ta vì gã biết cô ta yêu mình, một cô gái làng không đeo nịt vú, đơn giản vì không có tiền mua, nghèo khổ như nhiều người ở đây nghèo khổ. Hồi đó gã đã học xong năm thứ nhất khoa văn trường Cao đẳng Sư

phạm, cách nhà hơn năm mươi cây số. Bố gã nói : “ Mày lấy nó thì tao cất com ”, nghĩa là mỗi tuần gã sẽ không có quyền về nhà mang lên trường túi gạo, lạc rang và thường xuyên chống lại những con đói trong các giờ lên lớp. Xem ra hồi đó bố gã có lý, cái lý của người nghèo đang “ mức bụng mình ra nuôi con ăn học ” để hồng thoát được cảnh nghèo như con chuột đói vùng vẫy khỏi cái bẫy định mệnh. Gã ra trường tốt nghiệp hạng trung bình, mất cô gái làng, không nơi nào nhận gã dù chỉ với đồng lương bèo bọt. Và gã bỏ nhà đi kiếm sống, mất cả quê hương. Con chuột đói vẫn chưa thoát được cái bẫy.

Đêm qua, khi xi để chỉ còn một nửa, bác Hai nói với gã :

– Không phải rượu nói mà tao đang nói với mày. Nếu mày chịu con Tư Thành, cưới nó, tao cất đũa nước dựng cho căn nhà, còn ba công đất dưới doi Ông Mười, tao cho mày mượn trồng mía. Nghĩ mày nói cũng đúng. Người nghèo như con chuột trong bẫy, tao mở cho mày cái chốt cửa, mày chịu ra không ?

Gã không trả lời, uống cạn ly để. Bác Hai tiếp :

– Mùa mía này người ta ăn giá rồi, tao tính cũng lời chút đỉnh nên mới mạnh miệng với mày. Chịu đi con !

Gã bảo phải hỏi Tư Thành. Và bây giờ gã đang nói với cô gái. Thành ngồi dựa vào vai gã trong khi gã hào hứng nói lại lời bác Hai và còn tô màu tỳ chút vào bức tranh đã dần dà định hình trong đầu gã từ hôm qua đến nay. Gã nhận ra bờ vai cô gái run rẩy trên vai mình, cái rung động đã bắt đầu quen thuộc với gã sau những lần bộ ngực rắn rỏi nhờ những mùa làm vườn và những khát vọng trẻ trung áp vào ngực gã. Gã kết thúc bài diễn văn :

– Bác Hai nói khi có tiền mình sẽ mua đất. Rồi mình sẽ có đất Tư à. Tư biết không, ở ngoài kia cả nhà anh chỉ sống với vài sào đất. Tư khỏi đi làm vườn cho ai. Rồi Tư để cho anh một thằng cu, ăn thôi nôi cho nó xong là anh với Tư bế nó ra Bắc với nội liền !

Tư Thành quay hẳn người sang phía gã. Cô gái nắm chặt hai vai gã như muốn xô gã xuống đồng mía, đôi mắt buồn bình thoáng buồn bỗng trở nên rắn rỏi và kiên định :

– Anh có biết vì sao hôm nay bác Hai không ra nhậu với anh không ? Bác đang thú ruột vì ghe chưa tới mà không biết thằng chả có tới nữa không hay là chả chờ mía của bác thành củi rồi mới ép giá. Ba năm đi làm vườn cho thiên hạ, Tư biết rành không ai sống nổi với ba công đất vườn. Vậy mà anh còn nói...

Tư Thành lắc lắc hai vai gã rồi đứng dậy. Gã nhìn cô. Chưa bao giờ gã thấy cô gái đẹp như thế, vẻ đẹp ruột rà sinh ra từ đất.

Chiếc ghe đã lửng một bụng mía ở đâu đó trên đường, cuối cùng rồi cũng tới. Trên ghe có ba người ; ngoài vợ chồng chủ ghe còn một người đàn bà nữa. Bà ta mặt hoa da phấn, không mập không ốm, sung mãn trong bộ muxolin màu cẩm thạch. Gã rời đồng mía đã bắt đầu héo như những đoạn củi, đưa khách vào nhà bác Hai. Bác Hai bảo gã :

– Ra ruộng kêu con Tư vô bếp giùm. Biểu nó tìm thằng Sáu Đồ vô đánh giùm mấy bát tiết canh vịt xiêm mời khách héng !

Người đàn bà đi theo vợ chồng chủ ghe giả lả :

– Ồ, có phải cô Tư Thành mà anh chị Ba em nói là dễ thương một cây trong đám người làm vườn chỗ bác Hai không ? Để em vô bếp với cổ !

Gã nhú đôi lông mày. Bác Hai nói với bà ta :

– Nó có dễ thương nhưng thương không có dễ. Thôi, đi gọi tụi nó lên con !

Gã ra đồng gặp Tư rồi trở lại đồng mía của mình như một người gác đàn mẫn cán. Mặt trời lên sau những ngọn sao của nhà ai bên kia sông, những cây sao cuối cùng còn sót lại của một thời, một vùng đất hào hiệp được khai phá bởi những người dũng cảm và hào hiệp không kém. Gã nằm dựa lên đồng mía, nghe mật chảy dưới lưng mình và trong không gian đang được hâm nóng lên dưới mặt trời tháng bảy. Tiếng nhặng xanh và bầy ong vo ve làm gã buồn ngủ nhưng không thể nào ngủ được. Mình sẽ muốn ba công đất, tức là gần một mẫu ở ngoài kia, vợ mình sẽ là người đàn bà đẹp và nét na nhất miệt này, bác Hai nói chỉ vài năm trúng mùa là hai vợ chồng sẽ mua được đất không còn phải mượn nữa, rồi mình sẽ đưa vợ về quê nội, cô ấy nói năng có khó nghe tý chút, lũ trẻ con trong xóm tha hồ mà trêu chọc nhưng cái gì rồi cũng quen được. Ủ, giá như không gặp Tư thì mình có dừng lại cái bến này không ? Cũng chưa chắc, có thể là mình sẽ đi làm vườn hoặc là một ngày nào đó người ta sẽ gọi mình đi dạy học. Nhưng mình sẽ ở lại đây, chắc là thế. Mình sẽ thuyết phục cô ấy bằng được dù cột chân một con ngựa hoang thì đâu có dễ dàng gì, mà đây lại là một con ngựa hoang buồng bình nữa...

Đúng trưa Tư Thành mang cơm ra bến cho gã. Trong cặp lồng có vịt khìa, nắm rom nấu thơm. Gã không ăn ngay mà cầm đũa nhìn Tư. Trước mặt gã là một cô Tư khác, lạnh và buồn, như mới ốm dậy.

– Em bệnh sao ? — gã hỏi.

– Không — cô gái đáp — bác Hai có chuyện buồn. Ông đang nổi sùng với hai vợ chồng vừa mía. Họ đòi xuống giá mía. Anh biểu có ứ không ? Bác Hai đập phá, chửi bới tùm lum cả lên. Với lại...

Gã vốn nhạy cảm và ít nhiều trái đời. Gã biết đang có chuyện gì xảy ra trong lòng cô gái. Một màn ngăn cách vô hình, vô ảnh vừa được dựng lên quanh Tư Thành, người mà hôm qua đây còn quá dễ hiểu, thân thiết đối với gã. Giờ đây gã thậm chí không dám mà cũng không muốn chạm nhẹ vào tay cô ta hay nói với cô ta một lời thân ái.

– Chuyện gì thế ? — gã hỏi một cách lạnh lùng.

– Em lên Sài Gòn học may, anh Năm à !

Gã đặt đôi đũa xuống, đứng lên. Thậm chí cô ta cũng không ngờ lời xin ý kiến mình. Mà mình đã là gì đâu mà cô ta phải xin ý kiến ? Mới hai tuần lễ làm vườn cùng nhau...

– Đi với ai ?

– Với chị Sáu, em gái ông chủ ghe đó. Chị tốt lắm, anh Năm. Chị bảo em muốn đổi đời thì theo chị. Em định rồi, ở đây không sống nổi, anh Năm.

Gã đột nhiên nhớ lại chiều hôm đó. Cái quán bia hơi rẻ tiền, bản tuổi sát nách chợ Bà Chiểu, thằng bạn trời đánh đã kéo gã đến đó, gã bị lôi đi như người ta lê đôi giày dưới chân, dấn thân vào mọi cung bậc của cuộc đời. Gã đã gặp ở đó mấy cô gái miền Tây “ lên thành phố học may ” tức tuổi bán mình, tức tuổi khóc trong khói thuốc, trong hơi rượu, trong lớp bụi nhờ nhặt của Sài Gòn bí ẩn. Gã thấy nhói trong ngực như gã đang lên máu, đang ngạt thở, đang bị nhấn đầu xuống bãi bùn. Nhưng gã bỗng phá lên cười :

– Đi học may ? Ha ? Ha ? Đi học may ? Cứ đi đi rồi cùng tha hồ mà nhờ cậy lòng tốt của chị Sáu !

Suy nghĩ về tình hình giáo dục hiện nay

Hoàng Tuy

1. Trong lịch sử một xã hội hiếm khi giáo dục là mối quan tâm sâu sắc của toàn dân như hiện nay trong xã hội Việt Nam. Có thể nói không ngoa rằng bất cứ ai, dù là người Việt ở trong nước hay đang sống ở nước ngoài, có chút tinh thần trách nhiệm đối với tương lai của dân tộc, đều cảm thấy lo lắng không nhiều thì ít. Chỉ cần để ý sự phản ảnh mạnh mẽ của dư luận qua báo chí thời gian gần đây đủ thấy tầm mức rộng lớn và sâu sắc bất bình thường của vấn đề. Điều đáng nói là mối lo lắng đó không hề giảm, trái lại cứ tăng dần theo thời gian, và ngày càng bộc lộ những cách nhìn khác biệt, những cách đánh giá trái ngược hẳn nhau về thực trạng giáo dục. Người thì cho rằng giáo dục của ta đang trên đà phát triển tốt, tuy trước mắt còn không ít khó khăn, nhưng thành tựu là chính. Người thì trái lại cho rằng giáo dục còn đang xuống cấp trầm trọng, đang tụt hậu ngày càng xa so với ngay cả vài nước chẳng lấy gì làm xuất sắc trong vùng. Vậy đâu là sự thật? Tôi thiết nghĩ tình hình như vậy đòi hỏi cấp thiết phải tổ chức đánh giá khách quan thực trạng giáo dục, trước khi quyết định nên làm gì. Nếu đánh giá đúng, thì cũng như có bệnh mà bệnh tình được chẩn đoán chính xác, vấn đề có thể coi như đã được giải quyết một nửa vì từ sự đánh giá mà các giải pháp sẽ sáng tỏ ra. Trên thế giới, vào những thời điểm khác nhau, nhiều nước khi giáo dục hoặc khoa học của họ có vấn đề nghiêm trọng, cần được đánh giá chính xác trước khi cải tổ để đáp ứng yêu cầu phát triển cấp bách, họ đã thành lập Hội Đồng Đánh Giá Quốc Gia, do Tổng thống hoặc Thủ tướng chỉ định, gồm những chuyên gia đủ thẩm quyền chuyên môn và có khả năng đánh giá khách quan và chính xác, làm việc độc lập đối với Bộ Giáo dục hoặc Khoa học. Chẳng hạn Pháp đã làm như vậy năm 1985 đối với giáo dục đại học và Thụy Điển cách đây vài chục năm đối với khoa học, khi Thụy Điển nhận thấy do xu hướng dân chủ cực đoan mà nền khoa học vốn rất phát triển của họ có lúc đã chững lại. Thậm chí chính phủ Thụy Điển đã không ngần ngại bỏ ra hàng triệu đô la thuê hẳn các chuyên gia hàng đầu ở nước ngoài làm việc đánh giá, mặc dù họ không thiếu chuyên gia có thẩm quyền. Tôi thiết nghĩ ta nên học tập kinh nghiệm đó của các nước mà sớm thành lập một Hội Đồng Đánh Giá Quốc Gia, tuy chưa cần mời chuyên gia nước ngoài.

2. Muốn đánh giá thực trạng giáo dục một cách bổ ích, không thể chỉ so sánh ta bây giờ với ta cách đây vài năm hay ta ngày trước, mà phải so với thế giới hiện tại, so với các nước xung quanh, và phải xuất phát từ yêu cầu bức thiết của sự nghiệp giáo dục trong thời đại đầy thách thức đối với tài năng và trí tuệ của các dân tộc. Cần phải bám sát mục tiêu giáo dục như đã nói rõ trong các văn kiện chính thức của Nhà nước : nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài. Hình như về cả ba mặt đó đều nổi cộm nhiều vấn đề lớn và chắc chắn còn xa mới đáp ứng yêu cầu. Dù thế nào cũng cần có nhận định, đánh giá nghiêm túc một số vấn đề đặc biệt quan trọng thuộc về nguyên lý cơ bản của giáo dục, mà những năm qua dư luận xã hội đã có nhiều ý kiến :

- **Các lớp chuyên, lớp chọn ngay từ cấp tiểu học.** Nhiều nhà

khoa học và giáo dục ở các nước phản đối việc tổ chức các lớp chọn, một số người phản đối cả các lớp chuyên. Do hoàn cảnh đặc biệt của ta trong một giai đoạn nào đó, có thể tổ chức các trường trọng điểm và một số ít lớp chuyên về vài ngành, ở vài trường lớn trong cả nước, nhưng việc mở các lớp chọn và lớp chuyên tràn lan như hiện nay chắc chắn là không tốt. Cùng loại với vấn đề này là chủ trương phân ban ở trung học, thể hiện một xu hướng coi nhẹ kiến thức văn hoá chung, đào tạo hạn hẹp. Trong tình hình xã hội còn bị ảnh hưởng nặng của thói quen tầm chương trích cú từ xưa để lại, mà lại chuyên ban quá sớm thì sẽ dễ làm cho con người phát triển lệch một số mặt, có nhãn quan hẹp hòi, cứng nhắc, tư duy kém uyển chuyển, khó thích ứng với môi trường khoa học, công nghệ, biến động nhanh. Trong khi trung học phân ban thì đại học có xu hướng phổ thông hoá (trung học hoá) : ngoài việc lập riêng các trường đại học đại cương mà có lẽ chỉ Việt Nam mới có, cách dạy và học ở đại học cũng không khác ở phổ thông là mấy : truyền đạt, thụ động, ít phát huy tự học.

- **Thi theo bộ đề thi.** Không đâu trên thế giới có chuyên kỳ lạ này. Bộ đề thi khuyến khích học tủ, học vẹt, tiếp thu máy móc, không khuyến khích phát huy năng lực độc lập suy nghĩ. Chưa kể nhiều tiêu cực gây ra xung quanh bộ đề thi.

- **Quá nhiều kỳ thi, mà đề thi thường đòi hỏi cao hơn nội dung dạy ở lớp, không học thêm, không luyện tủ thì không đỗ được.** Thi lại ít nghiêm túc, gây nhiều tiêu cực, bất công, mà lại rất tốn kém. Trong khi đó rất coi nhẹ chế độ thanh tra thường xuyên.

- **Phương pháp và cả nội dung giảng dạy một số môn có nhiều cái cũ kỹ,** nặng về nhồi nhét, ít chú ý rèn luyện khả năng tư duy độc lập, khả năng tìm tòi, tự học, tự nghiên cứu. Nhiều lớp chuyên dạy theo cách luyện gà nòi, thường có xu hướng lệch. Cần đánh giá lại hiệu quả thực tế của cách đào tạo ở nhiều lớp chuyên chỉ nhằm mục đích luyện giải toán để đi thi. Tôi không biết có người nào trở thành nhà toán học giỏi bằng cách học đi học lại đủ loại toán sơ cấp hóc hiểm ở chương trình phổ thông như những bài toán mà giờ đây đang khá phổ biến ở các trường Việt Nam?

- **Dạy thêm, học thêm tràn lan, giờ dạy chính thức kém hiệu suất, giờ dạy thêm ở ngoài mới là quan trọng, cho nên bắt buộc em nào cũng phải học thêm.**

Thầy cô giáo vì dạy thêm nên không còn thì giờ suy ngẫm công việc của mình để cải tiến, bồi dưỡng kiến thức, nâng cao nghiệp vụ. Thầy giáo đại học rất ít thì giờ nghiên cứu khoa học, trong khi đó nghiên cứu khoa học là nhiệm vụ hàng đầu của đại học. Vì vậy, đào tạo để làm nghiên cứu và đào tạo thông qua nghiên cứu đều rất yếu. Có hiện tượng dạy như cái máy, học cũng như cái máy.

- **Sách giáo khoa là thể hiện tinh thần, nội dung, phương pháp giáo dục,** nhưng năm nào cũng in lại, mà nội dung cũng như cách trình bày thường ít cải tiến (ví dụ về toán, mấy chục năm hầu như vẫn vậy). Rốt cục đầu tư nhiều, cả Nhà nước và dân đều tốn nhiều tiền của mà hiệu quả thấp. Về hình thức sách giáo khoa bây giờ còn chưa hấp dẫn bằng sách cách đây 60 năm, thời Pháp thuộc.

- **Trẻ em học ở lớp và qua bài giảng quá nhiều, ngoài giờ học chính thức phải học thêm ở ngoài hoặc với chính thầy cô giáo mình ; không có thì giờ vui chơi, hoạt động theo nhu cầu của tuổi trẻ để phát triển toàn diện.** Học đến暮 người đầu phải là

lỗi học thông minh. Nhược điểm thường thấy của nhiều người Việt Nam ở trong nước cũng như ở nước ngoài là xuất sắc ở các lớp dưới, các năm đầu đại học, hoặc khi thi tiến sĩ. Càng về sau càng đuối. Ngay các nhà khoa học Việt Nam cũng vậy, khi mới bước vào ngành có thể xuất sắc, nhưng thường ít người kiên trì và tiếp tục giữ được vị trí xuất sắc ở tuổi ngoài 50. Có thể đó là nhược điểm do thói quen tầm chương trích cú qua bao đời học để đi thi, để đỗ đạt, để làm quan, cho nên khi đỗ đạt xong và làm quan rồi thì cũng nghỉ ngơi luôn, vì đã hết sức rồi, hoặc không còn hứng thú, say mê, không còn chí tiến thủ nữa. Nói đúng hơn là quay sang tiến thủ theo con đường phi chuyên môn. Trái lại ở nhiều nước phát triển phương Tây, học sinh các lớp dưới vừa học vừa chơi, vừa mở mang tâm trí bên ngoài sách vở, biết dưỡng sức để sau này đi xa, đi rất xa, đến 60 - 70 tuổi vẫn còn tiến thủ. Giống như chạy marathon ở TP Hồ Chí Minh, có anh số 40 vừa mới xuất phát đã mở hết tốc lực, nên dẫn đầu nhưng đến đoạn chót thì không còn thấy tầm hơi đâu cả vì rớt lại sau quá xa. Đáng lẽ ta phải giúp cho học sinh thoát ra khỏi cái lối học khoa cử, học quá sức ngay từ tuổi nhỏ thì tất cả lối dạy dường như chỉ khuyến khích thêm cái nạn đó. Xem ra cha mẹ học sinh cũng có trách nhiệm vì thường ai cũng thích có con học thật giỏi ngay từ các lớp dưới.

– **Không thể đánh giá chất lượng giáo dục chỉ bằng những thước đo chủ quan của ngành như : số học sinh lên lớp, số học sinh thi đỗ, số học sinh xuất sắc** (vừa qua khi có chỉ thị miễn thi cho học sinh xuất sắc thì lập tức có lớp 90 % xuất sắc) vì vừa đá bóng vừa thổi còi thì làm sao khách quan được. Cũng không thể nói chất lượng giáo dục tốt vì mỗi năm học sinh ta đều đoạt nhiều giải trong các cuộc thi olympic quốc tế về toán, vật lý, tin học, v.v...mặc dù bản thân việc đó rất đáng biểu dương và chúng ta đều tự hào.

– **Chất lượng giáo dục được quyết định bởi đội ngũ thầy giáo, nhưng đội ngũ ấy được chăm sóc, bồi dưỡng như thế nào nếu gần hết thì giờ của họ là kiếm sống bằng dạy thêm, luyện thi, v.v...?** Tất nhiên, phải nói rằng đội ngũ ấy hết sức cố gắng và vẫn có người xuất sắc, ngay trong hoàn cảnh ngặt nghèo vẫn vươn lên đạt trình độ cao. Nhưng có bao nhiêu người như vậy ? Dư luận xã hội vẫn thắc mắc về các viện sĩ tiến sĩ, phó tiến sĩ, giáo sư, phó giáo sư giấy, có hay không, đến mức nào, vẫn là đầu đề đàm tiếu. Trước đây, các bạn Đông Âu đã cho biết rằng một số khá lớn các PTS và TS mà họ đào tạo cho ta là dưới mức trung bình, vậy những người ấy đã được tiếp tục bồi dưỡng như thế nào, họ có tham gia đào tạo ra hàng loạt PTS, TS mới những năm qua hay không, chỉ cần nhìn điểm đó cũng có thể đoán biết thực trạng chất lượng trình độ bằng cấp, học vị của ta. Vừa qua có sự khẳng định rằng bằng TS, học hàm GS, PGS của ta là hoàn toàn ngang trình độ quốc tế. Như thế rất đáng mừng, song có điều khó hiểu là các hội đồng xét học hàm đều có thành phần gồm rất nhiều người bản thân còn xa trình độ quốc tế thì làm sao có thể đánh giá được trình độ quốc tế của các bạn đồng nghiệp ? Phải chăng ta quá coi thường trình độ quốc tế ?

Đó là mới nói về trình độ. Còn khả năng thực tế của đội ngũ thầy giáo thì là vấn đề còn phức tạp hơn nữa. Vì trong hầu hết các trường, phần lớn những người giỏi đều đã hoặc sắp đến tuổi hưu cả, mà trong nhiều năm tới chưa có người trẻ thay thế. Ai cũng biết những hạn chế của người già đối với việc tiếp thu cái mới, mà trong thời đại khoa học công nghệ biến chuyển cực nhanh như hiện nay, dù ai tài giỏi bao nhiêu cũng phải luôn luôn cập nhật hiểu biết của mình, huống hồ sau thời gian đất nước mở cửa

có bao nhiêu cái mới cần phải học. Vậy làm sao đội ngũ thầy giáo của chúng ta, với trình độ như thế, tuổi tác như thế, lại có thể bảo đảm tốt được nhiệm vụ giảng dạy bình thường, chưa nói những đòi hỏi rất cao và ngày càng cao để thích ứng với tình hình mới ?

Cứ nhìn vào các giải thưởng của học sinh Việt Nam trong các kỳ thi quốc tế về toán, tin, vật lý, v.v... cứ nghe báo chí và truyền thanh truyền hình các “viện sĩ hàn lâm” trẻ tuổi của chúng ta (mà có người chưa kịp bảo vệ luận án PTS !) hoặc gần đây nữa là việc các hãng kinh doanh tiểu sử ở Mỹ và Anh tôn vinh hết người nọ người kia trong nước ta là “danh nhân thế giới”, “danh nhân châu Á - Thái Bình Dương”, v.v...(mà đôi khi chỉ đòi một khoản ngoại tệ mấy trăm đôla để đổi lấy sự tôn vinh đó !) cứ nhìn các học vị, chức danh VS, GS, TS, PTS, thạc sĩ được giới thiệu trong mọi cơ hội theo một tôn ti trật tự rành rọt mà ở các nước phát triển rất hiếm thấy, ai dám bảo giáo dục và khoa học Việt Nam đang ở thời kỳ khó khăn hiểm nghèo. Nhưng tôi thiết nghĩ ta không nên tự ru ngủ mình, mà nên can đảm nhìn vào sự thật, dù là sự thật khó chấp nhận, thì rồi mới có hy vọng tìm ra lối thoát.

3. Trở lên là một số vấn đề nói ra rất cực lòng. Có thể có người nghĩ tôi đã vẽ ra một bức tranh quá ảm đạm, đen tối. Không phải tôi muốn phủ nhận những điểm sáng trong nền giáo dục của ta, nhưng chúng ta đã quen nói với nhau toàn điểm sáng, khiến cho lượng thông tin trong các ý kiến đóng góp rất nghèo nàn, lâu ngày thành một thứ “ngôn ngữ gỗ”. Chứ thật ra, trong hoàn cảnh như vừa qua mà duy trì được một nền giáo dục chỉ xuống cấp đến mức thế này, có lẽ trên thế giới cũng chỉ có một nhân dân hiếu học, cần cù, thông minh và dũng cảm như nhân dân Việt Nam mới làm nổi. Song dù cho là nhân dân anh hùng đến mấy đi nữa, thì cũng có những giới hạn xuống cấp nguy hiểm không thể chấp nhận được (trong kinh tế xã hội có những hiện tượng gần như “không đảo ngược được” (irreversible), nếu xảy ra thì là tai hoạ). Vì vậy cần có thái độ trách nhiệm hơn đối với sự nghiệp giáo dục. Có điều là nói cho cùng các căn bệnh của giáo dục chỉ có thể chữa trị trong bối cảnh toàn cục của xã hội. Nguyên nhân trực tiếp đưa đến sự sa sút không riêng của giáo dục, mà của cả y tế, khoa học, đạo đức xã hội, và cũng là nguyên nhân trực tiếp dẫn đến tham nhũng tràn lan và ngày càng khó chống hơn, đó là gì ? Chính là chế độ trả công cho người lao động còn nhiều bất công phi lý, trong đó tiền lương mà Nhà nước kiểm soát rất chặt thì không đủ để tái sản xuất sức lao động, chưa nói đến đãi ngộ tài năng hay khuyến khích năng suất, cho nên muốn tồn tại được mọi người đều phải xoay xở. Rốt cục ai cũng xoay xở được cả, nhưng số thu nhập thêm do xoay xở hợp pháp hay phi pháp đó ở đâu ra, nếu không phải là của Nhà nước, của xã hội ? Cuối cùng tổng số tiền chi ra để trả công thì vẫn vậy, nhưng một phần rất nhỏ là tiền lương thì được kiểm soát chặt, còn cái phần lớn nhất thì tùy thuộc tài xoay xở của mỗi người và mỗi cơ quan, chứ hoàn toàn không liên quan đến năng suất. Thầy giáo chỉ có một cách xoay xở là dạy thêm, còn cha mẹ học sinh thì phải xoay xở kiếm đủ tiền trả công cho thầy. Do đó dạy thêm, học thêm cứ thế phát triển từ chỗ chỉ có cấp ba, lan ra đến cấp một, dần dần trở thành một nạn dịch. Vậy chừng nào còn chế độ lương này, thì vẫn chưa có hy vọng vực giáo dục lên một cách cơ bản được, và ngày ấy tụt hậu còn là hiện thực chứ không phải nguy cơ.

HOÀNG TUY

Từ năm 1988 đến nay, bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trương công khai hoá các đề thi. Bộ đã lần lượt cho xuất bản các bộ đề thi kèm theo đáp án cho tất cả các môn : Toán, Lí, Hoá, Sinh, Văn, Sử Địa, Ngoại ngữ. (“ Bộ đề thi ” này gồm khoảng vài chục đầu đề cho mỗi môn, được xuất bản trước chứ không phải là sau các kỳ thi. Mỗi trường chỉ có quyền chọn đề thi trong những đầu đề đã được công bố ấy ! – Chú thích của ĐĐ.) Muốn đổ vào đại học, chỉ cần học thuộc đáp án của bộ đề thi. Vì vậy cho nên có trường đã thu xếp học gấp rút chương trình các lớp 10 và 11 để đến lớp 12 dành hầu như toàn bộ thời gian cho việc luyện thi theo bộ đề thi của Bộ. Vì vậy cho nên, các lò luyện thi mọc ra như nấm sau mưa ở các thành phố lớn, thu hút cả các học sinh nông thôn ra luyện thi sau kì thi tốt nghiệp phổ thông trung học.

Tác hại của chủ trương trên đây là :

1/ Nó càng thúc đẩy học sinh đi vào con đường học lệch, học tủ.

2/ Nó làm thui chột mọi óc sáng tạo : Cần gì phải sáng tạo, một khi cứ chép nguyên si đáp án “ kể cả môn Văn ” là chắc chắn được điểm cao tuyệt đối ?

3/ Nó làm cho việc quay cốp trở thành phổ biến và công khai. Ngày thi trước cổng các trường đại học, người ta bày bán đáp án các bộ đề thi, đã được photocopy thu nhỏ các cỡ, một cách công khai. Các thí sinh hoặc đã chuẩn bị sẵn ở nhà, hoặc đến đây mua vài ba bộ đem vào phòng thi, nhờ có phải tịch thu bộ này thì đã có bộ khác. Thật là một sự phỉ báng đối với trường thi Việt nam.

Bên cạnh chủ trương thi theo bộ đề thi độc nhất vô nhị trên thế giới ấy là việc chấp nhận các yêu sách của những viên quan đầu tỉnh về tỷ số học sinh thi đỗ tú tài mỗi năm, dẫn đến những hiện tượng có tính đã hạ điểm chuẩn xuống để nâng số thí sinh đỗ từ 32 % lên 65 %, như Diễn Đàn đã đưa tin (xem các số 52 và 55). Rồi chủ trương miễn thi chuyển cấp cho các học sinh xuất sắc, bản thân không phải là không chính đáng, nhưng trên thực tế đã dẫn tới hiện tượng “ Có thầy cô giáo thay đổi học bạ của học sinh, đưa kết quả học tập từ mức trung bình hay khá lên mức giỏi, để đủ tiêu chuẩn miễn thi chuyển cấp ” (Ngô Thúc Lanh, Vũ Tuấn, bài đã dẫn). Hiện tượng này hiển nhiên gắn liền với quyền sinh sát cho lên lương, lên bậc của các quan tỉnh uỷ, theo tỷ lệ học sinh thi đỗ mỗi năm. Trên mặt báo trong nước không thiếu những bài kêu ca của các bậc phụ huynh về tình trạng đạo đức xuống cấp của học sinh. Những việc học trò hoặc cha mẹ học trò đánh, hạ nhục thầy cô, như ĐĐ đã từng đưa tin..., có gì lạ khi tấm gương gian dối được nêu từ trên xuống ?

Bãi bỏ việc thi theo đề thi, thực hiện các kỳ thi nghiêm túc, như chính bộ trưởng Trần Hồng Quân đã từng cam kết (xem ĐĐ số 52), bỏ việc kết quả kỳ thi phải trình lãnh đạo tỉnh, thành xét trước khi công bố – và nói chung, chấm dứt tệ nạn chính quyền can thiệp vào công việc giảng dạy của thầy giáo, ngoại trừ những thanh tra thường kỳ hoặc khi có vấn đề –, là những biện pháp không tốn kém bao nhiêu cho ngân sách, có thể thực hiện ngay. Bộ giáo dục và đào tạo còn chờ gì ?

Cùng do một lò xuất bản với các bộ đề thi là những sách giáo khoa, mà giáo sư Hoàng Tuy có lý phàn nàn rằng mấy chục năm nay không được cải tiến gì, cả về nội dung cũng như

cách trình bày. Nhưng làm sao thực sự cải tiến khi Bộ tiếp tục giữ độc quyền in và độc quyền giao cho một số rất nhỏ những người “ tin cẩn ” viết sách ? Nhà nước đang có chủ trương đẩy mạnh “ xã hội hoá nền giáo dục ”, có thể nào chủ trương này không kèm theo quyền tự do viết và xuất bản sách giáo khoa (dù cho rằng Bộ vẫn có một quyền hạn nào đó trong việc duyệt các sách đó) ? Ngân sách nhà nước có thể sẽ không bớt đi được một gánh nặng lớn về khoản tiền sách sẽ phải mua cho các thư viện nhà trường, để những học sinh nhà nghèo có sách học. Song, một số khá lớn học sinh các gia đình có thu nhập trung bình và cao sẽ tự bỏ tiền mua sách trên thị trường, thúc đẩy một sự cạnh tranh hoàn toàn có thể được gìn giữ trong một khuôn khổ lành mạnh. Những nhà giáo có thực tài sẽ có dịp thi thố khả năng sư phạm của mình ngoài khuôn khổ chật hẹp của trường, lớp mình đảm nhận, góp phần nâng cao trình độ sách giáo khoa, đồng thời – một cách gián tiếp nhưng không kém phần quan trọng – nâng cao trình độ giáo viên nói riêng và trình độ dân trí nói chung. Có người nói, hiện nay số sách giáo khoa (cũng như các bộ đề thi) bán cho học sinh mang lại một nguồn thu nhập không nhỏ cho Bộ giáo dục và đào tạo, việc không công khai hoá ngân sách dĩ nhiên không cho phép tranh luận về vấn đề này một cách nghiêm chỉnh. Song, có thực không thể thực hiện được việc dành phần thuế thu được trên thị trường sách cho Bộ ? Tất nhiên, đây chỉ là một câu hỏi phụ đối với yêu cầu nâng cao chất lượng sách giáo khoa chỉ có thể được đáp ứng trong một chủ trương “ xã hội hoá ” ngành xuất bản (ít ra là trong địa hạt này), như trên đã nói. Ở cấp đại học, việc tổ chức dịch những sách cơ bản cũng là một biện pháp không tốn kém nhiều và góp phần quan trọng vào yêu cầu nâng cao chất lượng. Trên nữa, như nhiều chuyên gia đã góp ý kiến, biện pháp rẻ và hữu hiệu nhất để mang lại những nguồn thông tin hiện đại cho nghiên cứu khoa học là xây dựng mạng lưới Internet phổ cập cho các đại học và các viện nghiên cứu.

Quan trọng hơn cả cho ngành giáo dục dĩ nhiên vẫn là **đội ngũ thầy, cô giáo** ở tất cả các cấp. Công tác đào tạo và không ngừng nâng cao trình độ của đội ngũ này hẳn nhiên là lâu dài. Nhưng ai có thể chấp nhận mãi tình trạng người giáo viên lương không đủ sống phải xoay xở bằng đủ mọi cách, trong sạch nhất vẫn là đi dạy thêm cho tới kiệt sức, không còn thì giờ đâu để suy nghĩ cải tiến công việc của mình ? Trong bài đã dẫn, các giáo sư Ngô Thúc Lanh và Vũ Tuấn nhắc lại “ Lương một giáo viên cấp 2 hiện nay chỉ vào khoảng 200.000 đồng một tháng, tính ra còn thua một người lao công làm công việc phục vụ trong các gia đình khá giả. ” Có “ chiến lược giáo dục và đào tạo ” nào thực hiện được trong tình trạng ấy ? Ngân sách của “ quốc sách hàng đầu ” sao vẫn èo ọt, không phải là so sánh với các nước lân bang cất cánh từ lâu mà ngay cả so với chính nền kinh tế không ngừng tăng trưởng ở mức khá cao từ nhiều năm nay ? Những buổi lễ lộc tổ chức nhân “ ngày nhà giáo ”, phong danh hiệu “ nhà giáo nhân dân, nhà giáo ưu tú ”..., có thể nào được coi là những tín hiệu của một sự trọng thị thực sự nghề giáo, khi mọi người còn nhớ “ ngày xưa, một giáo viên tiểu học, chỉ với lương tháng của mình, không những nuôi được bản thân và gia đình một cách đàng hoàng, còn nuôi thêm được vài đứa cháu bên nội và bên ngoại, và sau khi ra trường công tác được vài năm còn xây được một ngôi nhà khang trang một, hai tầng...” (NTL-VT) ? Thông điệp mà xã hội sẽ cảm nhận và đón chào rất mau chóng là một thông điệp cụ thể : nâng cao ngân sách giáo dục, nâng bậc lương của những giáo viên giỏi, nhiều năm kinh nghiệm lên vị trí cao nhất trong thang nghề nghiệp dù họ không có địa vị

hành chính, quan chức nào, dù họ có hay không có trong đảng.

Một vài biện pháp nêu trên dĩ nhiên không đủ để giải quyết những tiêu cực, trì trệ kéo dài từ nhiều năm nay trong lĩnh vực rộng lớn, và quan trọng bậc nhất này. Thực ra, chúng cũng không hoàn toàn “rẻ” như đã nói. Mọi chọn lựa đều có giá của nó. Tính bằng tiền, khi nói chuyện nâng ngân sách. Nhưng nâng chỗ này, giảm chỗ kia lại là chuyện điều chỉnh những ưu tiên, bình thường trong một quốc gia. Khi đó, cái giá thực là sự từ bỏ những ưu tiên giả, những u nhọt thật đang ăn bám của cải từng mảng lớn trong nền kinh tế quốc dân. Sự thổi phồng cái “nguy cơ” về mất ổn định chính trị chẳng hạn, vừa góp phần hữu hiệu vào việc tạo thế đứng chính trị cho những thế lực cục đoan nhất, cả ở trong và ngoài nước, kéo dài những hần thù của quá khứ, vừa tạo gánh nặng vô lý cho ngân sách. Sự nhập nhằng giữa Đảng và Nhà nước cũng là một nguồn phí phạm ngân sách cần được chấm dứt càng sớm càng tốt, không chỉ cho quyền lợi chung mà cả cho Đảng và đảng viên. Những thí dụ khác không khó kiếm. Kéo dài chủ trương thi theo bộ đề thi, chủ trương độc quyền in sách giáo khoa của Bộ giáo dục, là kéo dài những u nhọt làm huỷ hoại sức sống của chính ngành giáo dục, và rộng hơn, của cả dân tộc. Sự tăng trưởng cần thiết và đang diễn ra của nền kinh tế tất yếu sẽ dẫn đến đòi hỏi ngày càng cao hơn về những khả năng lao động sáng tạo, chuyên môn cao, hòng làm chủ những qui trình sản xuất ngày càng phức tạp, tinh vi. Có cần nhắc lại “nguy cơ tụt hậu” đã từng được đề ra, khi so sánh sĩ số sinh viên giữa Việt

Nam và các nước lân bang ? Một con số cũ nhưng so sánh chưa thay đổi bao nhiêu : năm 1993, Việt Nam có 18 sinh viên trên 1 vạn dân, Thái Lan 153, Singapore 214... (Asia Yearbook 1993, FEER). Thái Lan, chứ không phải Việt Nam, đang chuyển nền kinh tế sản xuất hàng công nghiệp kỹ thuật đơn giản sang công nghiệp kỹ thuật cao. Mà Thái Lan đứng đội sổ so với những Hàn Quốc, Malaysia, Singapore, ... về đầu tư cho giáo dục. Nền giáo dục hiện nay, với sự miệt thị nghề giáo, sự e dè trí tuệ, sự đào tạo học tử, thi gian, làm sao đáp ứng những thách thức đó ? Chưa nói tới những yêu cầu khác cơ bản không kém của nền giáo dục mà mặt báo này đã có nhiều dịp nêu lên (Không kể phần tin tức, bài trích của trong nước và những bài đề cập tới vấn đề này một cách gián tiếp, xin xem các bài viết của Bùi Mộng Hùng, số 4, 27 ; Bùi Trọng Liễu, số 8, 14, 23, 26 ; Lê Thành Khôi, số 16, 28 ; Hà Dương Tường, số 24, 29).

Cái giá phải trả cho vài chấn chỉnh cấp bách nêu trên, do đó, dù thế nào cũng sẽ chẳng có gì là quá đáng. Bình thường, sau vài đau đớn trong con phẫu thuật, cơ thể được phục hồi và mạnh lên. Một chính quyền, một đảng chính trị đủ tự tin để đề ra các bước đi chiến lược cho một phần tư thế kỷ sau lẽ nào không đủ sức mạnh tinh thần để chịu vài đau đớn nhất thời và cần thiết ấy ? Bài toán giáo dục nan giải tới mức nào dĩ nhiên tuỳ thuộc vào sự can đảm chính trị của những nhà hữu trách.

HDT

Lục Bình (tiếp theo trang 28)

Tư Thành nhìn gã, quả thực cô ta không chờ đợi nhíp cười tàn khốc ấy của gã. Đôi mắt màu nâu và đẹp đang muốn trần tình, cởi mở bỗng tắt ngấm. Không nói một lời, cô gái bỏ đi.

Bác Hai nhất định không bán lô mía đã dồn cho vợ chồng Ba Ngàn. Dẻo quẹo và dai như đĩa dói, Ba Ngàn đưa cha ông ra mà thề thốt, bảo lãnh, bao giá. Gã đeo bác Hai suốt cả ngày nay, trông ông già sứt đến hàng ký, bộ mặt vốn đã teo tóp càng gầy guộc hơn, râu mép bạc một hàng. Gã biết bác đang bị cửa gan, cắt ruột. Với cái giá lão chủ ghe nài nỉ, bác chỉ còn nước mắc nợ sau vụ mía tưởng là lời “chút đỉnh” như bác mơ ước. Bác dấm chân khi nghe cái giọng có mùi gỉ đường của tay chủ ghe. Gã tưởng bác sẽ dấm vào bộ mặt mâm của lão.

— Không ! Cái thứ ma lai rút ruột như tụi mày. Tao không bán.

Ba Ngàn và vợ neo ghe lại bến tới sáng mai để nài nỉ. Trong khi đó chị Sáu la cà với các cô gái và Tư Thành để ban phát lòng tốt của chị.

Gã không thể ngủ được, không phải vì trăng quá sáng mà vì những ý nghĩ nặng như đá trong đầu. Bác Hai đi dứt, cuộc đời Tư Thành đi dứt, giấc mộng mới nhen nhóm của gã cũng đi dứt. Trong khi mặt dưới lưng gã đang khô lại trong đồng mía, bầu trời miền Nam vẫn mệnh mông và hứa hẹn trên đầu gã.

Tư Thành đến vào lúc nửa đêm. Gã vờ lim dim ngủ.

— Anh Năm ! Em đây !

Gã ú ớ, gập người ngồi dậy. Mùi thơm thanh tân và cái nhìn đắm đuối của cô gái kéo gã ra khỏi mơ nghĩ u ám.

— Đừng giận em, anh Năm — cô gái nói.

— Trời ơi — gã tru lên như một con chó — bộ cô không hay mà ta rủ cô lên thành phố học may là sao ư ? Tôi tưởng cô khôn ngoan hơn thế này nhiều.

Tư Thành ôm quàng vai gã, ngả cái đầu xinh xắn mới gọi

vào ngực gã, nói với giọng đau đớn :

— Em biết chứ, anh Năm. Bốn đứa bạn em lên thành phố học may cả năm nay rồi, em biết chứ. Em ráng trụ lại đời làm muốn. Nhưng chịu không thấu rồi, anh Năm !

Gã không đáp lời, máu đang chảy nhanh hơn trong huyết quản gã. Tư duy đầu vào ngực gã, mái tóc mềm và thơm dính như mật khi gã lùa vào đám ngón tay cứng quèo như răng lược. Rồi gã cảm thấy nổi đau của cô gái chuyển dần đến trái tim gã cùng những lời thổn thức. Vai Tư Thành run lên và gã bất thần ôm trọn trong cánh tay còn lại của mình một thân thể, một cuộc đời như đã chết mà còn nóng ấm.

— Tui với anh mà bít nhau thì chết chìm sớm, anh Năm !

Gã vẫn không nói gì. Bàn tay gã rời mái tóc xuống vai và gã bắt đầu ve vuốt những cơn nấc nghẹn của cô gái.

— Anh Năm ! — cô gập người ngồi lên để cởi những chiếc khuy áo nhỏ như bông chim rồi cầm tay gã lùa vào bộ ngực không cần đeo nịt vú — Em cho anh đó. Anh là người đầu tiên em cho đời con gái của em đó. Vì em sợ không còn được gặp lại anh nữa.

Bây giờ thì gã hét lên :

— Không ! Đừng đi, Tư !

Cô gái không đáp lại. Cô lẩn lộn bên cạnh gã và cuối cùng như một sợi dây kéo quá căng bị đứt, gã bàng hoàng cúi xuống cô gái đang chờ đợi.

Tầng sáng hôm sau, chiếc ghe rời bến mang theo Tư Thành. Bác Hai chờ giá. Nửa tháng sau, một chiếc ghe khác ghé qua cho biết giá mía đã lên lại, nhưng đồng mía của bác Hai đã thành củi khô. Đêm ấy đồng mía của bác cháy rụi. Gã biết ông già đã lụi cụi đổ lên cả một can đầu và gã lặng im, đáp một con tàu đò xuôi sông Cái Lớn.

(trích từ *Tập truyện* của Nguyễn Quang Thân, Nhà Xuất Bản Hội Nhà Văn, 1996)